

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐỀ TÀI:
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN
PHÚ DUNG QUẤT**

Giảng viên hướng dẫn	: Th.S Nguyễn Xuân Hiệp
Sinh viên thực hiện	: Nguyễn Tuyết Nhung
Mã số sinh viên	: 2254010008
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH1

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2025

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Tuyết Nhung
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 - 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

- Các chứng từ kế toán có liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất.
- Hệ thống sổ kế toán: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, Sổ chi tiết các tài khoản 511, 515, 632, 635, 641, 642, 711, 811, 911.
- Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo Có, giấy báo Nợ và các chứng từ liên quan.

4. Các bảng biểu

- Sơ đồ hạch toán kế toán các nghiệp vụ liên quan.

5. Cán bộ hướng dẫn: Các anh/ chị nhân viên phòng kế toán của Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất.

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC BẢNG

DANH MỤC HÌNH ẢNH

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

LỜI CẢM ƠN

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH. 1

1.1. Khái quát chung về Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ... 1

1.1.1. Các khái niệm về Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 1

1.1.2. Nhiệm vụ và vai trò của Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 1

1.2. Kế toán Doanh thu và Thu nhập khác. 2

1.2.1. Kế toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. 2

1.2.1.1. Đặc điểm Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. 2

1.2.1.2. Chứng từ sử dụng.4

1.2.1.3. Tài khoản sử dụng.4

1.2.1.4. Phương pháp hạch toán.5

1.2.2. Kế toán Các khoản giảm trừ doanh thu. 6

1.2.2.1. Đặc điểm các khoản giảm trừ doanh thu. 6

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng.6

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.6

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán.7

1.2.3. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính. 7

1.2.3.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính. 7

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng.8

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng.8

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán.9

1.2.4. Kế toán Thu nhập khác. 10

1.2.4.1. Đặc điểm thu nhập khác. 10

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng.10

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng.10

1.2.4.4 Phương pháp hạch toán: 10

1.3. Kế toán các loại chi phí.11

1.3.1. Kế toán Giá vốn hàng bán. 11

1.3.1.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán.	11
1.3.1.2. Các phương pháp tính giá xuất kho.	11
1.3.1.3. Chứng từ sử dụng.	12
1.3.1.4. Tài khoản sử dụng.	13
1.3.1.5. Phương pháp hoạch toán.	13
1.3.2. Kế toán Chi phí tài chính.	14
1.3.2.1. Đặc điểm chi phí tài chính.	14
1.3.2.2. Chứng từ sử dụng.	15
1.3.2.3. Tài khoản sử dụng.	15
1.3.2.4. Phương pháp hoạch toán.	16
1.3.3. Kế toán Chi phí bán hàng.	16
1.3.3.1. Đặc điểm chi phí bán hàng.	16
1.3.3.3. Tài khoản sử dụng.	17
1.3.3.4. Phương pháp hoạch toán.	17
1.3.4. Kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp.	18
1.3.4.1. Đặc điểm chi phí quản lý doanh nghiệp.	18
1.3.4.2. Chứng từ sử dụng.	19
1.3.4.3. Tài khoản sử dụng.	19
1.3.4.4. Phương pháp hoạch toán.	20
1.3.5. Kế toán Chi phí khác.	20
1.3.5.1. Đặc điểm chi phí khác.	20
1.3.5.2. Chứng từ sử dụng.	21
1.3.5.3. Tài khoản sử dụng.	21
1.3.5.4. Phương pháp hoạch toán.	22
1.3.6. Kế toán Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	22
1.3.6.1. Đặc điểm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	22
1.3.6.2. Chứng từ sử dụng.	22
1.3.6.3. Tài khoản sử dụng.	22
1.3.6.4. Phương pháp hoạch toán.	24
1.4. Kế toán Xác định kết quả kinh doanh.	24
1.4.1. Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh.	24
1.4.2. Chứng từ sử dụng.	25
1.4.3. Tài khoản sử dụng.	25
1.4.4. Phương pháp hoạch toán.	26

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT	27
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất	27
<i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển</i>	<i>27</i>
<i>2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh, chức năng và nhiệm vụ của công ty.....</i>	<i>27</i>
<i>2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.</i>	<i>28</i>
<i>2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty.</i>	<i>29</i>
<i>2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.</i>	<i>29</i>
<i>2.1.4.2. Hình thức ghi sổ kế toán</i>	<i>31</i>
<i>2.1.5. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán</i>	<i>32</i>
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ...	33
tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất.	33
<i>2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.</i>	<i>33</i>
<i>2.2.1.1. Chứng từ sử dụng.</i>	<i>33</i>
<i>2.2.1.2. Sổ sách sử dụng</i>	<i>34</i>
<i>2.2.1.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.</i>	<i>34</i>
<i>2.2.1.4. Nghiệp vụ minh họa.</i>	<i>34</i>
<i>2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.</i>	<i>37</i>
<i>2.2.2.1. Chứng từ sử dụng.</i>	<i>37</i>
<i>2.2.2.2. Sổ sách sử dụng.</i>	<i>37</i>
<i>2.2.2.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại công ty.</i>	<i>37</i>
<i>2.2.2.4. Nghiệp vụ minh họa.</i>	<i>38</i>
<i>2.2.3. Kế toán thu nhập khác.</i>	<i>42</i>
<i>2.2.3.1. Chứng từ sử dụng.</i>	<i>42</i>
<i>2.2.3.2. Sổ sách sử dụng.</i>	<i>42</i>
<i>2.2.3.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại công ty.</i>	<i>42</i>
<i>2.2.3.4. Nghiệp vụ minh họa.</i>	<i>43</i>
<i>2.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán.</i>	<i>44</i>
<i>2.2.4.1. Sổ sách sử dụng.</i>	<i>44</i>
<i>2.2.4.2. Trình tự luân chuyển chứng từ tại công ty.</i>	<i>44</i>
<i>2.2.4.3. Nghiệp vụ minh họa.</i>	<i>45</i>
<i>2.2.5. Kế toán chi phí tài chính.</i>	<i>46</i>
<i>2.2.5.1. Chứng từ sử dụng.</i>	<i>46</i>
<i>2.2.5.2. Sổ sách sử dụng.</i>	<i>46</i>
<i>2.2.5.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.</i>	<i>46</i>

2.2.5.4. Nghiệp vụ minh họa.	47
2.2.6. Kế toán chi phí bán hàng.	49
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng.	49
2.2.6.2. Sổ sách sử dụng.	49
2.2.6.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại công ty.	50
2.2.6.4. Nghiệp vụ minh họa.	50
2.2.7. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	55
2.2.7.1. Chứng từ sử dụng.	55
2.2.7.2. Sổ sách sử dụng.	55
2.2.7.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.	55
2.2.7.4. Nghiệp vụ minh họa.	56
2.2.8. Kế toán chi phí khác.	67
2.2.8.1. Chứng từ sử dụng.	68
2.2.8.2. Sổ sách sử dụng.	68
2.2.8.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.	68
2.2.8.4. Nghiệp vụ minh họa.	68
2.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	68
2.2.9.1. Chứng từ sử dụng.	68
2.2.9.2. Sổ sách sử dụng.	68
2.2.9.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.	68
2.2.9.4. Nghiệp vụ minh họa.	69
2.2.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	69
2.2.10.1. Sổ sách sử dụng.	69
2.2.10.2. Trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.	69
2.2.10.3. Nghiệp vụ minh họa.	70
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT.	75
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất.	75
3.1.1. Ưu điểm.	75
3.1.2. Hạn chế.	76
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất.	77

KẾT LUẬN

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

PHỤ LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Hoạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ	5
Sơ đồ 1.2: Hoạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chịu thuế xuất khẩu, môi trường và TTĐB	6
Sơ đồ 1.3: Hoạch toán tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu.	7
Sơ đồ 1.4: Hoạch toán tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính	9
Sơ đồ 1.5: Hạch toán tài khoản 711 – Thu nhập khác	11
Sơ đồ 1.6: Hoạch toán Giá vốn hàng bán	14
Sơ đồ 1.7: Hoạch toán tài khoản 635 – Chi phí tài chính	16
Sơ đồ 1.8: Hoạch toán tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.	18
Sơ đồ 1.9: Hoạch toán tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp	20
Sơ đồ 1.10: Hoạch toán tài khoản 811 – Chi phí khác	22
Sơ đồ 1.11: Hoạch toán tài khoản 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành	24
Sơ đồ 1.12: Hoạch toán tài khoản 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại.	24
Sơ đồ 1.13: Hoạch toán tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh	26
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	28
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	29
Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ nhật ký chung	31
Sơ đồ 2.4: Phần mềm kế toán tại công ty	32
Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ của kế toán doanh thu bán hàng và CCDV	34
Sơ đồ 2.6: Quy trình luân chuyển chứng từ của kế toán doanh thu hoạt động tài chính	37
Sơ đồ 2.7: Quy trình luân chuyển chứng từ của thu nhập khác	42
Sơ đồ 2.8 : Quy trình luân chuyển chứng từ của giá vốn hàng bán	44
Sơ đồ 2.9 : Quy trình luân chuyển chứng từ của chi phí tài chính	46
Sơ đồ 2.10: Quy trình luân chuyển chứng từ của chi phí bán hàng	50
Sơ đồ 2.11: Quy trình luân chuyển chứng từ của chi phí quản lý doanh nghiệp	55
Sơ đồ 2.12: Quy trình luân chuyển chứng từ của chi phí khác	68
Sơ đồ 2.13: Quy trình luân chuyển chứng từ của chi phí thuế TNDN	69
Sơ đồ 2.14: Quy trình luân chuyển chứng từ của xác định kết quả kinh doanh	69

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Trích sổ chi tiết Tk 511- “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”	36
Bảng 2.2: Trích sổ cái TK 511- “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”	37
Bảng 2.3: Trích sổ chi tiết TK 5151 –“ Lãi tiền cho vay, tiền gửi”	39
Bảng 2.4 : Trích sổ chi tiết TK 5152 –“ Chênh lệch lãi tỷ giá”	41
Bảng 2.5: Trích sổ cái TK 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”	42
Bảng 2.6: Trích sổ chi tiết tài khoản 711 “Thu nhập khác”	44
Bảng 2.7: Trích sổ cái TK 711 “ Thu nhập khác”	44
Bảng 2.8: Trích sổ chi tiết TK 6321 - “Giá vốn hàng bán”	45
Bảng 2.9: Trích sổ cái TK 6321- “ Giá vốn hàng bán”	46
Bảng 2.10: Trích sổ chi tiết TK 6351- “Chênh lệch lỗ tỷ giá”	47
Bảng 2.11: Trích sổ chi tiết TK 6352 “Chi phí lãi vay”	49
Bảng 2.12: Trích sổ cái của tài khoản 635 - “Chi phí tài chính”	49
Bảng 2.13 : Bảng tổng hợp tiền lương CNV T11/2025	50
Bảng 2.14 : Trích sổ chi tiết TK 6411- “Chi phí nhân viên”	51
Bảng 2.15: Trích sổ chi tiết TK 6417- “Chi phí dịch vụ mua ngoài”	53
Bảng 2.16: Trích sổ chi tiết tài khoản 6418 “Chi bằng tiền khác”	54
Bảng 2.17: Trích sổ cái TK 641- “Chi phí bán hàng”	54
Bảng 2.18: Bảng tổng hợp lương công nhân viên lao động T11/2025	56
Bảng 2.19: Trích sổ chi tiết TK 6421- “Chi phí nhân viên quản lý”	57
Bảng 2.20: Trích sổ chi tiết tài khoản 6422- “Chi phí vật liệu quản lý”	58
Bảng 2.21: Trích sổ chi tiết tài khoản 6423- “ Chi phí đồ dùng văn phòng”	60
Bảng 2.22: Trích khấu hao tài sản cố định	61
Bảng 2.24: Trích sổ chi tiết TK 6425- “Thuế, phí và lệ phí”	64
Bảng 2.25: Trích sổ chi tiết TK 6427- “chi phí dịch vụ mua ngoài”	66
Bảng 2.26: Trích sổ chi tiết TK 6428- “ Chi phí bằng tiền khác”	67
Bảng 2.27: Trích sổ cái TK 642- “Chi phí quản lý doanh nghiệp”	67
Bảng 2.28: Trích sổ chi tiết TK 911- “ Xác định kết quả kinh doanh”	70
Bảng 2.29: Trích sổ nhật ký chung tháng 11 (Trang 1)	71
Bảng 2.30: Trích sổ nhật ký chung tháng 11 (Trang 2)	72
Bảng 2.31: Trích sổ nhật ký chung tháng 11 (Trang 3)	73
Bảng 2.32: Trích sổ cái TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh”	74

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Logo Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất	27
Hình 2.2: Giao diện phần mềm kế toán SIVIP	33
Hình 2.3: Hóa đơn GTGT số 00000053	35
Hình 2.4: Màn hình hoạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36
Hình 2.5: Giấy báo có ngày 25/11/2025	38
Hình 2.6: Màn hình hoạch toán lãi tiền gửi ngân hàng T11/2025	39
Hình 2.7 : Giấy báo có ngày 27/11/2025	40
Hình 2.8: Màn hình hoạch toán chênh lệch lãi tỷ giá	41
Hình 2.9: Giấy báo có ngày 11/11/2025	43
Hình 2.10: Màn hình hoạch toán chuyển tiền thưởng tàu	43
Hình 2.11: Màn hình hoạch toán giá vốn hàng bán	45
Hình 2.12 : Màn hình hoạch toán chênh lệch lỗ tỷ giá tiền hàng	47
Hình 2.13: Giấy báo nợ ngày 4/11/2025	48
Hình 2.14: Màn hình hoạch toán chi phí lãi vay	48
Hình 2.15 : Màn hình hoạch toán chi phí nhân viên	51
Hình 2.16: Hóa đơn GTGT số 1120	52
Hình 2.17: Màn hình hoạch toán chi phí vận chuyển viên nén gỗ	53
Hình 2.18: Màn hình hoạch toán xuất kho dầu 0,05S - II	54
Hình 2.19: Màn hình hoạch toán chi phí nhân viên quản lý	56
Hình 2.20: Hóa đơn số 11 thanh toán tiền sửa chữa xe	57
Hình 2.21: Màn hình hoạch toán thanh toán tiền sửa chữa xe 76A-08267	58
Hình 2.23: Hóa đơn GTGT số 00002350	59
Hình 2.24: Màn hình hoạch toán chi tiền thay 2 hộp mực máy photocopy	59
Hình 2.25: Phiếu chi theo hóa đơn số 00002350	60
Hình 2.26: Màn hình hoạch toán chi phí khấu hao TSCĐ	62
Hình 2.27: Giấy báo nợ ngày 03/11/2025	63
Hình 2.28: màn hình hoạch toán TK 6425- “ Thuế, phí và lệ phí”	63
Hình 2.29: Hóa đơn dịch vụ viễn thông	64
Hình 2.30: Màn hình hoạch toán chi tiền cước dịch vụ FTTH	65
Hình 2.31: Phiếu chi theo hóa đơn dịch vụ	65
Hình 2.32: Màn hình hoạch toán chi phí tiếp khách	66

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Diễn giải
1	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
2	GTGT	Giá trị gia tăng
3	TT - BTC	Thông tư - Bộ tài chính
4	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
5	UTXK	Ủy thác xuất khẩu
6	XK	Xuất khẩu
7	BDMT	Tán khô tuyệt đối
8	BVMT	Bảo vệ môi trường
9	CKTM	Chiết khấu thương mại
10	GGHB	Giảm giá hàng bán
11	HBCTL	Hàng bán bị trả lại
12	TSCĐ	Tài sản cố định
13	K/C	Kết chuyển
14	KQKD	Kết quả kinh doanh
15	HTK	Hàng tồn kho
16	CPSX	Chi phí sản xuất
17	TT	Thực tế
18	SP	Sản phẩm
19	CP	Chi phí
18	NT	Ngoại tệ
19	NPT	Nợ phải trả
20	HH, DV	Hàng hóa, dịch vụ
21	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
22	DP NPTKĐ	Dự phòng phải thu khó đòi
23	NSNN	Ngân sách nhà nước
24	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
25	TS	Tài sản
26	BH	Bảo hiểm

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, em xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng cùng toàn thể quý thầy cô trong Khoa Kế toán. Nhờ có sự tận tâm trong công tác giảng dạy cũng như sự nhiệt huyết trong việc truyền đạt kiến thức và kỹ năng chuyên môn, quý thầy cô đã giúp em xây dựng được một nền tảng học thuật vững chắc, từ đó làm hành trang để em có thể tự tin bước vào môi trường làm việc thực tế sau này.

Lời tiếp theo, em xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến thầy hướng dẫn - Th.S Nguyễn Xuân Hiệp, người đã luôn tận tâm chỉ bảo, đồng hành và đưa ra những ý kiến góp ý quý báu trong suốt quá trình em nghiên cứu và thực hiện đề tài. Nhờ sự hướng dẫn sát sao và tinh thần hỗ trợ của thầy, em đã có thể định hướng tốt hơn cho nội dung cũng như hoàn thiện bài khóa luận một cách hiệu quả hơn.

Không những vậy, em cũng xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc cùng toàn thể anh chị nhân viên tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất - nơi mà em có cơ hội thực tập và được học hỏi các công việc thực tế. Mặc dù khối lượng công việc tại công ty rất nhiều và bận rộn, song các anh chị vẫn luôn nhiệt tình chỉ bảo, hỗ trợ em trong từng công việc, giúp em hiểu rõ hơn về môi trường làm việc thực tế, cũng như đúc kết được nhiều kinh nghiệm thực tiễn, em tin rằng đây sẽ là hành trang thiết thực cho con đường sự nghiệp của em sau này. Tuy đã nỗ lực hết mình trong quá trình thực hiện, nhưng do thời gian thực tập có hạn và kiến thức thực tế của bản thân em vẫn còn nhiều hạn chế, nên trong quá trình làm khóa luận vẫn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em kính mong nhận được sự thông cảm và những đóng góp chia sẻ quý báu từ quý cô thầy và các anh chị để em có thể rút ra bài học, từng bước hoàn thiện bản thân, cũng như nâng cao kỹ năng, kiến thức trong học tập và ở trong công việc về sau.

Lời cuối cùng em xin kính chúc quý thầy, cô dồi dào sức khỏe và thành công trong sự nghiệp cao quý. Đồng kính chúc các bạn hoàn thành xuất sắc khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

1.1. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu

Trong nền kinh tế hiện nay, một doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ, dù hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề nào cũng đều luôn quan tâm tới kết quả hoạt động kinh doanh. Nó là chỉ tiêu phản ánh kết quả mà doanh nghiệp đạt được trong cả một giai đoạn.

Để có được một kết quả hoạt động kinh doanh chính xác, một mức lợi nhuận cao cần có sự kết hợp hài hòa, hợp lý giữa việc tăng doanh thu với việc kiểm soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí của doanh nghiệp. Do đó, công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vô cùng quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh mà công ty đạt được.

Doanh nghiệp kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao là cơ sở doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển ngày càng vững chắc trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh sôi động và quyết liệt. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh, vận dụng những kiến thức đã được học kết hợp với thực tế thu nhận được từ công tác kế toán tại công ty TNHH Lâm sản Bình An Phú Dung Quất, em đã chọn đề tài “ **Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất**” để nghiên cứu và làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

1.2. Mục đích nghiên cứu

Thứ nhất, tổng hợp và hệ thống hóa một số lý luận, những lý thuyết có liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Thứ hai, tìm hiểu về tình hình tài chính công ty, thực trạng công tác tổ chức bộ máy kế toán. Đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất.

Thứ ba, kết hợp đối chiếu giữa lý thuyết được học với sự trải nghiệm thực tế từ đó đưa ra những đánh giá, nhận xét cũng như đề xuất một số quan điểm các nhân nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất.

1.3. Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu đề tài là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất

1.4. Phạm vi nghiên cứu

Tập trung nghiên cứu đề tài về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất thực hiện. Cùng với số liệu thu thập được là năm 2025

1.5. Phương pháp nghiên cứu

❖ Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Dựa vào các tài liệu về Hệ thống Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán hiện hành, các nội dung có trong hồ sơ kế toán của công ty để tìm kiếm, thu thập, cung cấp thông tin cần thiết để hoàn thành đề tài nghiên cứu.

❖ Phương pháp thu thập số liệu, quan sát

- Trực tiếp quan sát, phỏng vấn việc hoạch toán kế toán từ công việc của các anh chị trong văn phòng kế toán
- Thu thập số liệu, tài liệu, các hóa đơn chứng từ, hồ sơ liên quan đến quy trình hoạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh do công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất thực hiện

❖ Phương pháp xử lý số liệu, thống kê, phân tích và tổng hợp

Sử dụng phần mềm excel để tính toán, phân tích số liệu thu thập được từ các hóa đơn, chứng từ làm căn cứ cho việc hoạch toán kế toán

1.6. Kết cấu đề tài

❖ Nội dung của đề tài gồm:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất

Chương 3: Nhận xét, đóng góp ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.1. Khái quát chung về Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Các khái niệm về Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

a. Khái niệm về doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (Theo VAS 14).

b. Khái niệm về chi phí:

Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu (Theo VAS 01).

c. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là số lãi hoặc lỗ mà doanh nghiệp đạt được trong một kỳ kế toán, phản ánh hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính và các hoạt động khác

1.1.2. Nhiệm vụ và vai trò của Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

a. Nhiệm vụ:

- Ghi chép và phản ánh đầy đủ các khoản doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh để đảm bảo tính hợp lý, chính xác và kịp thời.
- Tập hợp các chi phí liên quan trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động kinh doanh để xác định kết quả kinh doanh thực tế của đơn vị.
- Xác định kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ của đơn vị) dựa vào doanh thu và chi phí đã ghi nhận trong kỳ để kịp thời đưa ra quyết định quản lý, lập kế hoạch chiến lược và định vị lại đơn vị hoặc sản phẩm, dịch vụ trên thị trường. Từ đó trình bày các thông tin về doanh thu và chi phí và xác định kết quả kinh doanh lên BCTC, giúp cho các bên liên quan đánh giá về khả năng sinh lời của đơn vị

b. Vai trò:

Trong doanh nghiệp, kế toán là công cụ công trọng để quản lý quá trình kinh doanh, thông qua số liệu của kế toán nói chung và số liệu kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng giúp cho doanh nghiệp đánh giá được tình hình hoạt động của công ty.

- Đối với nhà quản lý: giúp theo dõi hiệu quả kinh doanh, kiểm soát chi phí và lập kế hoạch phát triển doanh nghiệp.

- Đối với nhà đầu tư và tổ chức tài chính: Cung cấp cơ sở để đánh giá khả năng sinh lời và đưa ra quyết định cho vay.
- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: hỗ trợ tổng hợp số liệu kinh tế, điều chỉnh chính sách và xác định nghĩa vụ thuế chính xác.

1.2. Kế toán Doanh thu và Thu nhập khác.

1.2.1. Kế toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1. Đặc điểm Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

a. Nội dung

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là các khoản thu được từ hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất hoặc do doanh nghiệp mua vào sau đó bán ra. Trong đó:

- Doanh thu bán hàng: là doanh thu bán các mặt hàng, sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu.

❖ Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp

chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Các phương thức bán hàng.

❖ Phương thức bán hàng trong doanh nghiệp thương mại nội địa.

- *Phương thức bán hàng tại kho của doanh nghiệp:* Là phương thức bán hàng mà bên mua cử đại diện đến kho hoặc các phân xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Sau đó doanh nghiệp xuất kho hàng hóa giao trực tiếp cho đại diện mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác định là tiêu thụ.
- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:* Căn cứ vào hợp đồng đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp xuất kho hàng hóa, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng. Chỉ khi nào được bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ.
- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:* Đối với hình thức bán hàng trả chậm, trả góp, người mua được trả tiền mua hàng thành nhiều lần. Ngoài giá tiền thu theo giá bán thông thường doanh nghiệp còn thu thêm ở người mua một khoản lãi do trả chậm. Đối với hình thức này, về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua, hàng hóa bán trả góp được coi là tiêu thụ, bên bán ghi nhận doanh thu.
- *Phương thức bán hàng đại lý:* Là hình thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi doanh nghiệp được cơ sở đại lý, ký gửi thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã được bán, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu về số hàng hóa này.

❖ Phương thức bán hàng đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

- *Phương thức xuất khẩu hàng hóa qua hình thức trực tiếp:* Doanh nghiệp sẽ làm việc trực tiếp với bên nhập khẩu, thực hiện việc ký hợp đồng trực tiếp, giao hàng và nhận tiền

- *Phương thức xuất khẩu qua ủy thác:* Doanh nghiệp sẽ không tự xuất khẩu hàng hóa hay phải thu tiền hàng, việc này sẽ do một đơn vị xuất khẩu uy tín thực hiện xuất khẩu hàng hóa cho mình.

d. Phương thức thanh toán.

- *Phương thức thanh toán trực tiếp:* Đối với những khách hàng mua hàng hóa, dịch vụ sẽ thanh toán ngay sau khi công ty hoàn thành cung cấp dịch vụ, hàng hóa.

+ Thanh toán bằng tiền mặt: đối với giao dịch dưới 20 triệu đồng trước ngày 01/07/2025 và dưới 5 triệu đồng kể từ ngày 01/07/2025.

+ Thanh toán bằng chuyển khoản: đối với giao dịch trên 20 triệu đồng trước ngày 01/07/2025 và trên 5 triệu đồng kể từ ngày 01/07/2025.

- *Phương thức thanh toán trả sau:* Đối với những khách hàng làm ăn lâu dài và ký kết hợp đồng với công ty thì các khoản mua hàng, dịch vụ sẽ được ghi vào công nợ và thanh toán định kỳ hoặc tùy vào cam kết trong hợp đồng kinh tế.

- *Phương thức thanh toán trả trước:* Đối với những khách hàng mới hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ lớn, công ty sẽ yêu cầu khách hàng đặt cọc một phần và thanh toán phần còn lại sau khi hoàn thành việc giao hàng hoặc cung cấp dịch vụ.

1.2.1.2. Chứng từ sử dụng.

- Hợp đồng kinh tế;
- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT, vé tàu xe...;
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ;
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,....

1.2.1.3. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng **tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

❖ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 6 tài khoản cấp 2 như sau:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC: Doanh nghiệp có thể mở các tài khoản chi

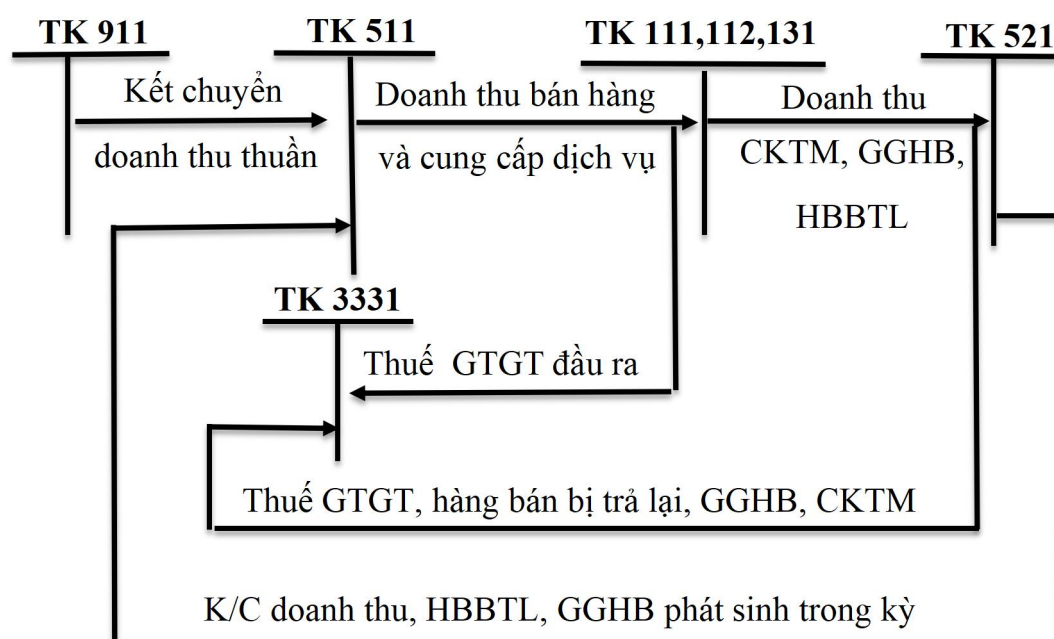
tiết doanh thu phát sinh từ hợp đồng với khách hàng (ví dụ doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ,...) cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 511

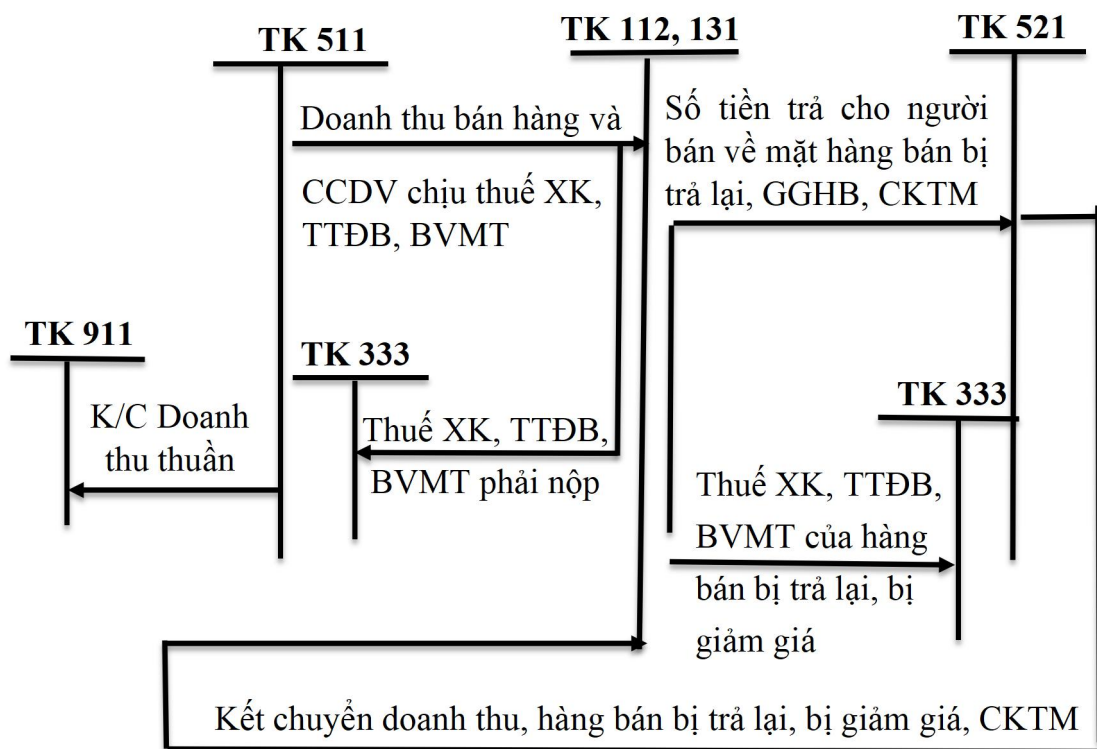
Nợ	TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Các khoản giảm trừ doanh thu kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

1.2.1.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



Sơ đồ 1.2: Hoạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chịu thuế xuất khẩu, môi trường và TTĐB

1.2.2. Kế toán Các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2.1. Đặc điểm các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn điều chỉnh hoặc biên bản điều chỉnh

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/12/2014, để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng **Tài khoản 521 - “ Các khoản giảm trừ doanh thu”**

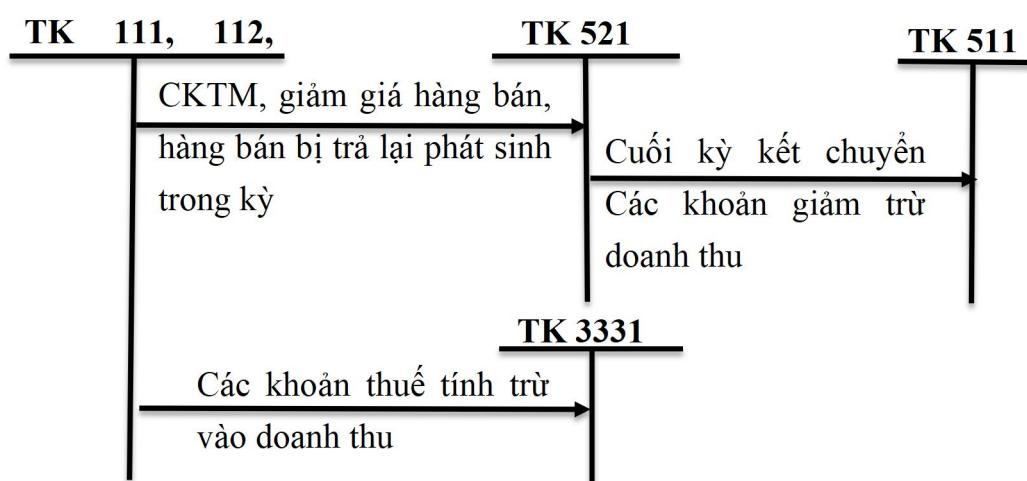
- ❖ Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu có 3 tài khoản cấp 2
 - Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại
 - Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại
 - Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán

- ❖ Theo thông tư 99/2025/TT-BTC: Doanh nghiệp có thể mở các tài khoản chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh (như: Chiết khấu thương mại, Giảm giá hàng bán, Hàng bán bị trả lại,..) cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị.
- ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 521

Nợ	TK 521- Các khoản giảm trừ doanh thu	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán		Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.3: Hạch toán tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.3. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.3.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu tài chính là doanh thu thu được từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp,

lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu, bảng sao kê tiền gửi ngân hàng;
- Giấy báo có;
- Các chứng từ khác có liên quan...

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng.

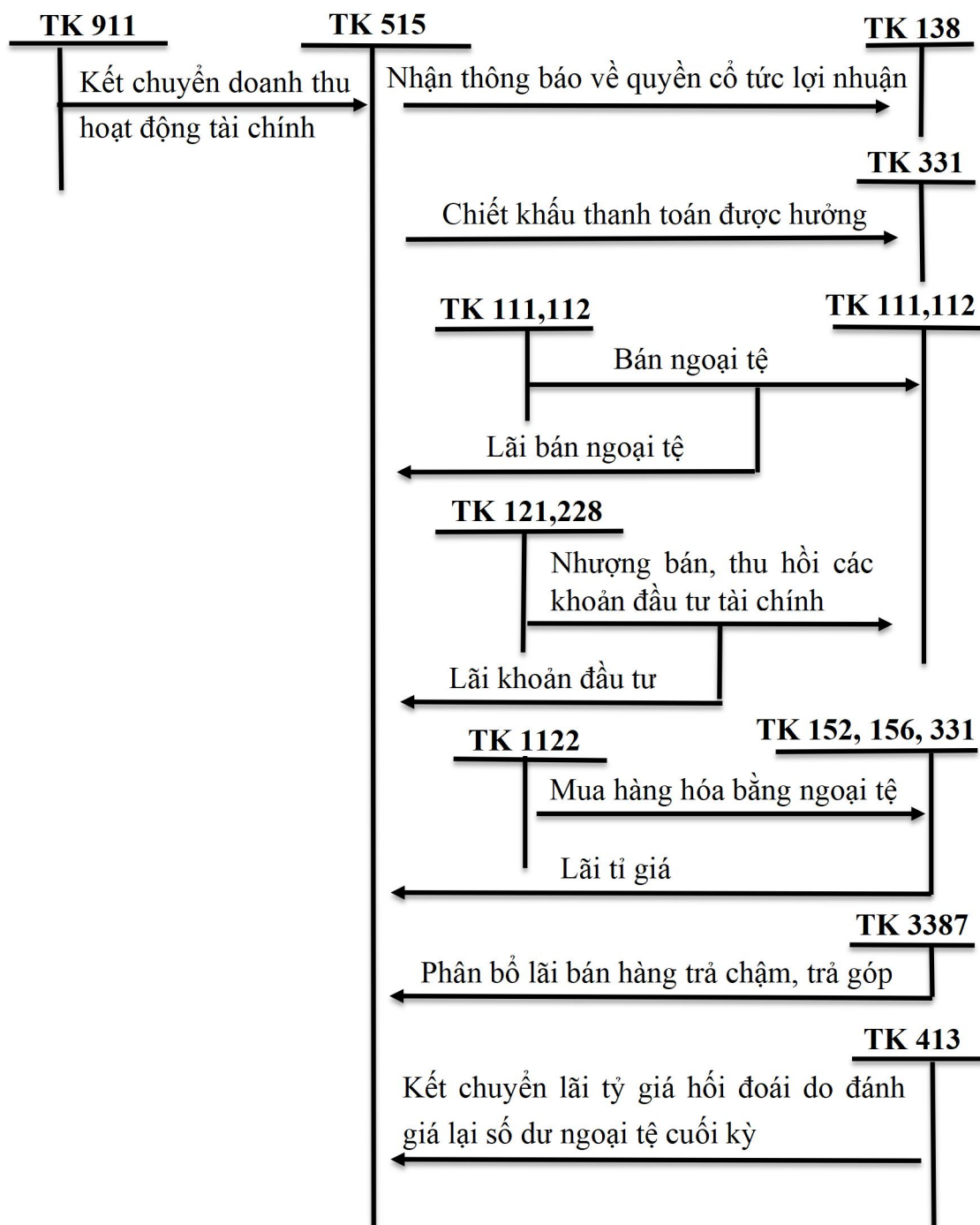
Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính kế toán sử dụng **tài khoản 515 - “Doanh thu hoạt động tài chính”**

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 515

Nợ	TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.		Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.4: Hạch toán tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

❖ Thông tư 99/2025/TT-BTC: Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Riêng số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, doanh nghiệp phải đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn.

1.2.4. Kế toán thu nhập khác.

1.2.4.1. Đặc điểm thu nhập khác.

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, Tài khoản thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng.

- Các biên bản thanh lý tài sản cố định;
- Biên bản phạt vi phạm hợp đồng;
- Biên lai nộp thuế, giấy thông báo hoàn thuế;
- Hóa đơn GTGT;
- Các chứng từ khác có liên quan;

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng.

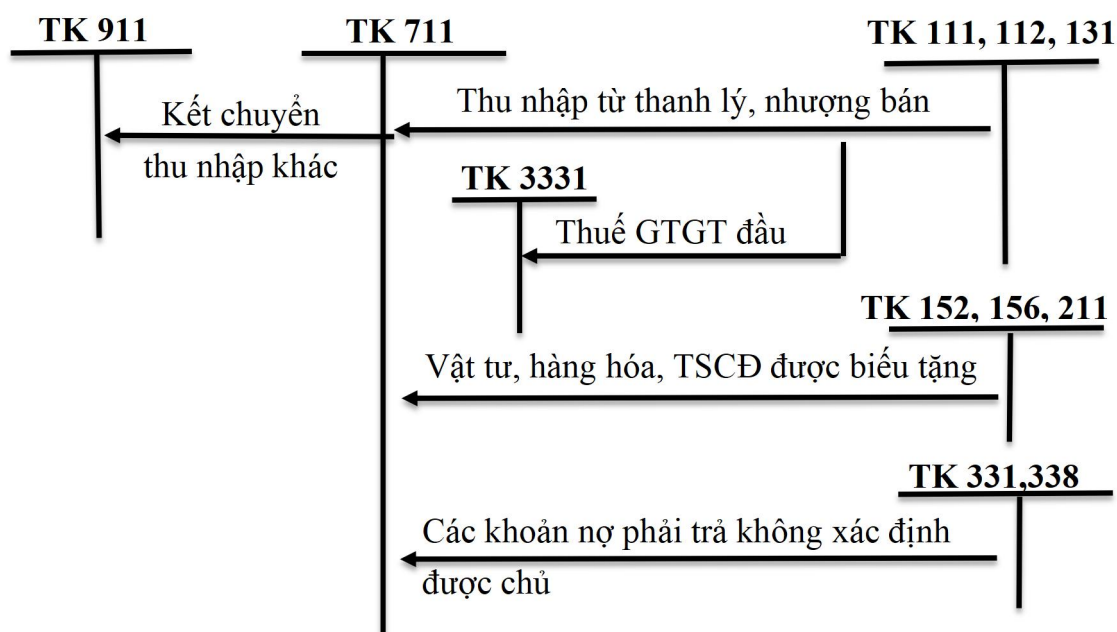
Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh thu nhập khác kế toán sử dụng tài khoản 711 – “Thu nhập khác”.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711

Nợ	TK 711 – Thu nhập khác	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.4 Phương pháp hoạch toán:



Sơ đồ 1.5: Hạch toán tài khoản 711 – Thu nhập khác

1.3. Kế toán các loại chi phí.

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.3.1.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá trị phản ánh lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp của doanh nghiệp đã bán được của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian. Nó phản ánh mức tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ,... cũng như tham gia xác định lợi nhuận của doanh nghiệp trong một chu kỳ kinh doanh.

1.3.1.2. Các phương pháp tính giá xuất kho.

a. Xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này, kế toán dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ.

b. Xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp bình quân gia quyền: Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

Bình quân thời điểm (Bình quân mỗi lần nhập): Khi áp dụng phương pháp này, kế toán sẽ xác định lại giá trị tồn kho của từng loại hàng hóa sau mỗi lần nhập hàng. Theo đó đơn giá xuất kho mỗi lần xuất có thể khác nhau trong cùng một kỳ kế toán.

Công thức:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập thứ } n + \text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ nhập kho ở lần nhập thứ } n}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập thứ } n + \text{Số lượng hàng } i \text{ nhập kho ở lần nhập thứ } n}$$

Bình quân cuối kỳ: Khi áp dụng phương pháp này, đến cuối kỳ mới xác tính giá vốn của hàng hóa xuất kho trong kỳ.

Công thức:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}$$

c. Xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

d. Phương pháp giá bán lẻ

Theo thông tư 99, phương pháp giá bán lẻ thường được áp dụng trong ngành bán lẻ, như siêu thị hoặc các đơn vị kinh doanh có đặc điểm tương tự. Theo phương pháp tính giá xuất kho này, giá trị hàng tồn được xác định dựa trên giá bán của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần lợi nhuận biên theo một tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ phần trăm này cần được xác định phù hợp, có tính đến trường hợp hàng hóa bị giảm giá thấp hơn so với giá bán ban đầu. Thông thường, mỗi bộ phận hoặc nhóm hàng bán lẻ sẽ áp dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng để phản ánh sát hơn đặc điểm kinh doanh của từng nhóm hàng.

e. Phương pháp chi phí chuẩn

Theo thông tư 99, phương pháp chi phí chuẩn là phương pháp tính giá xuất kho dựa trên mức sử dụng bình thường của NVL, công cụ dụng cụ, nhân công, chi phí sản xuất chung dự kiến. Tất cả các yếu tố này cần được xem xét lại thường xuyên để điều chỉnh chi phí cho phù hợp điều kiện hiện tại (nếu cần)

1.3.1.3. Chứng từ sử dụng.

- Hợp đồng mua bán;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu xuất kho và phiếu kế toán;
- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn;
- Biên bản giao nhận hàng hóa;

1.3.1.4. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC để phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng trong kỳ kế toán sử dụng **tài khoản 632 – “Giá vốn hàng bán”**.

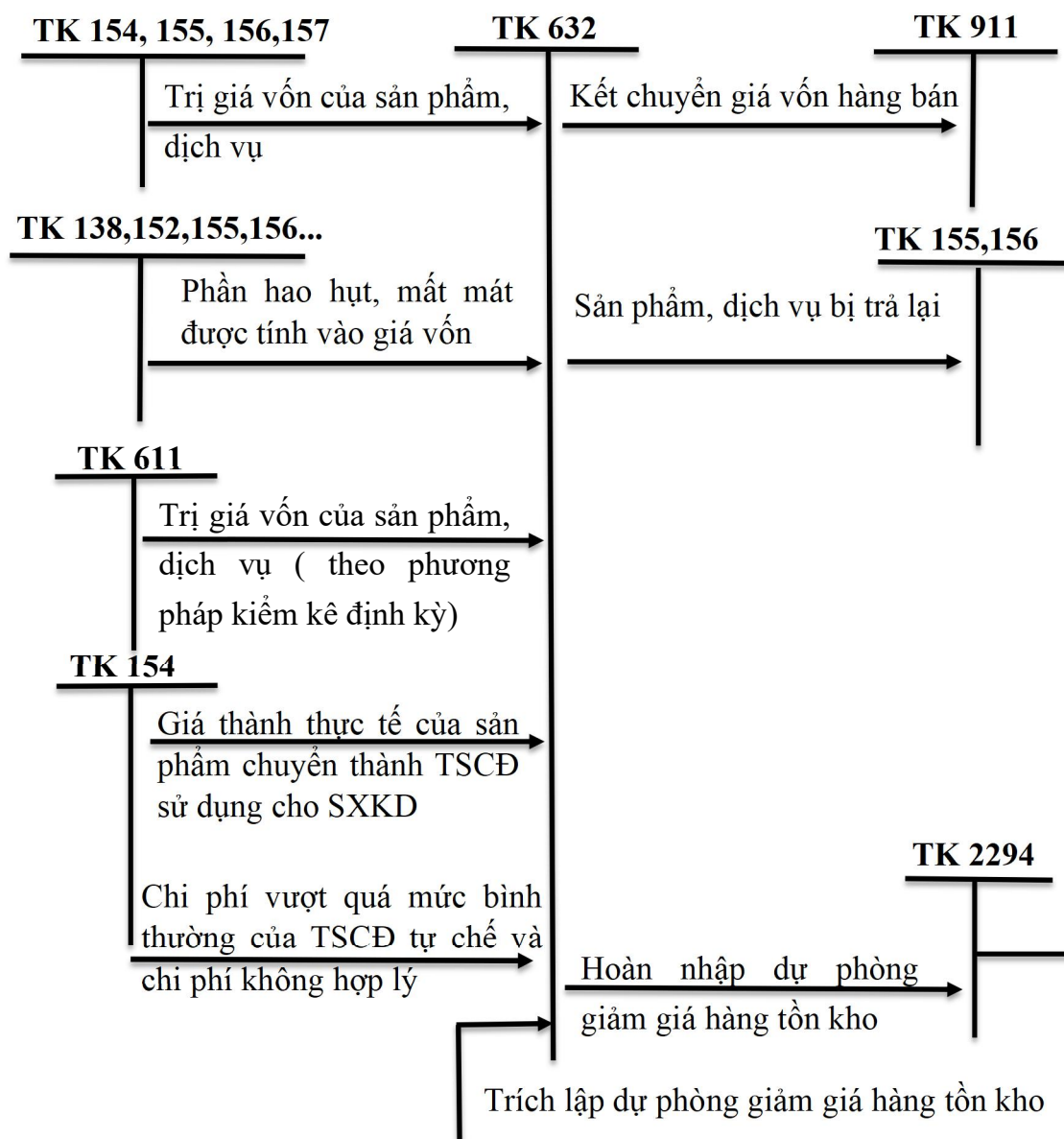
❖ Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 632

Nợ	TK 632 – Giá vốn hàng bán	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành; + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ. - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

❖ Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC: Kết cấu bên Nợ của TK 632 có phản ánh thêm trị giá vốn của tài sản sinh học (trừ cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ và súc vật làm việc) đã bán trong kỳ.

1.3.1.5. Phương pháp hoạch toán.



Sơ đồ 1.6: Hoạch toán Giá vốn hàng bán

❖ Thông tư 99/2025/TT-BTC: Không phân biệt hoạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ. Không sử dụng tài khoản 611 – Mua hàng để hoạch toán trị giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ trong kỳ (Phương pháp kiểm kê định kỳ).

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính.

1.3.2.1. Đặc điểm chi phí tài chính.

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm

giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

1.3.2.2. Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi;
- Hợp đồng kinh tế vay nợ;
- Sổ phụ ngân hàng;
- Giấy báo nợ, phiếu thu;
- Bảng tính lãi;

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng.

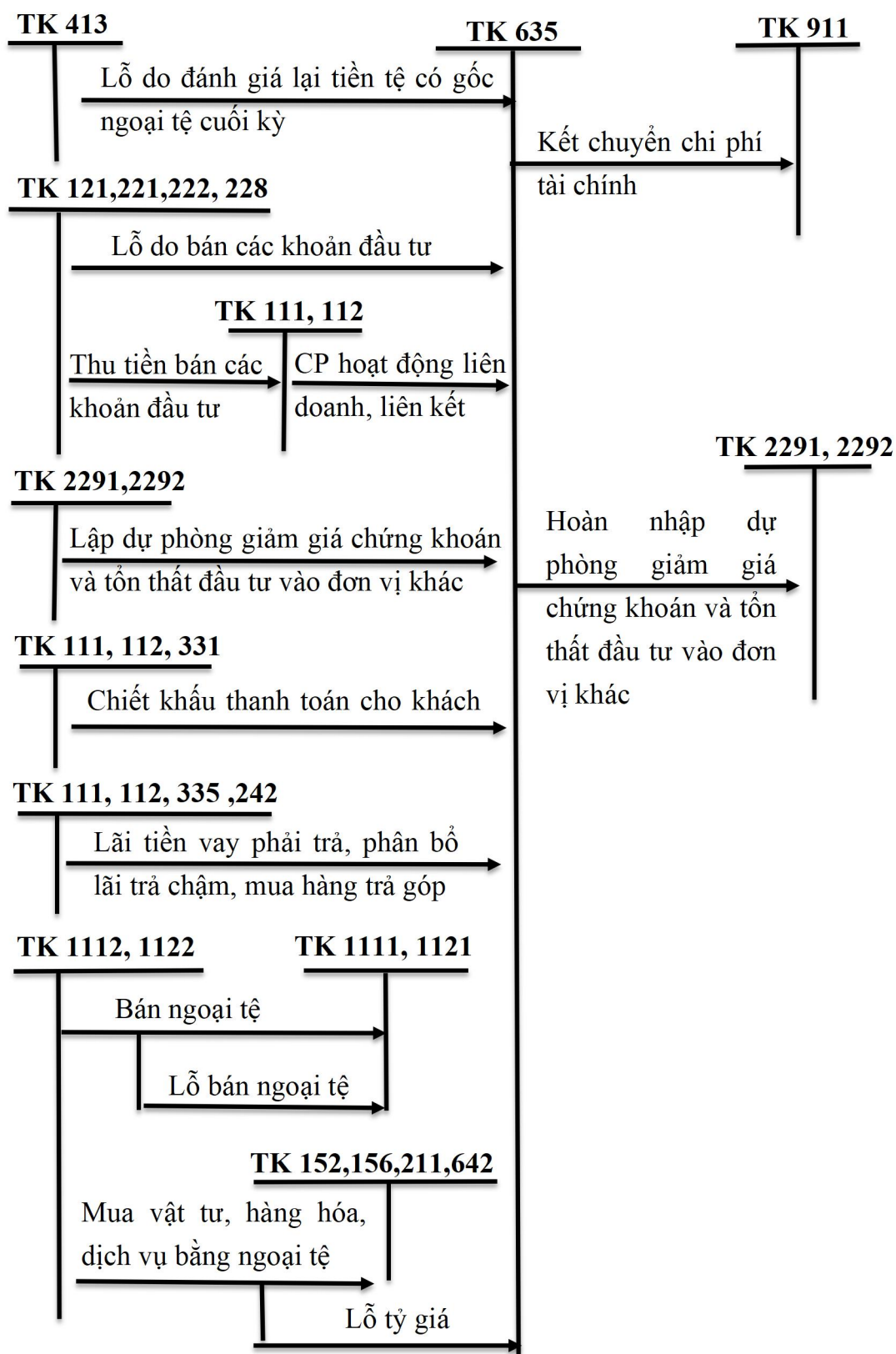
Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh chi phí hoạt động tài chính kế toán sử dụng **tài khoản 635 - “Chi phí hoạt động tài chính”**

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 635

Nợ	TK 635 - Chi phí tài chính	Có
Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.3.2.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.7: Hạch toán tài khoản 635 – Chi phí tài chính

1.3.3. Kế toán chi phí bán hàng.

1.3.3.1. Đặc điểm chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

1.3.3.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi;
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội;
- Bảng trích khấu hao tài sản cố định;
- Các chứng từ khác có liên quan....

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh chi phí bán hàng kế toán sử dụng **tài khoản 641 – “Chi phí bán hàng”**.

❖ Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng có 7 tài khoản cấp 2:

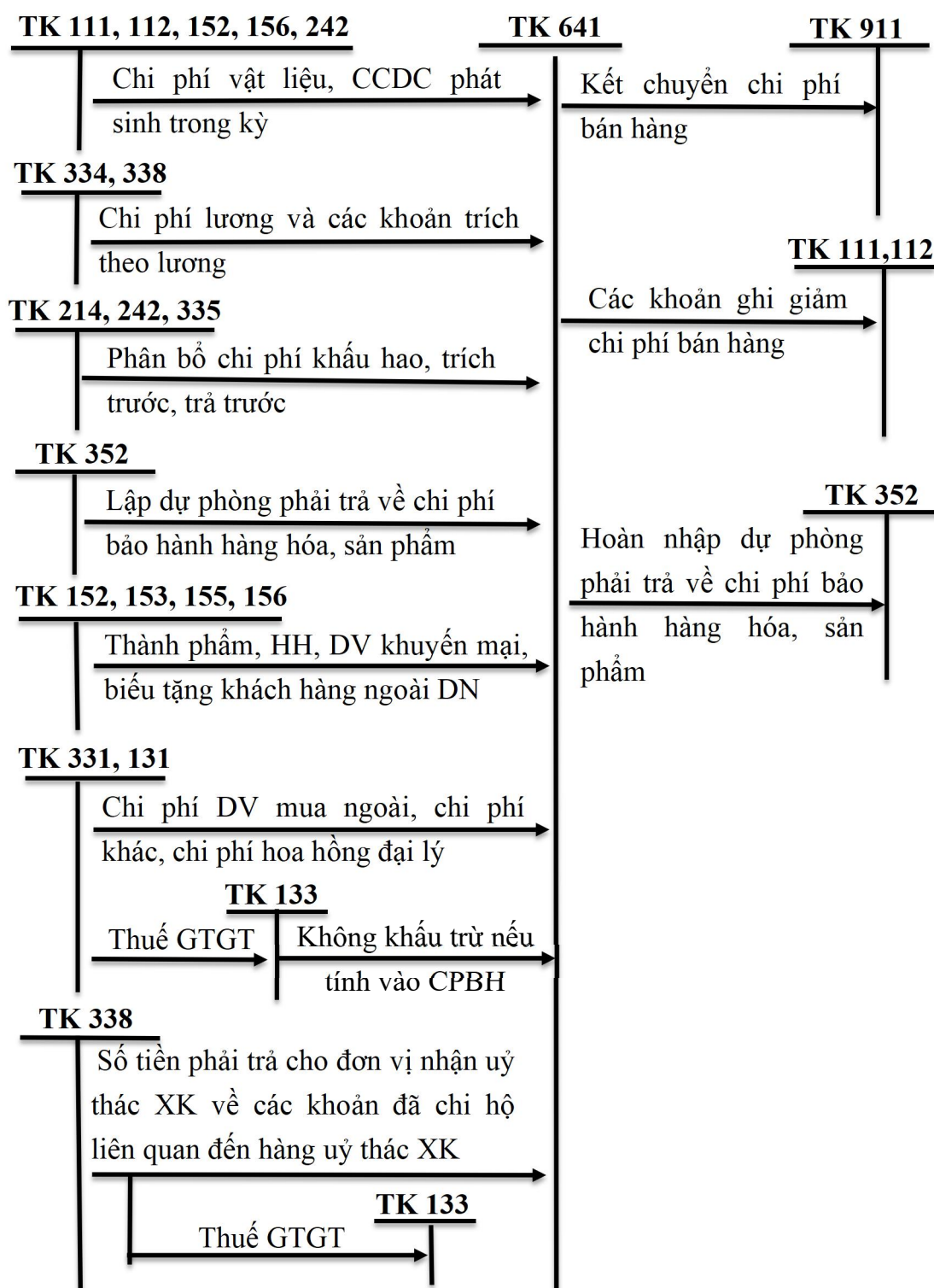
- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 641

Nợ	TK 641- Chi phí bán hàng	Có
Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.	- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.	

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.8: Hoạch toán tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.

1.3.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.3.4.1. Đặc điểm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí

công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) .

1.3.4.2. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT, phiếu chi;
- Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội;
- Bảng trích hao hao tài sản cố định;
- Các chứng từ khác có liên quan;

1.3.4.3. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán sử dụng **tài khoản 642 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”**.

❖ Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp có 8 tài khoản cấp 2:

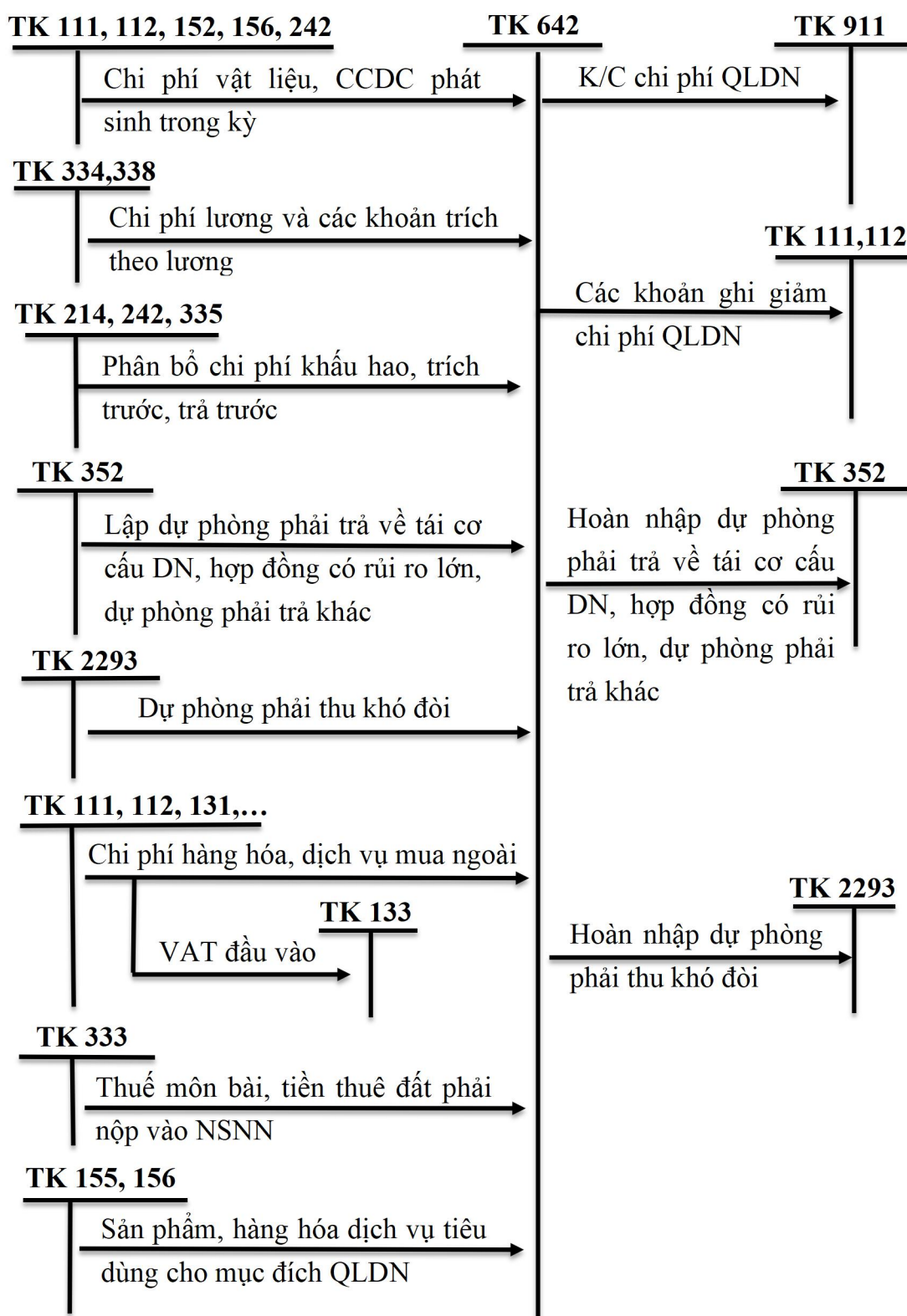
- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 642

Nợ	TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.3.4.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.9: Hạch toán tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.5. Kế toán chi phí khác.

1.3.5.1. Đặc điểm chi phí khác.

Chi phí khác phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ .
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.3.5.2. Chứng từ sử dụng.

- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.5.3. Tài khoản sử dụng.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh chi phí khác kế toán sử dụng **tài khoản 811 – “Chi phí khác”**.

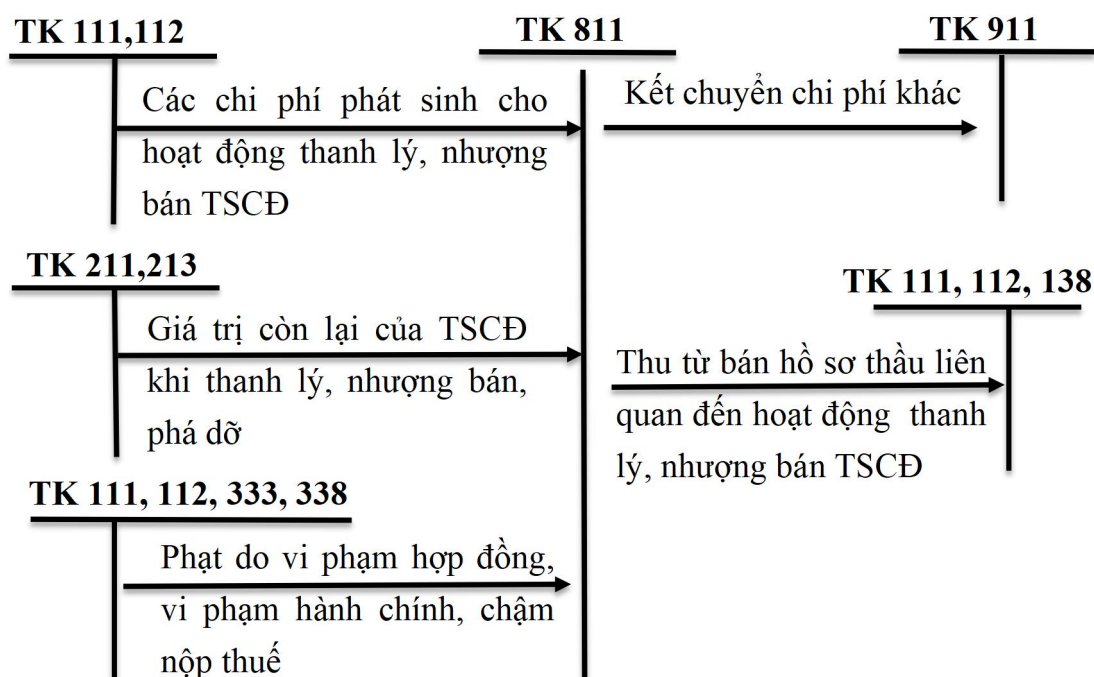
❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 811

Nợ	TK 811- Chi phí khác	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh



Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.3.5.4. Phương pháp hoạch toán.



Sơ đồ 1.10: Hoạch toán tài khoản 811 – Chi phí khác

1.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3.6.1. Đặc điểm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Để xác định số thuế TNDN phải nộp:

1.3.6.2. Chứng từ sử dụng.

- Tờ khai thuế TNDN
- Giấy nộp tiền
- Các chứng từ có liên quan khác

1.3.6.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kế toán sử dụng **tài khoản 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”**.

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

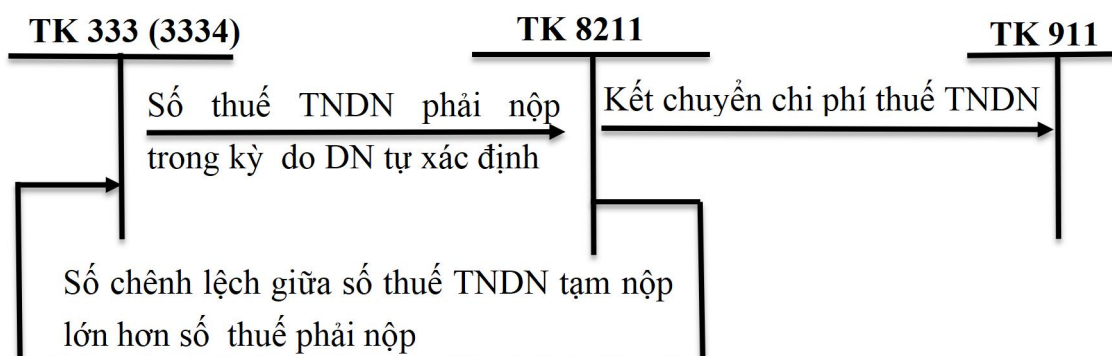
❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 821

Nợ	TK 821 - Chi phí thuế TNDN	Có
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm; - Số thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại; - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả - Chi phí thuế TNDN hoãn lại tương ứng với khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại - Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp bổ sung phát sinh trong năm theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu; - Số chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp bổ sung vào năm kê khai do số thuế TNDN đã ghi nhận của năm phát sinh nghĩa vụ nhỏ hơn số thuế TNDN phải nộp theo kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu; - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh trong kỳ của bên Có TK 8212 lớn hơn số phát sinh trong kỳ của bên Nợ TK 8212 vào bên Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh	- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp, được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Số thuế TNDN hiện hành phải nộp trong năm hiện tại được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại tương ứng với ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại tương ứng với hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành của năm kê khai do số đã ghi nhận của năm phát sinh nghĩa vụ lớn hơn số phải nộp theo kê khai theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh; - Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh trong kỳ của bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh trong kỳ của bên Có TK 8212 vào bên Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.	



Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.3.6.4. Phương pháp hoạch toán.



Sơ đồ 1.11: Hoạch toán tài khoản 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.12: Hoạch toán tài khoản 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

1.4. Kế toán Xác định kết quả kinh doanh.

1.4.1. Đặc điểm Xác định kết quả kinh doanh

a. Đặc điểm

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

❖ Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán thực hiện như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp về} \\ \text{bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi} \\ \text{nhuận} \\ \text{thuần} \\ \text{từ} \\ \text{HĐKD} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi} \\ \text{nhuận} \\ \text{gộp về} \\ \text{bán hàng} \\ \text{và cung} \\ \text{cấp dịch} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh} \\ \text{thu hoạt} \\ \text{động tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{QLDN} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận trước thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần từ HĐKD} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận trước thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thuế TNDN} \end{array}$$

1.4.2. Chứng từ sử dụng.

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến doanh thu, thu nhập và chi phí trong kỳ

1.4.3. Tài khoản sử dụng

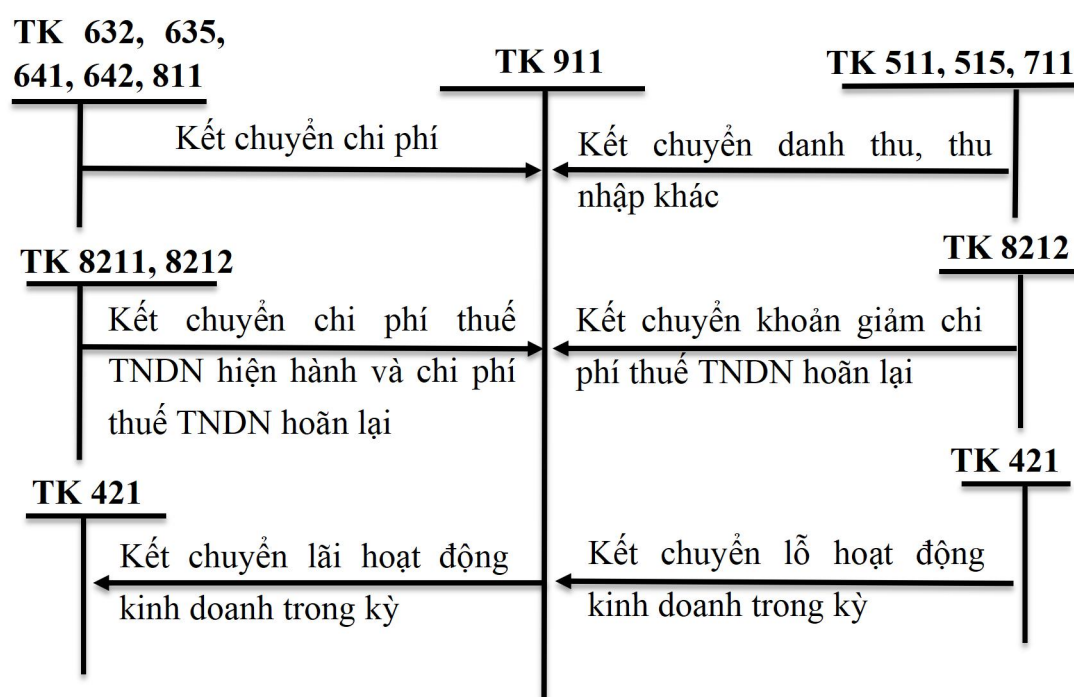
Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh kế toán sử dụng **tài khoản 911 – “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”**.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 911

Nợ	TK 911- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.4.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.13: Hạch toán tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Cùng với sự phát triển của kinh tế và nhu cầu ngày càng cao về các sản phẩm được làm từ gỗ của người tiêu dùng mà dự án đầu tư công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất cũng hình thành. Công ty TNHH Lâm sản Bình An Phú Dung Quất (BAP Dung Quất) được thành lập theo giấy phép số: 4300807955 do cơ quan tỉnh Quảng Nam cấp ngày 3/11/2017, là thành viên mới của mạng lưới doanh nghiệp Bình An Phú. Với sự hình thành của BAP Dung Quất, mạng lưới doanh nghiệp Bình An Phú đánh dấu một bước tiến quan trọng trong sản xuất và cung cấp các sản phẩm gỗ từ rừng trồng.

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất
- Mã số thuế: 4300807955
- Địa chỉ Thuế: Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
- Địa chỉ: Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 55.000.000.000 đồng
- Tên quốc tế: BINH AN PHU DUNG QUAT FOREST COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt: BAP DUNG QUAT
- Ngày cấp: 03/11/2017
- Người đại diện theo pháp luật: Lê Đức Dũng
- Điện thoại: 0979090809 / 02553852555



Hình 2.1. Logo Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất

2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh, chức năng và nhiệm vụ của công ty

❖ Lĩnh vực kinh doanh

Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất bao gồm 6 ngành nghề kinh doanh như sau:

- Trồng rừng, chăm sóc rừng và Khai thác gỗ.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện.

- Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

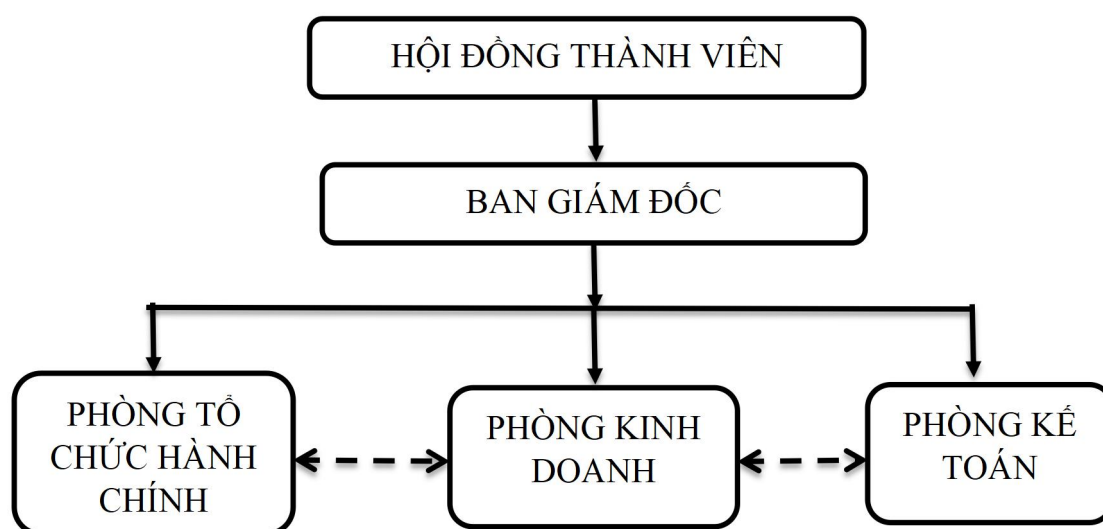
❖ *Chức năng:*

- Công ty thực hiện chức năng SXKD xuất khẩu mặt hàng chủ yếu là dăm gỗ.
- Có đầy đủ tư cách pháp nhân, có tài sản và con dấu riêng.
- Tăng kim ngạch xuất khẩu cho tỉnh nhà, đảm bảo lợi nhuận cho doanh nghiệp, góp phần công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

❖ *Nhiệm vụ:*

- Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở chủ động và tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của pháp luật.
- Tuân thủ những pháp luật của Nhà nước về quản lý tài chính, quản lý nhập khẩu và giao dịch đối ngoại, nghiêm chỉnh thực hiện cam kết trong hợp đồng mua bán ngoại thương và các hợp đồng liên quan đến sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.
- Xây dựng an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường.
- Quản lý đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên
- Xây dựng chiến lược phát triển, phát triển ngành nghề kinh doanh phù hợp
- Quản lý, sử dụng vốn kinh doanh theo đúng chế độ, quy định của pháp luật.
- Thực hiện nghĩa vụ đối với người lao động, phân phối thu nhập hợp lý, chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Ghi chú:

—————→ : Quan hệ trực tuyến

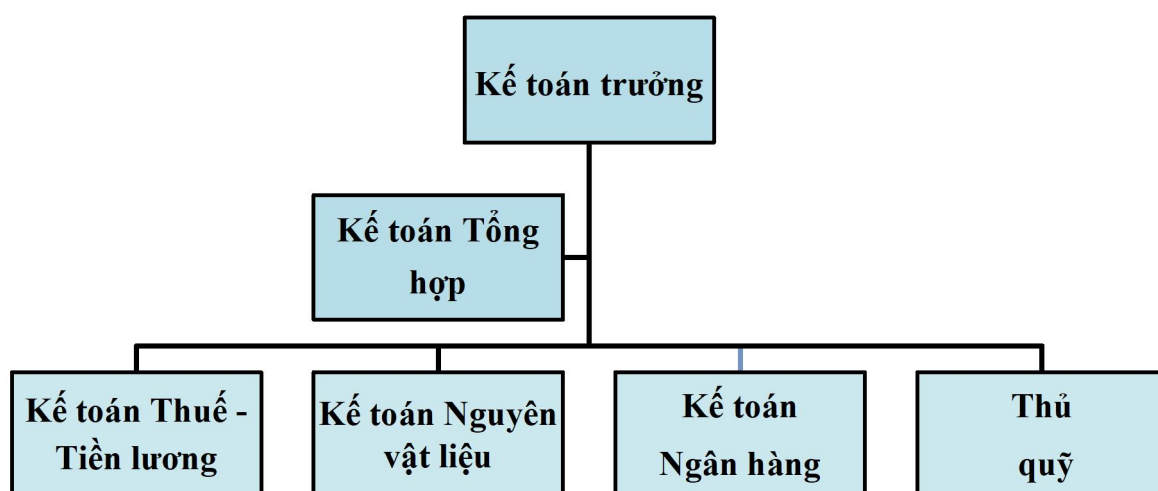
← - - - → : Quan hệ phối hợp

❖ *Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.*

- Hội đồng thành viên: Là cơ quan cao nhất của Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.
- Ban giám đốc: là cơ quan quản trị cao nhất ở Công ty , điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các hoạt động hằng ngày khác của công ty
- Phòng tổ chức hành chính: Quản lý việc thực hiện từng khâu trong toàn bộ tiến trình quản lý nhân sự, theo dõi việc thực hiện chế độ, chính sách của công ty, đôn đốc phối hợp nhịp nhàng trong công ty. Tổ chức thực hiện tốt công tác hành chính, xây dựng các nội quy, quy chế quản lý hành chính, mua sắm vật dụng, đồ dùng trang bị văn phòng trong các phòng ban. Đảm bảo an ninh, trật tự trong toàn khu vực công ty, đảm bảo đời sống ăn, ở cho các cán bộ công nhân viên .
- Phòng kinh doanh: tham mưu cho Ban TGD trong việc xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn trong hoạt động thu mua nguyên vật liệu, cách tổ chức hoạt động xuất khẩu. Đề ra các kế hoạch tác nghiệp trong từng thời kì đối với công việc thu mua nguyên vật liệu dựa trên kế hoạch chung của công ty, đưa ra các biện pháp nhằm tìm kiếm và lôi kéo khách hàng cung ứng nguyên vật liệu về cho công ty.
- Phòng kế toán: chịu sự quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc công ty, được quyền tham mưu cho giám đốc công ty. Theo dõi, kiểm tra và giám sát toàn bộ tình hình hoạt động tài chính trong công ty..

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

❖ *Chức năng, nhiệm vụ của các thành viên.*

➤ **Kế toán trưởng:** là người chịu trách nhiệm cao nhất về công tác kế toán cũng như việc báo cáo định kỳ cho các cơ quan nhà nước, có nhiệm vụ: Trợ giúp giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất, chính sách nhà nước; tổ chức các công tác kế toán phân tích các hoạt động kinh tế, thực hiện chức năng kiểm soát nhân viên tại công ty; kiểm tra ký duyệt và nộp báo cáo đúng hạn theo chế độ quy định; tổ chức bảo quản lưu trữ các tài liệu mật kế toán, chịu trách nhiệm với cơ quan cấp trên, cơ quan pháp luật và công tác kế toán tại công ty.

➤ **Kế toán tổng hợp:**

- Lập báo cáo thuế hàng tháng, quý, năm theo- đúng quy định của cơ quan thuế
- Lập sổ chi tiết các tài khoản và lập bảng cân đối kế toán
- Lập hồ sơ hoàn thuế VAT
- Theo dõi, kiểm tra và đối chiếu số liệu đối với các thành phần có liên quan như: kế toán công nợ, thủ quỹ
- Theo dõi tập hợp chi phí và tính giá thành phẩm
- Hỗ trợ cho kế toán trưởng trong việc lập báo cáo nội bộ

➤ **Kế toán nguyên vật liệu:**

- Theo dõi nhập, xuất nguyên liệu
- Báo cáo nhập, xuất, tồn kho thực tế

➤ **Kế toán thuế và tiền lương:**

- Tính lương từng kỳ, từng tháng chi tiết cho từng phân xưởng theo yêu cầu từ kế toán trưởng. Trích nộp BHXH, BHYT theo quy định của luật lao động;
- Tập hợp thuế GTGT đầu vào, đầu ra theo mẫu của Bộ tài chính;
- Đối chiếu số liệu với kế toán tổng hợp về các khoản thuế mình phụ trách.

➤ **Kế toán ngân hàng:**

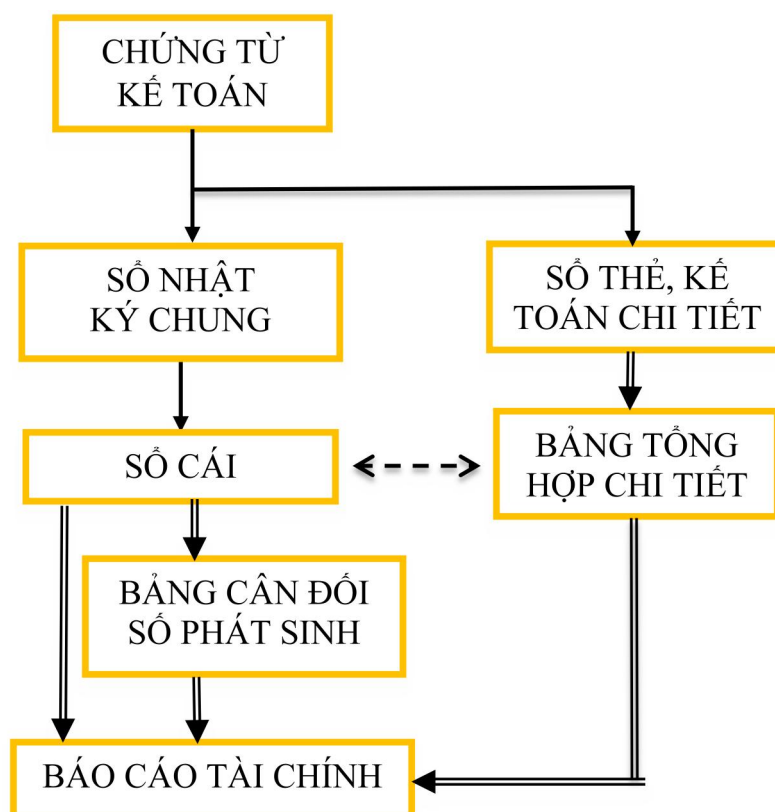
- Kiểm tra độ chính xác của các nội dung trên Séc (chứng từ) ngân hàng, viết phiếu thu Séc cho những Séc hợp lệ. Lập bảng kê nộp Séc, thực hiện trình ký, đóng dấu đầy đủ và nộp ra ngân hàng.
- Kiểm tra đề nghị thanh toán, lập lệnh chi tiền, ủy nhiệm chi và hồ sơ mua ngoại tệ. Quản lý, theo dõi hồ sơ bảo lãnh ngân hàng và quá trình thực hiện bảo lãnh, đảm bảo đúng quy trình.
- Lập và kiểm tra hồ sơ vay vốn, trả nợ của khách hàng trước khi trình kế toán trưởng phê duyệt.
- Chuẩn bị hồ sơ mở L/C, theo dõi thanh toán, ký hậu vận đơn và bảo lãnh liên quan.

- Sắp xếp và bảo quản các tài liệu như giấy nộp tiền NSNN, biên lai thuế và chứng từ quan trọng khác.

➤ **Thủ quỹ:**

- Kiểm tra lại chứng từ gốc với phiếu thu - chi trước khi thực hiện thanh toán
- Giữ tiền mặt và các loại hiện vật
- Thực hiện việc rút và nộp tiền ở ngân hàng khi có yêu cầu
- Báo cáo cho Kế toán trưởng số tiền tồn quỹ vào cuối ngày
- Đầu kỳ đối chiếu số liệu và kiểm quỹ tiền mặt
- Lập phiếu giao hàng trước khi xuất thẻ và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của phiếu

2.1.4.2. Hình thức ghi sổ kế toán



Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất

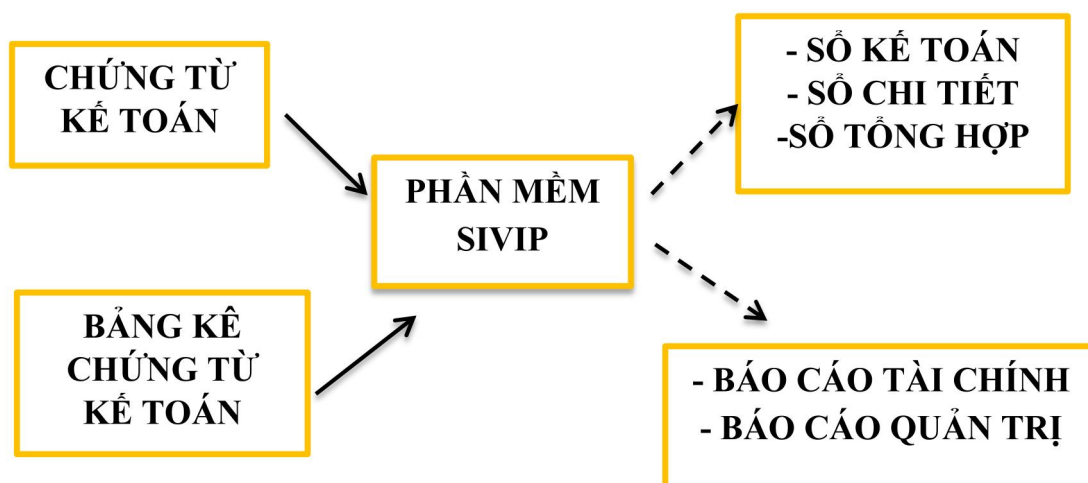
Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: 

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: 

❖ **Ghi sổ bằng phần mềm kế toán**



Sơ đồ 2.4: Phần mềm kế toán tại công ty

Ghi chú:

Nhập số liệu hằng ngày: $\longrightarrow$

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: $\text{---} \text{---} \text{---} \longrightarrow$

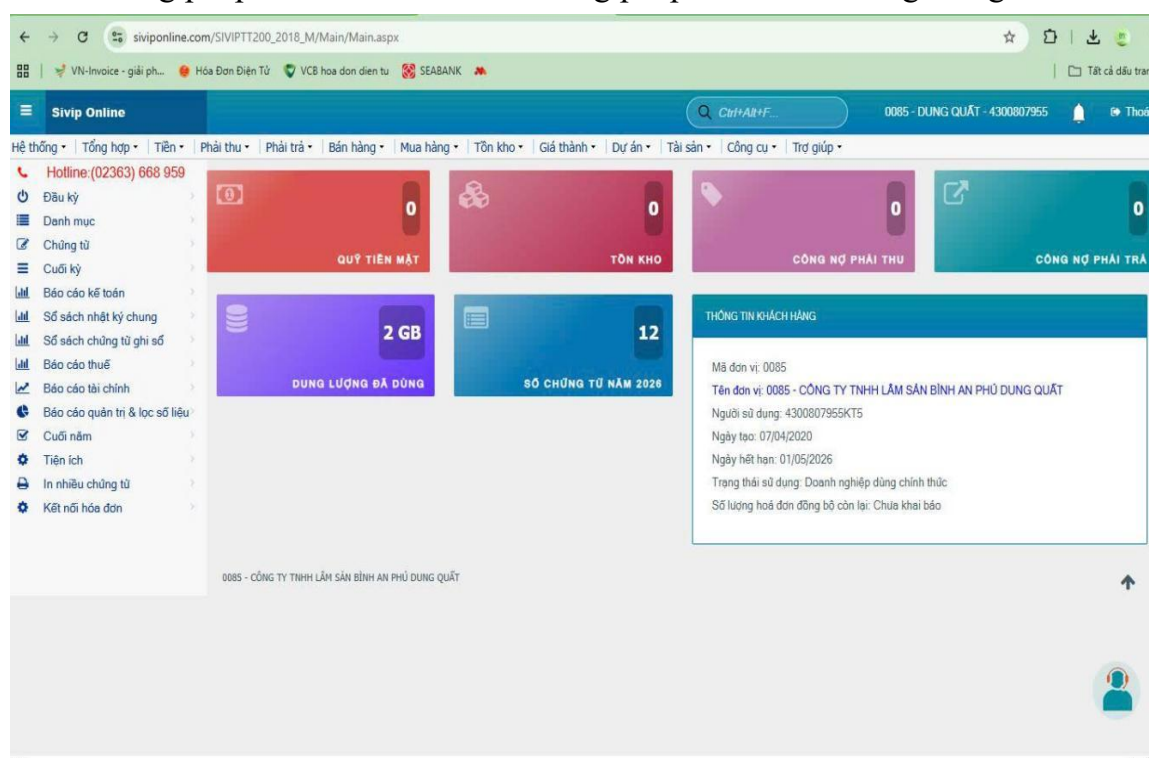
Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow \text{---} \text{---} \text{---} \longrightarrow$

❖ **Trình tự luân chuyển chứng từ ghi sổ**

- Hằng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.
- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ chi tiết liên quan.
- Cuối năm (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.
- Thực hiện các thao tác để in báo cáo theo quy định.
- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.
- Toàn bộ công tác kế toán được tiến hành trên máy vi tính thông qua phần mềm kế toán Sivip chính vì vậy công tác kế toán được tiến hành khá nhanh chóng. Hình thức kế toán áp dụng là kế toán máy vi tính theo hình thức Nhật ký chung, nên các loại sổ sách in ra đều dựa theo hình thức nhật ký chung.

2.1.5. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán

- Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty là chế độ kế toán cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.
- Hình thức kế toán: “Nhật ký chung” và có áp dụng kế toán máy.
- Phần mềm kế toán mà công ty sử dụng: SIVIP.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán: Việt Nam Đồng (VNĐ)
- Kỳ kế toán: Kỳ tháng
- Phương pháp tính thuế GTGT (VAT): Theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Thành phẩm theo PP bình quân gia quyền cuối kỳ và hàng hóa theo phương pháp giá đích danh.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao đường thẳng



Hình 2.2: Giao diện phần mềm kế toán SIVIP.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty là tổng lợi ích kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán thông qua hoạt động bán hàng hóa mặt hàng dăm - gốc keo/ bạch đàn. Doanh thu được ghi nhận theo giá chưa thuế.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng.

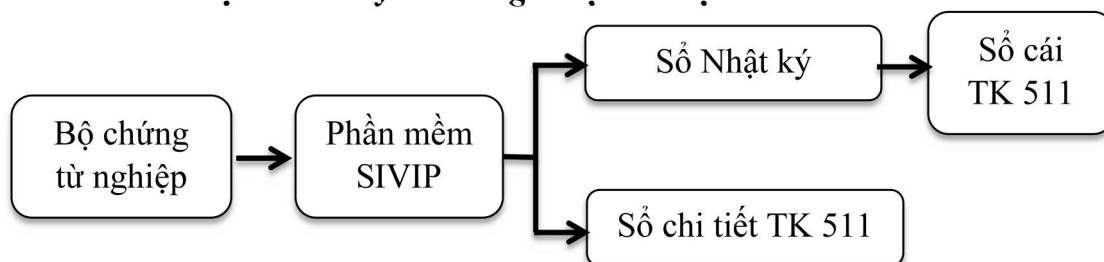
- Hợp đồng ủy thác xuất khẩu;

- Hóa đơn GTGT;
- Chứng thư giám định về khối lượng;
- Biên bản thanh lý hợp đồng xuất khẩu ủy thác;

2.2.1.2. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511
- Sổ chi tiết TK 511

2.2.1.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.



Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ của kế toán doanh thu bán hàng và CCDV

Khi đơn vị ký hợp đồng với khách hàng, kế toán sẽ dựa trên hợp đồng để lập hóa đơn GTGT, hợp đồng vận chuyển,...Sau khi các chứng từ này đã được kiểm tra xong, kế toán tiến hành nhập các thông tin từ hóa đơn GTGT hoặc toán vào phần mềm kế toán Sivip và lưu. Khi việc nhập dữ liệu hoàn thành phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan như: Sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 511, sổ cái TK 511

2.2.1.4. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 05/11/2025, Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất ký kết hợp đồng ủy thác với Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Vạn Lý xuất khẩu mặt hàng dăm gỗ keo với số lượng 2.000 BDMT (tấn khô tuyệt đối) +/- 10%. Thời gian giao hàng dự kiến từ ngày 28/10/2025 đến ngày 2/11/2025, giá cả 150 USD/BDMT. Tổng giá trị hợp đồng: 300.000,00 USD +/-10%, phí ủy thác(chưa bao gồm 8% thuế GTGT): 0.10 USD/BDMT (xem phụ lục).

- Sau khi nhận được đơn đặt hàng, công ty ký kết hợp đồng ủy thác xuất khẩu với đơn vị nhận ủy thác (xem phụ lục số 1).
- Khi cả 2 ký kết hợp đồng ủy thác xuất khẩu hoàn tất, công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất xuất hàng, gửi biên bản thanh lý hợp đồng ủy thác xuất khẩu cho công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Vạn Lý .
- Công ty lập hóa đơn GTGT dựa theo hợp đồng ủy thác và giấy chứng nhận giám định khối lượng mà bên nhận ủy thác cung cấp (Xem phụ lục số 2).



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): **1C25TDQ**
Số (Invoice No.): **00000053**

BINH AN PHU

Ngày (day) **05** tháng (month) **11** năm (year) **2025**

Mã của Cơ quan thuế: **00E67E1C7D58514968A0B92DC8A55A5B91**

Đơn vị bán (Seller):
Mã số thuế (Tax Code):
Địa chỉ (Address):
Điện thoại (Tel):
Số tài khoản (Account No.):

CÔNG TY TNHH LÂM SÂN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
4300807955
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
0935613479
5733090909 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Dung Quất

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Company name):
Mã số thuế (Tax Code):
Địa chỉ (Address):
Hình thức thanh toán (Payment method):
Số tài khoản (Account No.):

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VẠN LÝ
4300588598
Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Phổ Phong, Xã Nguyễn Nghiêm, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Chuyển khoản

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Dăm gỗ keo Ủy thác xuất khẩu theo hợp đồng ủy thác xuất khẩu số 79/BAPDQUTVL/2025 ngày 27/10/2025, Phụ lục hợp đồng số 79-1/BAPDQUTVL/2025 ngày 05/11/2025. Chứng thư giám định số: 25110500EC ngày 05/11/2025 Tỷ giá quy đổi 1 USD = 26.131 VND	BDMT	1.365,7	150 USD	204.855 USD
Cộng tiền hàng (Sub total):					204.855 USD
Thuế suất GTGT (Tax rate): 0%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		0 USD
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					204.855 USD
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai trăm lẻ bốn nghìn tám trăm năm mươi lăm đô la Mỹ.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)
CÔNG TY TNHH LÂM SÂN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Ngày ký: 05/11/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - <http://ehoadon.vn>
Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.ehoadon.vn>. Mã tra cứu HĐĐT này: **PMNJET0AEQA**

Hình 2.3: Hóa đơn GTGT số 00000053

➤ Sau đó, dựa vào hóa đơn GTGT số 00000053 mua dăm gỗ keo. Kế toán tổng hợp hạch toán các nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm kế toán SIVIP để theo dõi công nợ, ghi sổ kế toán. Đầu tiên Kế toán vào phần mềm SIVIP chọn phân hệ Bán hàng -> Hiện thị hóa đơn bán hàng -> Chọn hóa đơn bán hàng. Sau đó, nhập thời gian làm việc (05/11/2025 – 05/11/2025) -> Hiện thị hóa đơn -> Chọn mới -> Hóa đơn bán hàng mới hiện ra. Nhập dữ liệu, thông tin cần thiết -> Lưu và phát hành

Xem hóa đơn

Mã khách	VANLY	Công ty TNHH SX TM Vạn Lý
Người mua		
Mã giao dịch	3	Hóa đơn
Tài khoản nợ	131112	Phải thu ngắn hạn khách hàng: HĐ SXKD (USD)
Mã thanh toán		
Diễn giải	Xuất bán hàng đảm gỗ keo theo HĐUTXK số: 79/BAPDQUTVL/2025 ngày 27/10/2025	

Số hóa đơn	00000053
Ký hiệu	1C25TDQ
Ngày lập	05/11/2025
Ngày hạch toán	05/11/2025
Tỷ giá	USD 26 131.00
Trạng thái	2. Chuyển số cái

Chi tiết Thông tin xuất khẩu Ct gốc và thu tiền Hóa đơn điện tử Khác

Thêm Chèn Lên Xuống Chép Xóa Kết xuất Khóa cột

Mã hàng	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Mã lô	Tồn	Số lượng	Giá bán nt
1 HH0002	Đảm gỗ keo	BDMT	0085CTY		18 973.300	1 365.700	150.

Tài khoản thu	111101	Tiền mặt Việt Nam	Thu tiền	0.00	0
Mã thuế			Tổng cộng	1 365.700	204 855.00 5 353 066 005
Tk thuế	131112	333111	Tiền thuế	0.00	0
Cục thuế			Tổng thanh toán	204 855.00	5 353 066 005
Ngày tạo/sửa	07/11/2025 09:36:26 07/11/2025 09:36:26				

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.4: Màn hình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Sau khi nhập nghiệp vụ bán hàng vào phần mềm SIVIP, để xem được sổ kế toán chi tiết TK 511 ta thực hiện các bước sau: Chọn tổng hợp. Chọn sổ kế toán chi tiết -> Chọn sổ chi tiết tài khoản -> Nhập TK 511 -> Ngày làm việc. Sau đó nhấp chuột vào nút nhận -> Hiện thị sổ chi tiết TK 511

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
05/11/2025	HD 00000053	Công ty TNHH SX TM Vạn Lý	Xuất bán hàng đảm gỗ keo theo HĐUTXK số: 79/BAPDQUTVL/2025 ngày 27/10/2025	131112		5.353.066.005
06/11/2025	HD 00000054	Nippon Paper Lumber Co., Ltd (NPL)	Xuất bán hàng viên nén gỗ theo Hợp đồng ngày 31/01/2022; chứng thư số: 25E05GHX01159-01 ngày 03/11/2025	131112		40.589.841.720
27/11/2025	PK1 407	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BÌNH AN PHÚ	Tiền thuế xuất khẩu tàu Silviculture V31	33331	506.419.314	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911	911	(506.419.314)	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911	911	87.853.401.495	

Tổng phát sinh nợ: 87.853.401.495
Tổng phát sinh có: 87.853.401.495
Số dư cuối kỳ: 0
Cộng lũy kế đến hiện tại: 761.313.594.265

Bảng 2.1: Trích sổ chi tiết Tk 511- “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

- Để xem được sổ cái TK 511 ta thực hiện như sau: Nhấp đúp chuột vào phần mềm SIVIP. Chọn tổng hợp -> Chọn sổ sách kế toán -> Nhập TK 511. Sau đó, nhấp chuột vào nút nhận -> Sổ cái TK 511 sẽ hiện thị

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt đóng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
05/11/2025	HDA	00000053	05/11/2025					
			Xuất bán hàng đảm gỗ keo theo HĐUTXK số: 79/BAPDQUTVL/2025 ngày 27/10/2025			131112		5.353.066.005
06/11/2025	HDA	00000054	06/11/2025					
			Xuất bán hàng viên nén gỗ theo Hợp đồng ngày 31/01/2022; chứng thư số: 25E05GHX01159-01 ngày 03/11/2025			131112		40.589.841.720
27/11/2025	PK1	407	27/11/2025					
			Tiền thuê xuất khẩu tàu Silviculture V31			33331	506.419.314	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025					
			Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			911	(506.419.314)	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025					
			Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			911	87.853.401.495	

Tổng phát sinh nợ: 87.853.401.495

Tổng phát sinh có: 87.853.401.495

Số dư cuối kỳ: 0

Cộng lũy kế đến hiện tại: 761.313.594.265

Ngày mở sổ:

Bảng 2.2: Trích sổ cái TK 511- “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu từ hoạt động tài chính của công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất chủ yếu tiền lãi gửi ngân hàng của công ty và chênh lệch tỷ giá.

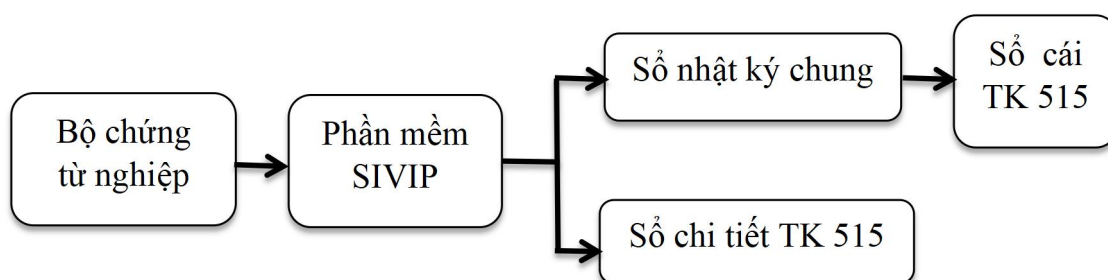
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có của ngân hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng

2.2.2.2. Sổ sách sử dụng.

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản 5151- “Lãi tiền cho vay”
- Sổ chi tiết tài khoản 5152 – “Chênh lệch tỷ giá”
- Sổ cái tài khoản 515

2.2.2.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại công ty.



Sơ đồ 2.6: Quy trình luân chuyển chứng của kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Khi nhận được giấy báo có hoặc các chứng từ liên quan khác từ ngân hàng về các khoản doanh thu hoạt động lãi tài chính, kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm Sivip. Sau khi nhập những thông tin cần thiết và bấm lưu, dữ liệu tự

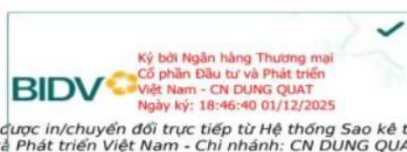
động cập nhật lên các sổ cách liên quan như: Sổ chi tiết TK 515, Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 515

2.2.2.4. Nghiệp vụ minh họa.

❖ Lãi tiền gửi

Ngày 25/11/2025, công ty nhận được Giấy báo có của Ngân hàng Thương Mại Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - BIDV thông báo về khoản thanh toán lãi tháng 11/2025

BIDV		GIẤY BÁO CÓ CREDIT ADVISE		Ngày/ Date: 25/11/2025	
				CIF: 11569750	
				Seq: 2510	
Chi nhánh/ Branch:		CN DUNG QUAT			
Tên tài khoản/ Account Name:		CÔNG TY TNHH LAM SAN BINH AN PHU DUNG			
Địa chỉ/ Address:		KKT DUNG QUAT XA BINH SON TINH QUANG NGAI VN			
Số tài khoản/ Account No:		5733090909			
Kính gửi/ To: CÔNG TY TNHH LAM SAN BINH AN PHU DUNG		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi CREDITED với nội dung sau: Please note that we have CREDITED your account with the following entries:			
Ngày hiệu lực (Effective Date)	Ngày giao dịch (Trans Date)	Số tiền (Amount)	Loại tiền (Currency)	Diễn giải (Txn. Description)	Giao dịch viên (Teller)
25/11/2025	25/11/2025 01:29:46	6,621.00	VND	Thanh toán lãi tháng 11/2025	
Người tạo/ Created by: 990HUBSK					



Hình 2.5: Giấy báo có ngày 25/11/2025

➤ Căn cứ vào giấy báo có kế toán hạch toán vào phần mềm kế toán SIVIP. Đầu tiên vào phần mềm Sivip -> Chọn tiền mặt, tiền gửi, tiền vay -> Thu tiền ngân hàng -> Chọn thời gian làm việc -> Click nút mới. Sau đó, Nhập thông tin chung(Mã giao dịch, diễn giải nội dung, TK nợ, TK có, số tiền,...) -> Lưu. Sau khi nhập đầy đủ thông tin sẽ hiện lên phần mềm Sivip như sau:

S Xem giấy báo có

Mã khách	BIDV	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi Nh	Số phiếu thu	189
Địa chỉ	Thôn Trung An, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam		Ngày lập	25/11/2025
Người nộp tiền			Ngày hạch toán	25/11/2025
Lý do nộp	Thu lãi tiền gửi		Tỷ giá	VND 1.00
Loại phiếu thu	2	Thu của khách hàng	Trạng thái	2. Chuyển số cái
Tài khoản nợ	1121BAP02	Tiền Việt Nam - BIDV - 5731 0003 090909		

Chi tiết Thanh toán Chứng từ gốc

Thêm ↑ Lên ↓ Xuống Chép Xóa Kết xuất

	Tk có	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải
1	5151	Lãi tiền cho vay, tiền gửi	6 621	Thu lãi tiền gửi

☐ Theo dõi thanh toán ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ Tiền 6 621

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.6: Màn hình hoạch toán lãi tiền gửi ngân hàng T11/2025

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 5151 - Lãi tiền cho vay, tiền gửi
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: 0

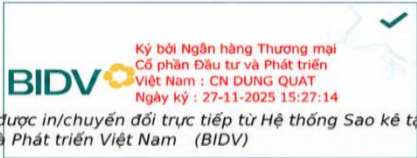
Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
13/11/2025	UNC 1800	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Dung Quất	Phi quản lý tài khoản	6425		6.989
15/11/2025	BC 184	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Dung Quất	Thu lãi tiền gửi	1121BAP02		29.238.356
25/11/2025	BC 189	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Dung Quất	Thu lãi tiền gửi	1121BAP02		6.621
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	911	29.326.188	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	911	6.989	
Tổng phát sinh nợ:					29.333.177	
Tổng phát sinh có:					29.333.177	
Số dư cuối kỳ:					0	
Cộng lũy kế đến hiện tại:					32.325.058	

Bảng 2.3: Trích sổ chi tiết TK 5151 –“ Lãi tiền cho vay, tiền gửi”

❖ **Chênh lệch tỷ giá**

Ngày 27/11/2025, công ty nhận được Giấy báo có của Ngân hàng Thương Mại Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - BIDV thông báo lãi chênh lệch tỷ giá tiền hàng đảm gồ của công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Vạn Lý ngày 6/11/2025

BIDV		GIẤY BÁO CÓ CREDIT ADVICE		Ngày/ Date: 27/11/2025 CIF: 11569750 Seq: 189	
Chi nhánh/ Branch: CN DUNG QUAT Tên tài khoản/ Account Name: CONG TY TNHH LAM SAN BINH AN PHU DUNG Địa chỉ/ Address: KKT DUNG QUAT XA BINH SON TINH QUANG NGAI VN Số tài khoản/ Account No: 5733000009					
Kính gửi/ To: CONG TY TNHH LAM SAN BINH AN PHU DUNG				Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách hàng đã được Ghi Có với nội dung sau: Please note that we have CREDITED your account with the following entries	
Ngày hiệu lực (Effective Date)	Ngày giao dịch (Trans Date)	Số tiền (Amount)	Loại tiền (Currency)	Diễn giải (Tran Description)	Giao dịch viên (Teller)
27/11/2025	27/11/2025 15:27:14	10,898	VND	chenh lech lai ty gia	
Người tạo/ Created by: 990HUBSK					



Chúng tôi này được in/chuyển đổi trực tiếp từ Hệ thống Sao kê tập trung của BIDV và được ký số bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Hình 2.7 : Giấy báo có ngày 27/11/2025

Giải thích:

1. Số tiền hàng phải thu theo hóa đơn ngày 06/11/2025:

$$1.492,07 * 26.050 = 38.868.406 \text{ (đồng)}$$

2. Phí ủy thác xuất khẩu:

$$0.10 * 26.050 = 2.605 \text{ (đồng)}$$

3. Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Vạn Lý chuyển trả tiền hàng ngày 27/11/2025:

$$1.487,76 * 26.131 = 38.876.699 \text{ (đồng)}$$

4. Lãi do chênh lệch tỷ giá:

$$(38.876.699 + 2.605) - 38.868.406 = 10.898 \text{ (đồng)}$$

➤ Căn cứ vào Giấy báo có của Ngân hàng Thương Mại Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - BIDV, kế toán hoạch toán vào màn hình SIVIP như sau:

Phải trả ▾ Bán hàng ▾ Mua hàng ▾ Tôn kho ▾ Giá thành ▾ Dự án ▾ Tài sản ▾ Công cụ ▾ Trợ giúp ▾

S Xem phiếu kế toán

Số chứng từ: 409 **Trạng thái** 2. Chuyển số cái ▾

Ngày lập: 27/11/2025

Ngày hạch toán: 27/11/2025

Tỷ giá: VND 1.00

Diễn giải: lãi chênh lệch tỷ giá

Chi tiết Thuế GTGT đầu vào

Thêm ↑ Lên ↓ Xuống Chép Xóa Kết xuất Khóa cột

	Tài khoản	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách	Phát sinh nợ	Phát sinh có
1	131112	Phải thu ngắn hạn khách h	VANLY	Công ty TNHH SX TM Vạn I	10 898	0
2	5152	Chênh lệch lãi tỷ giá phát s			0	10 898

10 898 10 898

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.8: Màn hình hoạch toán chênh lệch lãi tỷ giá

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 5152 - Chênh lệch lãi tỷ giá phát sinh trong kỳ
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ			Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày		Số				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
04/11/2025	UNC	1753	Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất	Bán usd để thanh toán chi phí trong nước	11211OCE		18.621.995
25/11/2025	UNC	1926	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI, CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI	Trả lãi tk vay	6352		20.033
...	...	...	...	...	...	...	...
27/11/2025	BC	194	Công ty TNHH SX TM Vạn Lý	Thu tiền hàng đảm gổ keo theo Hợp đồng UTXK số: 88/BAPDQUTVL/2025 ngày 06/11/2025	11221OCE		38.876.699
27/11/2025	PK1	409	Công ty TNHH SX TM Vạn Lý	lãi chênh lệch tỷ giá	131112		10.898
28/11/2025	UNC	1951	Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất	Bán usd để thanh toán chi phí trong nước	11211OCE		22.221.500
30/11/2025	PKT	202511		Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	911	10.898	
30/11/2025	PKT	202511		Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	911	240.069.818	
Tổng phát sinh nợ:							240.080.716
Tổng phát sinh có:							240.080.716
Số dư cuối kỳ:							0
Cộng lũy kế đến hiện tại:							2.629.043.238

Bảng 2.4 : Trích sổ chi tiết TK 5152 – “ Chênh lệch lãi tỷ giá”

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT

Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ:

0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
04/11/2025	BN1	1753	04/11/2025	Bán usd để thanh toán chi phí trong nước		11211OCB01		18.621.995
13/11/2025	BC1	183	13/11/2025	Thu tiền hàng viên nén gỗ		11221SHB		38.804.820
...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/11/2025	BC1	189	25/11/2025	Thu lãi tiền gửi		1121BAP02		6.621
25/11/2025	BC1	191	25/11/2025	Thu lãi tiền gửi		1121BAP01		3.981
27/11/2025	PK1	409	27/11/2025	lãi chênh lệch tỷ giá		131112		10.898
28/11/2025	BN1	1951	28/11/2025	Bán usd để thanh toán chi phí trong nước		11211OCB01		22.221.500
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		911	29.326.188	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		911	6.989	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		911	10.898	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		911	240.069.818	
							Tổng phát sinh nợ:	269.413.893
							Tổng phát sinh có:	269.413.893
							Số dư cuối kỳ:	0
							Cộng lũy kế đến hiện tại:	2.661.368.296

Ngày mở sổ:

Bảng 2.5: Trích sổ cái TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

2.2.3. Kế toán thu nhập khác.

Thu nhập khác của công ty chủ yếu là từ khoản tiền thưởng tàu khi bán hàng.

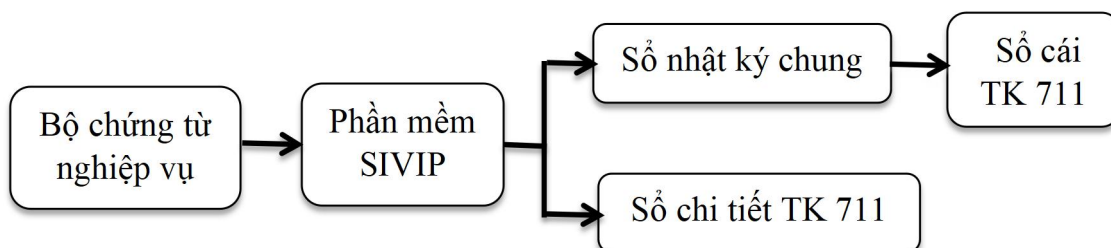
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có
- Phân chia tiền thưởng tàu

2.2.3.2. Sổ sách sử dụng.

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản 711 - “Thu nhập khác”
- Sổ cái tài khoản 711

2.2.3.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại công ty.



Sơ đồ 2.7: Quy trình luân chuyển chứng từ của thu nhập khác

Khi phát sinh nghiệp vụ thu nhập khác, kế toán lập hóa đơn GTGT hoặc khi nhận giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu về khoản thu nhập khác, kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm. Sau khi kế toán nhập các thông tin, dữ liệu cần thiết sau đó nhấn lưu, phần mềm sẽ tự động cập nhật dữ liệu lên các sổ sách liên quan như: sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 711, Sổ cái TK 711

2.2.3.4. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 21/11/2025, công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất nhận được giấy báo có từ ngân hàng Thương Mại TNHH Một Thành Viên Đại Dương – Oceanbank về việc chuyển tiền thưởng tàu từ công ty Sản Xuất Thương Mại Bình An Phú với số tiền là 178.408.024 VND.

MBV **PHIẾU BÁO CÓ (Credit Slip)**

Ngày/Date: 21/11/2025 Nguyên tệ /Currency : VND

Tên Khách hàng/Customer Name: 8532000678 - ,CÔNG TY TNHH LAM SAN BINH AN PHU DUNG QUAT
Số tài khoản/Account No.: 53200067897979
MST KH/Tax code:
Mã GD/Ref: FT25325328842610 GDV/Teller : JMSONLINE.1 Chi nhánh/Branch: QUANG NGAI

Thông tin báo/Information :		Số tiền/Amount :	Loại tiền/ Currency :
Tài khoản có/ Credit Account:	53200067897979	178,408,024.00	VND
Tài khoản nợ / Debit Account:	53200067897979	178,408,024.00	VND
Đơn vị chuyển / Applicant :			
Ngân hàng đối tác/Remitter Bank:			
Bằng chữ/ In words:	Một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm linh tám nghìn không trăm hai mươi tư VND / One hundred seventy-eight million four hundred eighty thousand twenty-four vnd		
Diễn giải / Details:	IBFT.QUAY.946143.CTY TNHH SX TM BINH AN PHU chuyen tien CTY TNHH LS BINH AN PHU DUNG QUAT TK: 53200067897979 tại NH TNHH MTV Viet (NGUOI CHUYEN: CTY TNHH SX TM BINH AN PHU)		

Lập biểu/Issued by: Nguyễn Thủy Ngân
Kiểm soát/Supervisor: Ngô Thị Hiền

Hình 2.9: Giấy báo có ngày 21/11/2025

- Căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng, kế toán hạch toán vào phần mềm SIVIP tương tự như các bước hạch toán lãi tiền gửi (trang 38).

S Xem giấy báo có

Mã khách: BAP01 CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BÌNH AN PHÚ Số phiếu thu: 186
Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Bình Định Bắc, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam Ngày lập: 21/11/2025
Người nộp tiền: Thu tiền thưởng tàu Universal Gloria V127 Ngày hạch toán: 21/11/2025
Lý do nộp: Thu tiền thưởng tàu Universal Gloria V127 Tỷ giá: VND 1.00
Loại phiếu thu: 2 Thu của khách hàng Trạng thái: 2. Chuyển số cái
Tài khoản nợ: 11211OCB01 Tiền Việt Nam - OceanBank - Ngân hàng Đại Dương

Chi tiết Thanh toán Chứng từ gốc

Thêm Lên Xuống Chép Xóa Kết xuất

Tk có	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải
7111	Thu nhập khác: được thưởng, bồi thường	178 408 024	Thu tiền thưởng tàu Universal Gloria

☐ Theo dõi thanh toán ☐ Sửa tỷ giá ghi số Tiền: 178 408 024

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.10: Màn hình hạch toán chuyển tiền thưởng tàu

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
21/11/2025	BC 186	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BÌNH AN PHÚ	Thu tiền thường tàu Universal Gloria V127	11211OCB01		178.408.024
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển thu nhập bất thường vào KQKD - 711, 911	911	178.408.024	

Tổng phát sinh nợ: 178.408.024

Tổng phát sinh có: 178.408.024

Số dư cuối kỳ: 0

Cộng lũy kế đến hiện tại: 8.201.751.428

Bảng 2.6: Trích sổ chi tiết tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt đóng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
21/11/2025	BC1	186	21/11/2025			Thu tiền thường tàu Universal Gloria V127		178.408.024
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025			Kết chuyển thu nhập bất thường vào KQKD - 711, 911	178.408.024	

Tổng phát sinh nợ: 178.408.024

Tổng phát sinh có: 178.408.024

Số dư cuối kỳ: 0

Cộng lũy kế đến hiện tại: 8.201.751.428

Ngày mở sổ:

Bảng 2.7: Trích sổ cái TK 711 “Thu nhập khác”

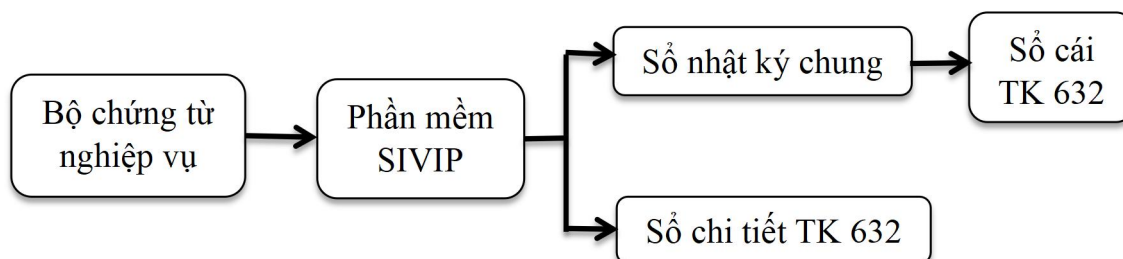
2.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là khoản chi phí chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng chi phí của công ty. Để tính giá vốn hàng hóa, công ty sử dụng phương pháp tính giá vốn hàng hóa theo giá đích danh. Có nghĩa là xuất kho mặt hàng nào thì tính giá xuất kho được ghi nhận là giá nhập kho thực tế của chính mặt hàng đó.

2.2.4.1. Sổ sách sử dụng.

- Sổ chi tiết tài khoản 6321 - “Giá vốn hàng bán”
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 632

2.2.4.2. Trình tự luân chuyển chứng từ tại công ty.



Sơ đồ 2.8 : Quy trình luân chuyển chứng từ của giá vốn hàng bán

Sau khi tập hợp chi phí liên quan đến doanh thu bán hàng của đơn vị, kế toán bắt đầu tính giá vốn hàng hóa. Sau đó kế toán thực hiện nhập đầy đủ các thông tin vào phần mềm rồi nhấn lưu, từ đó phần mềm sẽ tự động cập nhật dữ liệu lên các sổ sách liên quan như: sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 632, sổ cái TK 632

2.2.4.3. Nghiệp vụ minh họa.

Các bước nhập liệu lên phần mềm tương tự các bước nhập liệu doanh thu (Trang 35).

Hình 2.11: Màn hình hoạch toán giá vốn hàng bán

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT						
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi						
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Tài khoản: 6321 - Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thành phẩm, dịch vụ						
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025						
				Số dư đầu kỳ:	0	
Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
05/11/2025	HD 0000053	Công ty TNHH SX TM Vạn Lý	Xuất bán hàng đảm gỗ keo theo HĐUTXK số: 79/BAPDQUTVL/2025 ngày 27/10/2025	1551	4.892.328.465	
06/11/2025	HD 0000054	Nippon Paper Lumber Co., Ltd. (NPL)	Xuất bán hàng viên nén gỗ theo Hợp đồng ngày 31/01/2022; chứng thư số: 25E05GHX01159-01	1561	24.482.092.202	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	911		79.712.641.613
					Tổng phát sinh nợ:	79.712.641.613
					Tổng phát sinh có:	79.712.641.613
					Số dư cuối kỳ:	0
					Cộng lũy kế đến hiện tại:	711.052.154.839

Bảng 2.8: Trích sổ chi tiết TK 6321 - “Giá vốn hàng bán”

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT

Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6321 - Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thành phẩm, dịch vụ

Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ:

0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang sổ	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
05/11/2025	HDA	00000053	05/11/2025	Xuất bán hàng đảm gồ keo theo HĐUTXK số: 79/BAPDQUTVL/2025 ngày 27/10/2025		1551	4.892.328.465	
06/11/2025	HDA	00000054	06/11/2025	Xuất bán hàng viên nén gồ theo Hợp đồng ngày 31/01/2022; chứng thư số: 25E05GHX01159-01 ngày 03/11/2025		1561	24.482.092.202	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
27/11/2025	HDA	00000057	27/11/2025	Xuất bán hàng đảm gồ keo lai theo Hợp đồng UTXX số: 115/UTXX/SXTM-LSBAP/2025 ngày 21/11/2025		1551	10.148.975.452	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632		911		79.712.641.613
							Tổng phát sinh nợ: 79.712.641.613	
							Tổng phát sinh có: 79.712.641.613	
							Số dư cuối kỳ: 0	
							Cộng lũy kế đến hiện tại: 711.052.154.839	

Ngày mở sổ:

Bảng 2.9: Trích sổ cái TK 6321- “Giá vốn hàng bán”

2.2.5. Kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính của công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất bao gồm chi phí lãi vay và chênh lệch lỗ tỷ giá phát sinh trong kỳ.

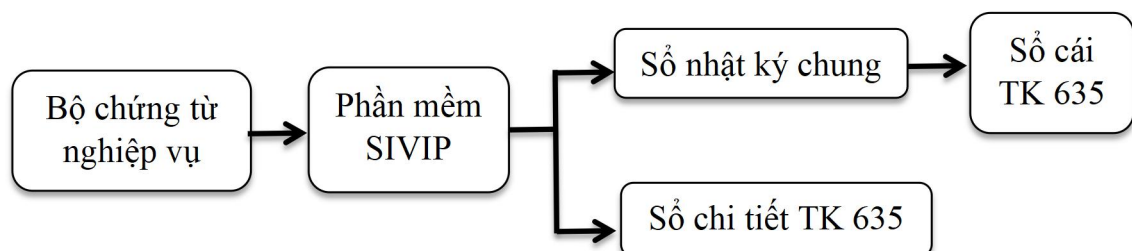
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Hóa đơn GTGT
- Bảng tỷ giá

2.2.5.2. Sổ sách sử dụng.

- Sổ cái tài khoản 635
- Sổ chi tiết tài khoản 6351 “Chênh lệch tỷ giá phát sinh”
- Sổ chi tiết tài khoản 6352 “Chi phí lãi vay”
- Sổ nhật ký chung

2.2.5.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.



Sơ đồ 2.9 : Quy trình luân chuyển chứng từ của chi phí tài chính

Khi nhận được bộ chứng từ của ngân hàng về khoản doanh thu hoạt động tài chính, kế toán thực hiện nhập liệu những thông tin cần thiết rồi nhấn lưu. Sau đó, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan như: Sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 635, Sổ cái TK 635

2.2.5.4. Nghiệp vụ minh họa.

❖ Chênh lệch lỗ tỷ giá

Ngày 4/11/2025, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh tiền hàng đảm gổ của Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bình An Phú ngày 24/10/2025

Hình 2.12 : Màn hình hoạch toán chênh lệch lỗ tỷ giá tiền hàng

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 6351 - Chênh lệch lỗ tỷ giá phát sinh trong kỳ
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư đầu kỳ: 0
Ngày	Số				Nợ	Có	
...	...	...	...	...	...	...	...
04/11/2025	BC 181	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BÌNH AN PHÚ	Thu tiền hàng đảm gổ keo theo Hợp đồng UTXK số: 108/UTXK/SXTM-LSBAP/2025 ngày 24/10/2025	131112	22.335.918		
04/11/2025	PK1 388	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BÌNH AN PHÚ	Lỗ chênh lệch tỷ giá	131112	4.125		
14/11/2025	UNC 1805	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI	Phí chuyển tiền	11221SHB	155		
...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	911			4.125
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	911			271.001.836

Tổng phát sinh nợ: 271.005.961
Tổng phát sinh có: 271.005.961
Số dư cuối kỳ: 0
Cộng lũy kế đến hiện tại: 3.910.175.408

Bảng 2.10: Trích sổ chi tiết TK 6351- “Chênh lệch lỗ tỷ giá”

❖ Chi phí lãi vay

Ngày 4/11/2025, công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng Thương Mại TNHH Một Thành Viên Đại Dương – Oceanbank thông báo về khoản trả nợ gốc và chi phí lãi vay

PHIẾU BẢO NỢ
(Debit Slip)

Ngày/Date : 04/11/2025 Nguyên tệ/ Currency: USD

MBV 

Tên Khách hàng/Customer Name: 8532000678 - .CONG TY TNHH LAM SAN BINH AN PHU DUNG QUAT
Số tài khoản/Account No.: 53200067899999
MST KH/Tax code:
Mã GD/Ref: LD2518456245 GDV/Teller : 47138_BPMINAU.1__OFS_FT.OFS.VALID Chi nhánh/Branch: QUANG NGAI

Tài khoản-Khách hàng/ Account-Customer :	Số tiền/Amount :	Loại tiền/ Currency :
Tài khoản nợ/Debit Account: 53200067899999	507.40	USD
Bảng chữ/ In words:	Năm trăm linh bảy USD và bốn mươi / Five hundred seven point four usd	
Diễn giải / Details:	Thu lại khe uocLD2518456245	
Tài khoản nợ/Debit Account: 53200067899999	385.832.27	USD
Bảng chữ/ In words:	Ba trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi hai USD và hai mươi bảy / Three hundred eighty-five thousand eight hundred thirty-two point twenty-seven usd	
Diễn giải / Details:	Thu gốc khe uocLD2518456245	

Lập biểu/Issued by
Nguyễn Thủy Ngân

Kiểm soát/Supervisor
Ngô Thị Hiền

Hình 2.13: Giấy báo nợ ngày 4/11/2025

➤ Căn cứ vào giấy báo nợ, tổng tiền vay mà công ty trả là 385.832,27 USD và lãi vay là 507,40 USD

1. Tỷ giá xuất bình quân USD tại ngày 4/11/2025 là 26.047

2. Lãi vay phải trả: $26.047 * 507,24 = 13.216.248$ VND

S Xem giấy báo nợ

Mã khách	OCEANBANK	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT T	Số phiếu chi	1765
Địa chỉ	Số: 55-57 Đại lộ Hùng Vương, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quảng Ng		Ngày lập	04/11/2025
Người nhận tiền			Ngày hạch toán	04/11/2025
Lý do chi	Trả nợ gốc + lãi tk vay		TGGD	USD 26 047.00
Loại phiếu chi	9	Chi kèm hóa đơn GTGT	Tỷ giá gs	26 112.23
Tài khoản có	11221OCB01	Ngoại tệ - USD - OceanBank - Ngân hàng Đại Dương USD	Trạng thái	2. Chuyển số cái

Chi tiết Thuế Thanh toán Ủy nhiệm chi

Thêm ↑ Lên ↓ Xuống Chép Xóa Kết xuất

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền nt	Diễn giải
1 3411121	Các khoản đi vay ngắn hạn: ngoại tệ - USD	385 832.27	Trả nợ gốc + lãi tk vay
2 6352	Chi phí lãi vay	507.40	Trả nợ gốc + lãi tk vay

☐ Theo dõi thanh toán ☒ Sửa tỷ giá ghi số

Tiền	386 339.67	10 062 989 385
Tiền thuế	0.00	0
Tổng thanh toán	386 339.67	10 062 989 385

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.14: Màn hình hạch toán chi phí lãi vay

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6352 - Chi phí lãi vay
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
04/11/2025	UNC 1765	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN ĐẠI DƯƠNG - CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI	Trả nợ gốc + lãi tk vay	11221OCB01	13.216.248	
...	...	...	...	...	...	...
14/11/2025	UNC 1813	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN ĐẠI DƯƠNG - CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI	Trả nợ gốc + lãi tk vay	11221OCB01	10.683.391	
17/11/2025	UNC 1831	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á - CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI	Trả lãi tk vay	11211SEABANK-Q	5.828.862	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	911		177.613.320
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	911		710.183.456

Tổng phát sinh nợ: 887.796.776
Tổng phát sinh có: 887.796.776
Số dư cuối kỳ: 0
Cộng lũy kế đến hiện tại: 8.153.660.283

Bảng 2.11: Trích sổ chi tiết TK 6352 “Chi phí lãi vay”

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt đóng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
04/11/2025	BC1 181	04/11/2025	Thu tiền hàng đảm bảo theo Hợp đồng UTXK số: 108/UTXK/SXTM-LSBAP/2025 ngày 24/10/2025			131112	22.335.918	
04/11/2025	BN1 1765	04/11/2025	Trả nợ gốc + lãi tk vay			11221OCB01	13.216.248	
04/11/2025	PK1 388	04/11/2025	Lỗi chênh lệch tỷ giá			131112	4.125	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/11/2025	BN1 1788	13/11/2025	Trả gốc + lãi tk vay			11211SEABANK-Q	10.469.994	
13/11/2025	BN1 1799	13/11/2025	Phí QLTK			11221BAI	161	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
27/11/2025	BN1 1950	27/11/2025	Trả nợ gốc tk vay			11221OCB01	727.725	
30/11/2025	PK3 202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635			911		4.125
30/11/2025	PK3 202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635			911		271.001.836
30/11/2025	PK3 202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635			911		177.613.320
30/11/2025	PK3 202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635			911		710.183.456

Tổng phát sinh nợ: 1.158.802.737
Tổng phát sinh có: 1.158.802.737
Số dư cuối kỳ: 0
Cộng lũy kế đến hiện tại: 12.063.835.691

Ngày mở sổ:

Bảng 2.12: Trích sổ cái của tài khoản 635 - “Chi phí tài chính”

2.2.6. Kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng của công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất bao gồm: Chi phí nhân viên; chi phí vật liệu, bao bì; chi phí dụng cụ, lao động; chi phí khấu hao TSCĐ; chi phí dịch vụ mua ngoài

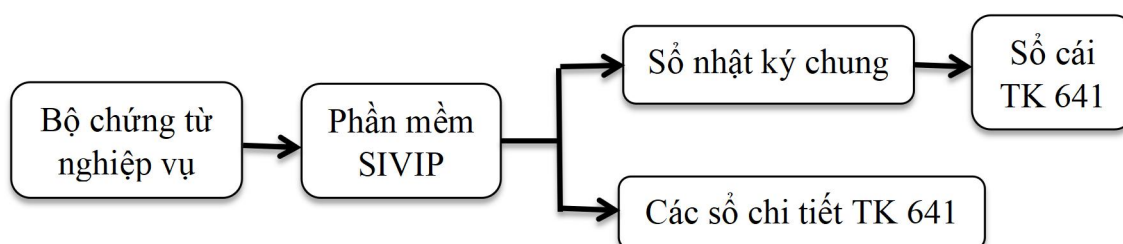
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu chi;

2.2.6.2. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 641
- Sổ chi tiết TK 6411- “ Chi phí nhân viên”
- Sổ chi tiết TK 6412- “ Chi phí vật liệu bao bì”
- Sổ chi tiết TK 6413- “ Chi phí dụng cụ, đồ dùng”
- Sổ chi tiết TK 6414- “ Chi phí khấu hao TSCĐ”
- Sổ chi tiết TK 6417- “ Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- Sổ chi tiết TK 6418- “ Chi phí chi bằng tiền khác”
- Sổ nhật ký chung

2.2.6.3. *Trình tự luân chuyển chứng từ tại công ty*



Sơ đồ 2.10: Quy trình luân chuyển chứng từ của chi phí bán hàng

Khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán tổng hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ rồi thực hiện nhập dữ liệu vào phần mềm và nhấn lưu. Sau đó, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan như: Sổ nhật ký chung, các sổ chi tiết TK 641, sổ cái TK 641

2.2.6.4. *Nghiệp vụ minh họa*

❖ *Chi phí nhân viên*

Ngày 30/11/2025, tiền lương cán bộ nhân viên tháng 11/2025 (Bộ phận xuất hàng viên nén) phải trả 11.473.962 đồng .

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT												
TỔNG HỢP LƯƠNG CNV LAO ĐỘNG THÁNG 11 NĂM 2025												
STT	Diễn giải	Tiền lương	Lương xuất hàng Viên nén	CP Bàng tài	KPCĐ Công ty trích nộp	Các khoản giảm trừ				Ủng hộ thiên tai, bảo lụt	Thực nhận	
						BHXH, BHYT, BHTN	Thu ĐP Công đoàn	Tạm ứng	Thuế TNCN	Cộng		
1	Ban lãnh đạo - Kế toán	82.111.599			1.160.000	6.090.000	290.000		0	6.380.000	2.230.769	73.500.830
2	Phòng KD-TH	88.906.163			1.285.200	6.747.300	321.300		0	7.068.600	2.471.538	79.366.025
3	Ban chứng chỉ rừng BAP	174.216.701			2.380.000	11.025.000	595.000		0	11.620.000	4.576.923	158.019.778
4	Viên nén	543.412.284	11.473.962		3.978.800	20.888.700	994.700		1.260.637	23.144.037	6.228.462	525.513.748
5	Dấm	440.912.531			4.099.200	21.520.800	1.024.800		573.164	23.118.764	8.056.154	409.737.614
Tổng cộng		1.329.559.279	11.473.962	0	12.903.200	66.271.800	3.225.800	0	1.833.801	71.331.401	23.563.846	1.246.137.994
			1.341.033.241									1.246.137.993
LẬP BIỂU			KẾ TOÁN TRƯỞNG				GIÁM ĐỐC					

Bảng 2.13 : Bảng tổng hợp tiền lương CNV T11/2025

- Dựa vào bảng tổng hợp lương cán bộ công nhân viên, kế toán hạch toán lên phần mềm kế toán SIVIP theo các bước sau: Chọn tổng hợp -> Chọn phiếu kế toán -> Thời gian làm việc-> Chọn mới -> Nhập thông tin chứng từ và thông tin chi tiết -> Lưu

Tài khoản	Tên tài khoản	Mã... lên...	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Diễn giải
6421	Chi phí nhân viên quản lý		171 017 762	0	Phải trả tiền lương Tháng 11/2025 cho
622	Chi phí nhân công trực tiếp		649 103 477	0	Phải trả tiền lương Tháng 11/2025 cho
622	Chi phí nhân công trực tiếp		239 104 110	0	Phải trả tiền lương Tháng 11/2025 cho
3341	Phải trả công nhân viên		0	1 341 033 241	Phải trả tiền lương Tháng 11/2025 cho
6421	Chi phí nhân viên quản lý		270 333 930	0	Phải trả tiền lương Tháng 11/2025 cho
6411	Chi phí nhân viên		11 473 962	0	Phải trả tiền lương xuất hàng Tháng 11/2025 cho

Hình 2.15 : Màn hình hạch toán chi phí nhân viên

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 6411 - Chi phí nhân viên
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư đầu kỳ: 0
Ngày	Số				Nợ	Có	
17/11/2025	PC 3017	Hồ Thị Liên	Chi tiền ăn ca xuất hàng viên nên tháng 10/2025	111101	2.730.000		
30/11/2025	PK1 419		Phải trả tiền lương xuất hàng Tháng 11/2025 cho CBCNV	3341	11.473.962		
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641	911		14.203.962	
					Tổng phát sinh nợ:	14.203.962	
					Tổng phát sinh có:	14.203.962	
					Số dư cuối kỳ:	0	
					Cộng lũy kế đến hiện tại:	231.079.300	

Bảng 2.14 : Trích sổ chi tiết TK 6411- “Chi phí nhân viên”

❖ **Chi phí dịch vụ mua ngoài**

- Tại công ty chi phí dịch vụ mua ngoài chủ yếu là các khoản sau:
- Thuê xe vận chuyển dăm gỗ
 - Phí ủy thác xuất khẩu

- Phí cân hàng dăm gỗ
- Chi phí giám định khối lượng
- Chi phí bốc xếp dăm gỗ
- Chi phí phụ thu dăm gỗ

Nghiệp vụ minh họa: Ngày 4/11/2025, phải trả công ty cổ phần dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC phí thuê xe vận chuyển viên nén gỗ, chưa bao gồm thuế GTGT 8% là 808.460.000 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC
PTSC QUANG NGAI JOINT STOCK COMPANY
(PTSC QUẢNG NGÃI)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG VAT INVOICE

Ký hiệu (Serial No.): 1C25TCA

Lô 4H, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Nghĩa Lộ, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Block 4H, Ton Duc Thang street, Nghĩa Lo Ward, Quang Ngai Province, SR Viet Nam
MCQT cấp (Verification Code): 006A5970E4A051457B9DCD0E32A22DD199

MST: 43300351623

Khách hàng: Công ty TNHH Lâm sản Bình An Phú Dung Quất
CUSTOMER:
Địa chỉ: Khu Kinh tế Dung Quất, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
ADDRESS:
Mã số thuế: 4300807955
TAX CODE:
Theo hợp đồng: Số: 101-2024/PTSC-QN/BDV và các Phụ lục kèm theo
PO - CONTRACT:

Please quote when remitting

Số hóa đơn: **1120**
INVOICE:
Ngày: 04/11/2025
DATE:
Nội dung: Tên tàu: ASIAN KIND; Ngày đến/đi: 30/10-03/11/2025; Loại hàng: Viên nén
SUBJECT:
Đồng tiền thanh toán (Payment Currency): VND
HIT (Payment Method): Chuyển khoản

Stt Item	Diễn giải Description	Đvt UOM	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount
33	Vận chuyển viên nén gỗ bằng xe tải thùng từ Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất (Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) đến Cảng PTSC Dung Quất - Biên kiểm soát: Xe 77H-076.18	Tấn	291,99	46.000	13.431.540
34	Vận chuyển viên nén gỗ bằng xe tải thùng từ Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất (Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) đến Cảng PTSC Dung Quất - Biên kiểm soát: Xe 92C-124.50	Tấn	348,76	46.000	16.042.960
35	Vận chuyển viên nén gỗ là hàng thừa, hàng rơi vãi... từ Cảng PTSC Dung Quất đến Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất (Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) - Biên kiểm soát: Xe 76F-004.32 và SMRM 76R-006.90	Chuyến	1	1.500.000	1.500.000
Cộng tiền hàng (Total Amount):					808.460.000
Thuế suất (VAT Rate) 8% Tiền thuế GTGT (% VAT)					64.676.800
Cộng tiền thanh toán (TOTAL)					873.136.800

Bảng chữ (IN WORDS): Tám trăm bảy mươi ba triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm đồng chẵn

Người mua hàng
Buyer
(Ký, họ tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng
Seller
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name, seal)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC**
(Signed by)

Ký ngày: 04/11/2025
(Date)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
(Please do check, compare when issuing, delivering and receiving invoice)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 31KF2518238B1SDCA
Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST, MST: 0100727825 (www.fast.com.vn)
tiếp theo trang trước (Continued from previous page) - Trang (Page) 5/5

Hình 2.16: Hóa đơn GTGT số 1120

- Căn cứ vào hóa đơn số 1120, kế toán hoạch toán lên phần mềm SIVIP như sau:
- Chọn mua hàng -> Chọn mua dịch vụ và tài sản, công cụ -> Nhập thời gian làm việc -> Nhập thông tin chung, chi tiết và hóa đơn thuế -> Lưu

S Xem hóa đơn

Mã ncc: PTSC CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC Số chứng từ: 0643

Người giao hàng: Ngày lập: 04/11/2025

Tài khoản có: 331111 Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND) Ngày hạch toán: 04/11/2025

Số hóa đơn: 1120 Ký hiệu: 1C25TCA Tỷ giá: VND 1.00

Ngày hóa đơn: 04/11/2025 Trạng thái: 2. Chuyển số cái

Diễn giải: Phải trả tiền vận chuyển viên nén gỗ từ Công ty đến cảng PTSC Dung Quất

Chi tiết Thuế

Thêm ↑ Lên ↓ Xuống Chép Xóa Kết xuất Khóa cột

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền hàng	Diễn giải
1 6417	Chi phí dịch vụ mua ngoài	808 460 000	Phải trả tiền vận chuyển viên nén gỗ từ

Tiền hàng: 808 460 000

Tiền thuế: 64 676 800

Tổng thanh toán: 873 136 800

Mã thanh toán

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.17: Màn hình hoạch toán chi phí vận chuyển viên nén gỗ

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT

Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
04/11/2025	PN1 0643	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC	Phải trả tiền vận chuyển viên nén gỗ từ Công ty đến cảng PTSC Dung Quất	331111	808.460.000	
...	...	...	...	...	...	...
27/11/2025	PN1 0685	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC	Phải trả tiền phí bốc xếp đăm gỗ từ ô tô xuống hầm tàu, phí cân hàng hoá...	331111	769.128.175	
28/11/2025	UNC 1959	Công ty TNHH SX TM Vạn Lý	Chuyển trả tiền thuế XK tàu YI HUI LIAN XIN V2513	11211OCB	65.062.020	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641	911		3.436.851.040
					Tổng phát sinh nợ:	3.436.851.040
					Tổng phát sinh có:	3.436.851.040
					Số dư cuối kỳ:	0
					Cộng lũy kế đến hiện tại:	30.145.924.199

Bảng 2.15: Trích sổ chi tiết TK 6417- “Chi phí dịch vụ mua ngoài”

❖ **Chi phí chi bằng tiền khác**

Ngày 3/11/2025, Nhân viên Nguyễn Thị Út Sa xuất kho dầu 0,05S-II để phục vụ sản xuất 900.000 lít (2.576.263 VND).

Xem phiếu xuất

Mã khách: JTSA Nguyễn Thị Út Sa Số phiếu xuất: 149

Người nhận: Ngày lập: 03/11/2025

Mã giao dịch: 2 Xuất nội bộ Ngày hạch toán: 03/11/2025

Diễn giải: Xuất kho dầu Do phục vụ sản xuất Tỷ giá: VND 1.00

Trạng thái: 3. Chuyển số cái

Chi tiết Chứng từ gốc

Thêm Chèn Lên Xuống Chép Xóa Kết xuất Khóa cột

	Mã hàng	Tên mặt hàng	Đvt	Mã kho	Mã lô	Tồn	Số lượng
1	DAUDO	Dầu Do 0,05S-II	Lit	0085CTY		3 750.000	150.000
2	DAUDO	Dầu Do 0,05S-II	Lit	0085CTY		3 750.000	300.000
3	DAUDO	Dầu Do 0,05S-II	Lit	0085CTY		3 750.000	450.000

Tổng cộng 900.000 15 457 578

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.18: Màn hình hoạch toán xuất kho dầu 0,05S - II

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 6418 - Chi phí bằng tiền khác
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
03/11/2025	PX 149	Nguyễn Thị Út Sa	Xuất kho dầu Do phục vụ sản xuất	1523	2.576.263	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641	911		2.576.263
Tổng phát sinh nợ:					2.576.263	
Tổng phát sinh có:					2.576.263	
Số dư cuối kỳ:					0	
Cộng lũy kế đến hiện tại:					106.403.854	

Bảng 2.16: Trích sổ chi tiết tài khoản 6418 “Chi bằng tiền khác”

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 641 - Chi phí bán hàng
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
03/11/2025	PXA 149	03/11/2025	Xuất kho dầu Do phục vụ sản xuất			1523	2.576.263	
04/11/2025	PN1 0642	04/11/2025	Phải trả tiền phí thuê xe xúc lật xuất hàng viên nén			331111	14.872.000	
04/11/2025	PN1 0643	04/11/2025	Phải trả tiền vận chuyển viên nén gỗ từ Công ty đến cảng PTSC Dung Quất			331111	808.460.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PK1 419	30/11/2025	Phải trả tiền lương xuất hàng Tháng 11/2025 cho CBCNV			3341	11.473.962	
30/11/2025	PK3 202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641			911		14.203.962
30/11/2025	PK3 202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641			911		3.436.851.040
30/11/2025	PK3 202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641			911		2.576.263
Tổng phát sinh nợ:							3.453.631.265	
Tổng phát sinh có:							3.453.631.265	
Số dư cuối kỳ:							0	
Cộng lũy kế đến hiện tại:							30.483.407.353	

Ngày mở sổ:

Bảng 2.17: Trích sổ cái TK 641- “Chi phí bán hàng”

2.2.7. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền

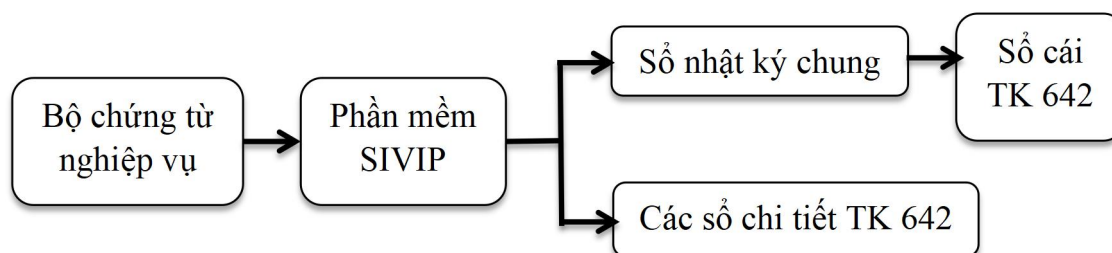
2.2.7.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu chi;
- Bảng tổng hợp lương cán bộ nhân viên;
- Bảng trích khấu hao tài sản cố định;

2.2.7.2. Sổ sách sử dụng.

- Sổ chi tiết tài khoản 6421- “ Chi phí nhân viên quản lý”
- Sổ chi tiết tài khoản 6422- “ Chi phí vật liệu quản lý”
- Sổ chi tiết tài khoản 6423- “ Chi phí đồ dùng văn phòng”
- Sổ chi tiết tài khoản 6424- “ Chi phí khấu hao TSCĐ”
- Sổ chi tiết tài khoản 6425- “ Thuế, phí và lệ phí”
- Sổ chi tiết tài khoản 6427- “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- Sổ chi tiết tài khoản 6428- “Chi phí bằng tiền khác”
- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 642

2.2.7.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.



Sơ đồ 2.11: Quy trình luân chuyển chứng từ của chi phí quản lý doanh nghiệp

Khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí QLDN, kế toán tổng hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ rồi thực hiện nhập dữ liệu vào phần mềm và nhấn lưu. Sau đó, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan như: Sổ nhật ký chung, các sổ chi tiết TK 642, sổ cái TK 642

2.2.7.4. Nghiệp vụ minh họa.

❖ Chi phí nhân viên quản lý

Dựa vào bảng chấm công và bảng tính lương phát sinh trong tháng 11/2025 (phụ lục số 3) đã được phê duyệt. Từ số liệu ở trên bảng tính lương kế toán tiền lương - thuế tiến hành tổng hợp lương công nhân viên lao động tháng 11/2025.

Ngày 30/11/2025, phải trả tiền lương cho cán bộ công nhân viên tháng 11/2025 (Bộ phận quản lý) là 171.017.762 đồng.

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT												
TỔNG HỢP LƯƠNG CNV LAO ĐỘNG THÁNG 11 NĂM 2025												
STT	Diễn giải	Tiền lương	Lương xuất hàng Viên nén	CP Bảng tài	KPCĐ Công ty trích nộp	Các khoản giảm trừ					Ủng hộ thiên tai, bảo lụt	Thực nhận
						BHXH, BHYT, BHTN	Thu ĐP Công đoàn	Tạm ứng	Thuế TNCN	Cộng		
1	Ban lãnh đạo - Kế toán	82.111.599			1.160.000	6.090.000	290.000		0	6.380.000	2.230.769	73.500.830
2	Phòng KD-TH	88.906.163			1.285.200	6.747.300	321.300		0	7.068.600	2.471.538	79.366.025
3	Ban chứng chỉ rừng BAP	174.216.701			2.380.000	11.025.000	595.000		0	11.620.000	4.576.923	158.019.778
4	Viên nén	543.412.284	11.473.962		3.978.800	20.888.700	994.700		1.260.637	23.144.037	6.228.462	525.513.748
5	Dăm	440.912.531			4.099.200	21.520.800	1.024.800		573.164	23.118.764	8.056.154	409.737.614
	Tổng cộng	1.329.559.279	11.473.962	0	12.903.200	66.271.800	3.225.800	0	1.833.801	71.331.401	23.563.846	1.246.137.994
			1.341.033.241									
												1.246.137.993
	LẬP BIỂU					KẾ TOÁN TRƯỞNG				GIÁM ĐỐC		

Bảng 2.18: Bảng tổng hợp lương công nhân viên lao động T11/2025

➤ Dựa vào bảng tổng hợp lương cán bộ công nhân viên, kế toán hạch toán lên phần mềm kế toán SIVIP theo các bước sau: Chọn tổng hợp->Chọn phiếu kế toán->Thời gian làm việc-> Chọn mới, nhập thông tin chứng từ và thông tin chi tiết-> Lưu

Xem phiếu kế toán

Số chứng từ: 419 Trạng thái: 2. Chuyển số cái

Ngày lập: 30/11/2025

Ngày hạch toán: 30/11/2025

Tỷ giá: VND 1.00

Diễn giải: Phải trả tiền lương xuất hàng Tháng 11/2025 cho CBCNV

Chi tiết: Thuế GTGT đầu vào

Thêm Lên Xuống Chép Xóa Kết xuất Khóa cột

Tài khoản	Tên tài khoản	Mã... Tên...	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Diễn giải
6421	Chi phí nhân viên quản lý		171 017 762	0	Phải trả tiền lương Tháng 11/2025 cho
622	Chi phí nhân công trực tiếp		649 103 477	0	Phải trả tiền lương Tháng 11/2025 cho
622	Chi phí nhân công trực tiếp		239 104 110	0	Phải trả tiền lương Tháng 11/2025 cho
3341	Phải trả công nhân viên		0	1 341 033 241	Phải trả tiền lương Tháng 11/2025 cho
6421	Chi phí nhân viên quản lý		270 333 930	0	Phải trả tiền lương Tháng 11/2025 cho
6411	Chi phí nhân viên		11 473 962	0	Phải trả tiền lương xuất hàng Tháng 11/2025 cho

1 341 033 241 1 341 033 241

Hình 2.19: Màn hình hạch toán chi phí nhân viên quản lý

➤ Căn cứ vào hóa đơn số 11, kế toán hoạch toán lên phần mềm kế toán SIVIP như sau:

S Xem phiếu chi

Mã khách: **DUYTHANH** Hà Vũ Duy Thanh Số phiếu chi: **2972**
Địa chỉ: **Bộ phận KD - TH** Ngày lập: **13/11/2025**
Người nhận tiền: Ngày hạch toán: **13/11/2025**
Lý do chi: **Chi tiền sửa chữa xe 76A-08267** Tỷ giá: **VND** **1.00**
Loại phiếu chi: **9** Chi kèm hóa đơn GTGT Tỷ giá gs: **1.00**
Tài khoản có: **111101** Tiền mặt Việt Nam Trạng thái: **2. Chuyển số cái**

Chi tiết Thuế Thanh toán Chứng từ gốc

Thêm ↑ Lên ↓ Xuống Chép Xóa Kết xuất

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải
1 6422	Chi phí vật liệu quản lý	994 000	Chi tiền sửa chữa xe 76A-08267

☐ Theo dõi thanh toán ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

Tiền: **994 000**
Tiền thuế: **0**
Tổng thanh toán: **994 000**

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.21: Màn hình hoạch toán thanh toán tiền sửa chữa xe 76A-08267

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: **0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
13/11/2025	PC 2972	Hà Vũ Duy Thanh	Chi tiền sửa chữa xe 76A-08267	111101	994.000	
18/11/2025	PN1 0672	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BHLĐ LÊ TUẤN ANH	Phải trả tiền mua thùng rác nhựa cho công ty	331111	2.880.000	
...	...	...	...	...	...	...
26/11/2025	PC 3114	Hà Vũ Duy Thanh	Chi tiền nhiên liệu tháng 11/2025 xe 76A-08267	111101	3.009.389	
29/11/2025	PC 3139	Mai Thị Trà	Chi tiền mua vật tư, thiết bị phục vụ dự án FM	111101	4.342.593	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	911		27.336.235
Tổng phát sinh nợ:					27.336.235	
Tổng phát sinh có:					27.336.235	
Số dư cuối kỳ:					0	
Cộng lũy kế đến hiện tại:					314.657.285	

Bảng 2.20: Trích sổ chi tiết tài khoản 6422- “Chi phí vật liệu quản lý”

❖ Chi phí đồ dùng văn phòng

Ngày 13/11/2025, thanh toán tiền thay 2 hộp mực máy photocopy là 1.500.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%)

Duchao CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐỨC HÀO QUẢNG NGÃI
Mã số thuế (Tax code): 4300327571
Địa chỉ (Address): 230 Phan Bội Châu, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại (Tel): 0255.3820607 Fax: 02553.828557
Số tài khoản (Bank account): 0271 000 818 539 - Vietcombank - CN Quảng Ngãi

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)
Ký hiệu (Serial): 1C25TDH
Số (No.): 00002350

Ngày (Date) 13 tháng (month) 11 năm (year) 2025
Mã QGT (Code): 00F95B7FA3C90400B8C17CA564E8CEE3F

Họ tên người mua hàng (Buyer):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Mã số thuế (Tax code): 4300807955
Địa chỉ (Address): Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK
Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Mực photocopy Xerox 3065	Hộp	2,00	694.444,44	1.388.889

Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT): 1.388.889
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount): 111.111
Tổng tiền thanh toán (Total amount): 1.500.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Signature, full name):
Ta Thị Vân Anh
Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Signature, full name):
Signature Valid
Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐỨC HÀO QUẢNG NGÃI
Ký ngày (Signing Date): 13/11/2025

Màu in mực: Màu in mực
Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.misainvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): ZLHKH18NG12
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)
Phát hành bởi phần mềm MISA mInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST: 0101243150

Hình 2.23: Hóa đơn GTGT số 00002350

➤ Căn cứ vào hóa đơn số 00002350 kế toán hoạch toán vào phần mềm kế toán SIVIP như sau

S Xem phiếu chi

Mã khách	TAVANANH	Ta Thị Vân Anh	Số phiếu chi	2971
Địa chỉ	Hành Chính - Nhân sự		Ngày lập	13/11/2025
Người nhận tiền			Ngày hạch toán	13/11/2025
Lý do chi	Chi tiền thay 2 hộp mực máy photocopy		Tỷ giá	VND 1.00
Loại phiếu chi	9	Chi kèm hóa đơn GTGT	Tỷ giá gs	1.00
Tài khoản có	111101	Tiền mặt Việt Nam	Trạng thái	2. Chuyển số cái

Chi tiết Thuế Thanh toán Chứng từ gốc

Thêm ↑ Lên ↓ Xuống Chep Xóa Kết xuất

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải
1 6423	Chi phí đồ dùng văn phòng	1 388 889	Chi tiền thay 2 hộp mực máy photocopy

☐ Theo dõi thanh toán ☐ Sửa tỷ giá ghi số

Tiền	1 388 889
Tiền thuế	111 111
Tổng thanh toán	1 500 000

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.24: Màn hình hoạch toán chi tiền thay 2 hộp mực máy photocopy

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI
Ngày 13 tháng 11 năm 2025

Quyển số:
Số: 2971
Nợ: 6423 1.388.889
133111 111.111
Có: 111101 1.500.000

Người nhận tiền: Tạ Thị Vân Anh
Địa chỉ: Hành Chính - Nhân sự
Lý do chi: Chi tiền thay 2 hộp mực máy photocopy
Số tiền: **1.500.000 VND**
Bằng chữ: Một triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn
Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày 13 tháng 11 năm 2025

GIÁM ĐỐC (Ký, họ tên, đóng dấu)	KẾ TOÁN TRƯỞNG (Ký, họ tên)	THỦ QUỸ (Ký, họ tên)	NGƯỜI LẬP (Ký, họ tên)	NGƯỜI NHẬN TIỀN (Ký, họ tên)
Lê Đức Dũng	Bùi Tấn Phúc	Bùi Thị Phụng	Bùi Thị Phụng	Tạ Thị Vân Anh

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn

Hình 2.25: Phiếu chi theo hóa đơn số 00002350

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT

Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng

Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ:

0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
13/11/2025	PC 2971	Tạ Thị Vân Anh	Chi tiền thay 2 hộp mực máy photocopy	111101	1.388.889	
28/11/2025	PC 3136	Tạ Thị Vân Anh	Chi tiền mua văn phòng phẩm tháng 11/2025	111101	1.223.000	
30/11/2025	PC 3157	Mai Thị Trà	Chi tiền mua văn phòng phẩm phục vụ dự án FM	111101	698.600	
30/11/2025	PK1 423		Trích chi phí trả trước phân bổ chi phí	24228	1.826.691	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	911		5.137.180
Tổng phát sinh nợ:						5.137.180
Tổng phát sinh có:						5.137.180
Số dư cuối kỳ:						0
Cộng lũy kế đến hiện tại:						265.231.871

Bảng 2.21: Trích sổ chi tiết tài khoản 6423- “Chi phí đồ dùng văn phòng”

❖ **Chi phí khấu hao TSCĐ**

Ngày 30/11/2025, trích khấu hao tài sản cố định năm 2025 cho tài sản chung là 110.886.820 đồng.

BẢNG CHI TIẾT KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 11/2025

Năm 2024- Chi tiết theo bộ phận sử dụng

TT	TÊN TSCĐ	NSD	Ngày đưa vào sử dụng	NGUYỄN GIÀ	Giá trị còn lại 31/12/2024	Số khấu hao 1 tháng	Số tháng khấu hao	Số khấu hao năm 2025	Lũy kế khấu hao	Giá trị còn lại 31/11/2025	Ghi chú BP
I	2111- Nhà cửa vật kiến trúc			7.565.089.971	4.671.987.504	66.641.479	XXX	742.458.232	3.635.560.699	3.929.529.272	
1	Mái tôn nhà xưởng	10	01/01/2020	770.189.091	385.084.531	6.418.076	12	77.016.912	462.101.472	308.067.619	TSVN
	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
9	Phần móng nhà xưởng viên nền	10	01/06/2024	589.622.910	555.228.242	3.876.417	12	46.517.004	80.911.672	508.711.238	TSVN
II	2112- Máy móc, thiết bị			736.494.768	324.165.669	4.359.778	XXX	53.150.696	465.479.795	271.014.973	
1	Hệ Thống máy nén khí	10	01/12/2018	406.908.404	159.372.485	2.746.553	12	32.958.636	280.494.555	126.413.849	TSVN
2	Trạm cân	10	01/01/2020	329.586.364	164.793.184	1.613.225	12	20.192.060	184.985.240	144.601.124	TSC
III	2113-Phương tiện vận tải, vận chuyển			2.298.774.720	932.239.788	21.133.240	XXX	237.098.880	1.603.633.812	695.140.908	
1	Xe Ô tô con 76A-08267	10	01/12/2018	1.077.885.629	422.164.007	8.208.998	12	98.507.976	754.209.598	323.656.031	TSC
2	Xe nâng 4,5 tấn	5	01/06/2020	330.000.000	27.500.000	5.300.000	9	49.500.000	352.000.000	(22.000.000)	TSDAM
3	Xe xúc lật nhỏ	10	01/06/2020	890.989.091	482.573.781	7.424.242	12	89.090.904	497.424.214	393.484.877	TSVN
IV	2114- Thiết bị dụng cụ quản lý			143.177.773	53.558.633	892.644	XXX	10.711.728	100.330.868	42.846.905	
1	Hệ Thống Camera	5	01/12/2018	36.060.500					36.060.500		TSC
2	Hệ thống camera	10	01/01/2020	107.117.273	53.558.633	892.644	12	10.711.728	64.270.368	42.846.905	TSC
V	2115- Cây lâu năm, súc vật làm việc cho SP			34.020.000	13.324.500	283.500	XXX	3.402.000	24.097.500	9.922.500	
1	Vườn Cây lâu năm	10	01/12/2018	34.020.000	13.324.500	283.500	12	3.402.000	24.097.500	9.922.500	TSC
VI	2118 - TSCĐ khác			2.109.141.491	1.212.756.362	17.576.179	XXX	210.914.148	1.107.299.277	1.001.842.214	
1	Hệ thống PCCC	10	01/10/2020	2.109.141.491	1.212.756.362	17.576.179	12	210.914.148	1.107.299.277	1.001.842.214	TSC
	TỔNG CỘNG			12.886.698.723	7.208.032.456	110.886.820		1.257.735.684	6.936.401.951	5.950.296.772	
Bình Sơn, ngày 30 tháng 11 năm 2025											
LẬP BIỂU			KẾ TOÁN TRƯỞNG			GIÁM ĐỐC					

- Căn cứ vào bảng chi tiết trích khấu hao tài sản cố định, kế toán hoạch toán lên Phần mềm SIVIP như sau: Chọn tổng hợp -> Chọn phiếu kế toán -> Chọn thời gian làm việc -> Chọn mới -> Nhập thông tin chứng từ và thông tin chi tiết -> Lưu

Hình 2.26: Màn hình hoạch toán chi phí khấu hao TSCĐ

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT

Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ

Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ:0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
30/11/2025	PK1422		Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025	21411	66.641.479	
30/11/2025	PK1422		Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025	21412	4.359.778	
30/11/2025	PK1422		Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025	21413	21.133.240	
30/11/2025	PK1422		Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025	21414	892.644	
30/11/2025	PK1422		Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025	21415	283.500	
30/11/2025	PK1422		Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025	21418	17.576.179	
30/11/2025	PKT202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	911		110.886.820
					Tổng phát sinh nợ:	110.886.820
					Tổng phát sinh có:	110.886.820
					Số dư cuối kỳ:	0
					Cộng lũy kế đến hiện tại:	1.146.848.864

Bảng 2.23: Trích sổ chi tiết TK 6424- “ Chi phí khấu hao TSCĐ” T11/2025

❖ **Thuế, phí và lệ phí**

Ngày 3/11/2025, công ty nhận được Giấy báo nợ của Ngân hàng Thương Mại Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - BIDV thông báo phí chuyển tiền với số tiền là 12.078 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%)


GIẤY BÁO NỢ

Ngày in: 16/05/2026 14:48:36

Số tài khoản 5733090909

Tên tài khoản CONG TY TNHH LAM SAN BINH AN PHU DUNG

Kính gửi: CONG TY TNHH LAM SAN BINH AN PHU DUNG

Số tài khoản cũ 57310003090909

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi NỢ với nội dung sau:

Ngày hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
03/11/2025 15:11:37	12,078	VND	HBK-TKTHE :1024105624, TAI VIETCOMBANK -CTLNHIDO000013285276576-2/2-FEE-002

Chứng từ được in từ chương trình BIDV iBank bởi user: 11569750PHUCBT

Hình 2.27: Giấy báo nợ ngày 03/11/2025

- Căn cứ vào Giấy báo nợ từ ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - BIDV, kế toán hoạch toán lên phần mềm SIVIP

S Xem giấy báo nợ
🔍 📄 🔄

Mã khách: BIDV Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhá

Địa chỉ: Thôn Trung An, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Người nhận tiền:

Lý do chi: Phí chuyển tiền

Loại phiếu chi: 9 Chỉ kèm hóa đơn GTGT

Tài khoản có: 1121BAP02 Tiền Việt Nam - BIDV - 5731 0003 090909

Số phiếu chi: 1751

Ngày lập: 03/11/2025

Ngày hạch toán: 03/11/2025

Tỷ giá VND: 1.00

Tỷ giá gs: 1.00

Trạng thái: 2. Chuyển số cái

Chi tiết
Thuế Thanh toán Ủy nhiệm chi

Thêm
↑ Lên
↓ Xuống
Chép
Xóa
Kết xuất

	Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải
1	6425	Thuế, phí và lệ phí	10 980	Phí chuyển tiền

☐ Theo dõi thanh toán
 ☐ Sửa tỷ giá ghi số

Tiền: 10 980

Tiền thuế: 1 098

Tổng thanh toán: 12 078

Chép
Mới
Sửa
Đóng

Hình 2.28: màn hình hoạch toán TK 6425- “Thuế, phí và lệ phí”

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi						
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Tài khoản: 6425 - Thuế, phí và lệ phí Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025						
				Số dư đầu kỳ:	0	
Ngày	Số	Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
					Nợ	Có
03/11/2025	UNC 1751	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất	Phí chuyển tiền	1121BAP02	10.980	
04/11/2025	PK1 389	VIETCOMBANK CAD	Phí chuyển khoản ngân hàng	131112	4.308.480	
13/11/2025	UNC 1786	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN	Phí bảo có tiền về	11221SHB	5.586.269	
...	...	...	...	...	...	...
13/11/2025	UNC 1800	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	Phí quản lý tài khoản	11221BAP02	46.082	
14/11/2025	UNC 1805	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN	Phí chuyển tiền	11221SHB	1.439.900	
17/11/2025	UNC 1830	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	Phí chuyển tiền	1121BAP02	10.000	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	911		5.722.044
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	911		53.071
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	911		16.253.493
					Tổng phát sinh nợ:	22.028.608
					Tổng phát sinh có:	22.028.608
					Số dư cuối kỳ:	0
					Cộng lũy kế đến hiện tại:	205.880.401

Bảng 2.24: Trích sổ chi tiết TK 6425- “Thuế, phí và lệ phí”

❖ **Chi phí dịch vụ mua ngoài**

Tại công ty chi phí dịch vụ mua ngoài chủ yếu là các khoản sau:

- Tiền mua vé máy bay lãnh đạo đi công tác
- Chi phí bảo dưỡng định kỳ xe ô tô
- Chi phí cước điện thoại, cước internet
- Phí chuyển tiền và rút tiền
- Chi phí đào tạo chứng chỉ nghề cho cán bộ nhân viên
- Tiền thuê phòng nghỉ lãnh đạo đi công tác..

Nghiệp vụ minh họa: Ngày 3/11/2025, thanh toán tiền cước dịch vụ FTTH hết 840.909 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%)

viettel Theo cách của bạn				HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) BẢN THẺ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ		Ký hiệu: 1K25DAC Số: 1783457 Ngày lập: 03/11/2025
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI Lô D26 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam Mã số thuế: 0100109106						
Họ tên người mua hàng: Công Ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất Tên đơn vị: Công Ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất Địa chỉ: Khu Kinh Tế Dung Quất, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam Số thuế bao: Đại diện (g055_gfth_phucttisba) Số hợp đồng: 603733687/1000348100/05032018 Mã đơn vị ngân sách: Số bộ chiếu:				Mã số thuế: 4300807955 Kỳ cước: Tháng 10/2025 Hình thức thanh toán: TM/CK Mã định danh cá nhân:		
STT	DIỄN GIẢI	SỐ LƯỢNG TB	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT(%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
a	b	c	1	2	3 = 1x2	4 = 1+3
1	Dịch vụ FITH	01	840.909	10%	84.091	925.000
CỘNG			840.909		84.091	925.000
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN						
SỐ TIỀN VIẾT BẰNG CHỮ: Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn						
				Ký bởi: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI Ký ngày: 03/11/2025		
Website tra cứu hóa đơn: https://vietteltelecom.vn/hoadondientu/ Mã số tra cứu: CJMU9EOCP7						

Hình 2.29: Hóa đơn dịch vụ viễn thông

- Căn cứ vào hóa đơn số 1783457 kế toán hạch toán lên phần mềm SIVIP tương tự các bước hạch toán chi phí dụng cụ, đồ dùng

S Xem phiếu chi

Mã khách	PHUNG	Bùi Thị Phụng	Số phiếu chi	2870
Địa chỉ	Bộ phận kế toán		Ngày lập	03/11/2025
Người nhận tiền			Ngày hạch toán	03/11/2025
Lý do chi	Chi tiền cước dịch vụ FTTH tháng 10/2025		Tỷ giá	VND 1.00
Loại phiếu chi	9	Chi kèm hóa đơn GTGT	Tỷ giá gs	1.00
Tài khoản có	111101	Tiền mặt Việt Nam	Trạng thái	2. Chuyển số cái

Chi tiết Thuế Thanh toán Chứng từ gốc

Thêm ↑ Lên ↓ Xuống Chép Xóa Kết xuất

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải
1 6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	840 909	Chi tiền cước dịch vụ FTTH tháng 10/20

☐ Theo dõi thanh toán ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

Tiền	840 909
Tiền thuế	84 091
Tổng thanh toán	925 000

Chép Mới Sửa Đóng

Hình 2.30: Màn hình hạch toán chi tiền cước dịch vụ FTTH

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI
Ngày 03 tháng 11 năm 2025

Quyển số: 2870
Số: 6427 840.909
133111 84.091
Có: 111101 925.000

Người nhận tiền: Bùi Thị Phụng
Địa chỉ: Bộ phận kế toán
Lý do chi: Chi tiền cước dịch vụ FTTH tháng 10/2025
Số tiền: 925.000 VND
Bằng chữ: Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn
Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày 03 tháng 11 năm 2025

GIÁM ĐỐC (Ký, họ tên, đóng dấu) **KẾ TOÁN TRƯỞNG** (Ký, họ tên) **THỦ QUỸ** (Ký, họ tên) **NGƯỜI LẬP** (Ký, họ tên) **NGƯỜI NHẬN TIỀN** (Ký, họ tên)

Lê Đức Dũng Bùi Tấn Phúc Bùi Thị Phụng Bùi Thị Phụng

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn

Hình 2.31: Phiếu chi theo hóa đơn dịch vụ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Bảng 2.25: Trích sổ chi tiết TK 6427- “chi phí dịch vụ mua ngoài”

Ngày 03/11/2025, Kế toán chi tiền cho nhân viên Phạm Quốc Thịnh số tiền là 2.579.000 đồng để chi tiền tiếp khách hàng.

Hình 2.32: Màn hình hoạch toán chi phí tiếp khách

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi							
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Tài khoản: 6428 - Chi phí bằng tiền khác Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025							
						Số dư đầu kỳ:	0
Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		
Ngày	Số				Nợ	Có	
03/11/2025	PC 2869	Phạm Quốc Thịnh	Chi tiền tiếp khách	111101	2.579.000		
04/11/2025	UNC 1752	ĐOÀN NGỌC BẢO	Thanh toán tiền DV ăn uống	112110CE	5.188.000		
...	...	...	...	...	...	...	...
14/11/2025	PC 2985	Bùi Thị Phụng	Chi tiền dịch vụ ăn uống tiếp khách	111101	2.152.444		
17/11/2025	PC 3026	Phạm Quốc Thịnh	Chi tiền chi phí đi công tác xã Bắc Trà My	111101	2.700.000		
...	...	...	...	...	...	...	...
26/11/2025	UNC 1944	TRẦN THỊ HÀ	Chuyển trả tiền dv ăn uống tiếp khách	11211SEA	8.642.100		
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	911		61.816.443	
					Tổng phát sinh nợ:	61.816.443	
					Tổng phát sinh có:	61.816.443	
					Số dư cuối kỳ:	0	
					Cộng lũy kế đến hiện tại:	587.383.006	

Bảng 2.26: Trích sổ chi tiết TK 6428- “ Chi phí bằng tiền khác”

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT

Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
03/11/2025	PC1	2869	03/11/2025	Chi tiền tiếp khách		111101	2.579.000	
03/11/2025	PC1	2870	03/11/2025	Chi tiền cước dịch vụ FTTH tháng 10/2025		111101	840.909	
03/11/2025	BN1	1751	03/11/2025	Phí chuyển tiền		1121BAP02	10.980	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/11/2025	PC1	2971	13/11/2025	Chi tiền thay 2 hộp mực máy photocopy		111101	1.388.889	
13/11/2025	PC1	2972	13/11/2025	Chi tiền sửa chữa xe 76A-08267		111101	994.000	
30/11/2025	PK1	419	30/11/2025	Phải trả tiền lương Tháng 11/2025 cho CBCNV cho bộ phận Quản lý		3341	171.017.762	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PK1	422	30/11/2025	Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025		21411	66.641.479	
30/11/2025	PK1	422	30/11/2025	Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025		21412	4.359.778	
30/11/2025	PK1	422	30/11/2025	Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025		21413	21.133.240	
30/11/2025	PK1	422	30/11/2025	Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025		21414	892.644	
30/11/2025	PK1	422	30/11/2025	Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025		21415	283.500	
30/11/2025	PK1	422	30/11/2025	Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025		21418	17.576.179	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		911		541.543.792
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		911		27.336.235
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		911		5.137.180
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		911		110.886.820
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		911		5.722.044
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		911		53.071
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		911		16.253.493
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		911		281.754.160
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		911		61.816.443
Tổng phát sinh nợ:							1.050.503.238	
Tổng phát sinh có:							1.050.503.238	
Số dư cuối kỳ:							0	
Cộng lũy kế đến hiện tại:							11.479.772.511	

Ngày mở sổ:

Bảng 2.27: Trích sổ cái TK 642- “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

2.2.8. Kế toán chi phí khác.

Chi phí khác của công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản tiền phạt, bồi thường

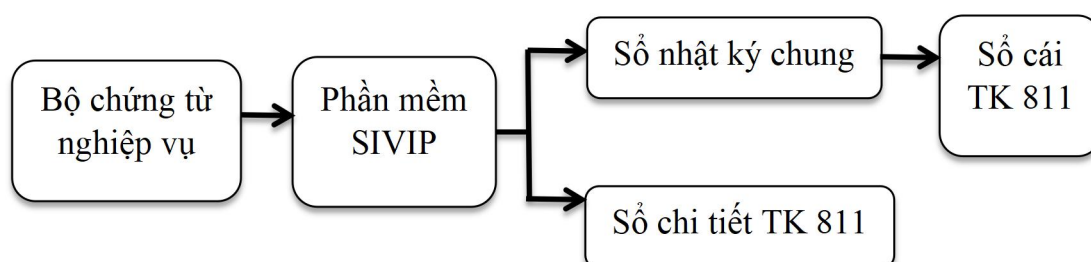
2.2.8.1. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo nợ

2.2.8.2. Sổ sách sử dụng.

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản 811
- Sổ cái tài khoản 811

2.2.8.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.



Sơ đồ 2.12: Quy trình luân chuyển chứng từ của chi phí khác

Khi phát sinh nghiệp vụ chi phí khác, kế toán thu thập đầy đủ bộ chứng từ liên quan đến nghiệp vụ phát sinh như (Ủy nhiệm chi, biên bản thanh lý TSCĐ, quyết định phạt của cơ quan nhà nước, ...), sau đó kế toán thực hiện nhập dữ liệu vào phần mềm và lưu. Phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan như: Sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 811, sổ cái TK 811

2.2.8.4. Nghiệp vụ minh họa.

(trong tháng công ty không phát sinh chi phí khác).

2.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành
- Cuối năm, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp doanh thu và các chi phí phát sinh trong kỳ để tính thuế TNDN phải nộp.

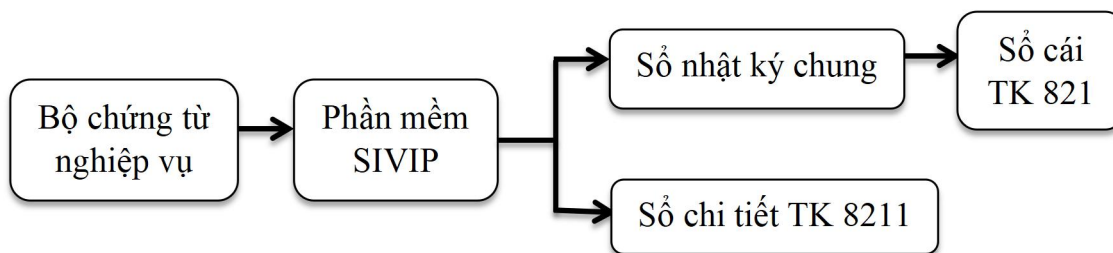
2.2.9.1. Chứng từ sử dụng.

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Phụ lục Kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.9.2. Sổ sách sử dụng.

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản 821
- Sổ cái tài khoản 821

2.2.9.3. Trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.



Sơ đồ 2.13: Quy trình luân chuyển chứng từ của chi phí thuế TNDN

Sau khi thu thập đầy đủ bộ chứng từ (Các tờ khai thuế tạm nộp, quyết toán thuế TNDN năm, thông báo thuế và biên lai nộp thuế...). Kế toán xem xét và thực hiện hoạch toán kịp thời vào phần mềm rồi nhấn lưu. Sau khi hoạch toán, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ sách liên quan như: Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 821, Sổ cái TK 821

2.2.9.4. Nghiệp vụ minh họa.

Do công ty thực hiện xác định và quyết toán thuế TNDN vào cuối năm tài chính, không thực hiện tạm tính thuế TNDN theo tháng nên trong tháng 11/2025 không phát sinh bút toán ghi nhận chi phí thuế TNDN”. Do đó, việc xác định kết quả kinh doanh trong tháng kế toán thực hiện trên cơ sở kết chuyển doanh thu và chi phí phát sinh thực tế trong kỳ.

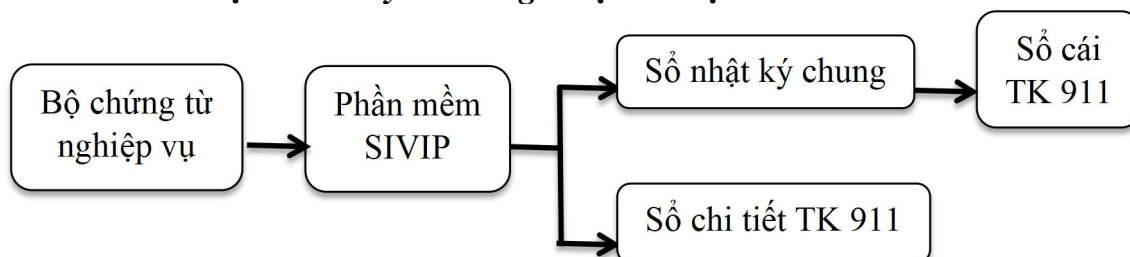
2.2.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Cuối năm, kế toán tiến hành kết chuyển các khoản doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các chi phí khác sang tài khoản 911 để xác định kết quả lãi lỗ trong quá trình hoạt động kinh doanh.

2.2.10.1. Sổ sách sử dụng.

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản 911
- Sổ cái tài khoản 911

2.2.10.2. Trình tự luân chuyển chứng từ tại đơn vị.



Sơ đồ 2.14: Quy trình luân chuyển chứng từ của xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ kế toán vào phân hệ “ Tổng hợp” chọn chứng từ “ nghiệp vụ chứng từ khác” nhập đầy đủ các thông tin, sau đó kế toán thực hiện bút toán kết chuyển cuối kỳ. Sau khi hoạch toán kết chuyển, phần mềm sẽ tự động cập nhật dữ liệu lên các sổ sách liên quan như: Sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 911, sổ chi tiết TK 911

2.2.10.3. Nghiệp vụ minh họa.

Ngày 30/11/2025 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, thu nhập và chi phí phát sinh trong tháng 11/2025 vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. Sau khi tổng hợp doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác và các khoản chi phí liên quan, doanh nghiệp xác định kết quả hoạt động kinh doanh tháng 11/2025 lãi 2.419.317.409 đồng. Khoản lãi này được kết chuyển từ TK 911 sang TK 4212 theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi						
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025						
				Số dư đầu kỳ:	0	
Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	79.712.641.613	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	6351	4.125	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	6351	271.001.836	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	6352	177.613.320	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	6352	710.183.456	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641	6411	14.203.962	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641	6417	3.436.851.040	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641	6418	2.576.263	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	6421	541.543.792	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	6422	27.336.235	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	6423	5.137.180	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	6424	110.886.820	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	6425	5.722.044	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	6425	53.071	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	6425	16.253.493	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	6427	281.754.160	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642	6428	61.816.443	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	7.383.390.915	
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911	51111		(506.419.314)
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911	51111		87.853.401.495
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		29.326.188
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		6.989
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5152		10.898
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5152		240.069.818
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển thu nhập bất thường vào KQKD - 711, 911	7111		178.408.024
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212		4.964.119.588
30/11/2025	PKT 202511		Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212		46.082
					Tổng phát sinh nợ:	92.758.969.768
					Tổng phát sinh có:	92.758.969.768
					Số dư cuối kỳ:	0

Bảng 2.28: Trích sổ chi tiết TK 911- “ Xác định kết quả kinh doanh”

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ	Số đồng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...	...	...	...	...	...	...	...	...
03/11/2025	PXA	149	03/11/2025	Xuất kho dầu Do phục vụ sản xuất - Nguyễn Thị Út Sa			15.457.578	15.457.578
			Chi phí bằng tiền khác	✓	6418		2.576.263	
			Nhiên liệu	✓	1523			2.576.263
...	...	...	...	...	...	...	...	...
03/11/2025	PCI	2869	03/11/2025	Chi tiền tiếp khách - Phạm Quốc Thịnh			2.579.000	2.579.000
			Chi phí bằng tiền khác	✓	6428		2.579.000	
			Tiền mặt Việt Nam	✓	111101			2.579.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
03/11/2025	PCI	2870	03/11/2025	Chi tiền cước dịch vụ FTTH tháng 10/2025 - Bùi Thị Phụng			925.000	925.000
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	✓	6427		840.909	
			Tiền mặt Việt Nam	✓	111101			840.909
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ: HĐ SXKD	✓	133111		84.091	
			Tiền mặt Việt Nam	✓	111101			84.091
...	...	...	...	...	...	...	...	...
03/11/2025	BNI	1751	03/11/2025	Phí chuyển tiền - Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam -			12.078	12.078
			Thuế, phí và lệ phí	✓	6425		10.980	
			Tiền Việt Nam - BIDV - 5731 0003 090909	✓				10.980
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ: HĐ SXKD	✓	133111		1.098	
			Tiền Việt Nam - BIDV - 5731 0003 090909	✓				1.098
...	...	...	...	...	...	...	...	...
04/11/2025	PNI	0643	04/11/2025	Phải trả tiền vận chuyển viên nén gỗ từ Công ty đến cảng PTSC Dung			873.136.800	873.136.800
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	✓	6417		808.460.000	
			Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)	✓	331111			808.460.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
04/11/2025	BNI	1765	04/11/2025	Trả nợ gốc + lãi tk vay - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRÁCH NHIỆM			10.088.190.322	10.088.190.322
			Chi phí lãi vay	✓	6352		13.216.248	
			Ngoại tệ - USD - OceanBank - Ngân hàng Đại Dương USD	✓				13.216.248
...	...	...	...	...	...	...	...	...
04/11/2025	PK1	388	04/11/2025	Lỗi chênh lệch tỷ giá - CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI			4.125	4.125
			Chênh lệch lỗ tỷ giá phát sinh trong kỳ	✓	6351		4.125	
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HĐ SXKD (USD)	✓	131112			4.125
...	...	...	...	...	...	...	...	...
05/11/2025	HDA	00000033	05/11/2025	Xuất bán hàng đảm gỗ keo theo HĐTK số: 79/BAPDQUTVL/2025 ngày 27/10/2025 - Công ty TNHH SX TM Vạn Lý			10.245.394.470	10.245.394.470
			Gía vốn hàng bán: hàng hoá	✓	63211		4.892.328.465	
			Thành phẩm nhập kho	✓	1551			4.892.328.465
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HĐ SXKD (USD)	✓	131112		5.353.066.005	
			Doanh thu bán hàng hóa: bên ngoài	✓	51111			5.353.066.005

Bảng 2.29: Trích sổ nhật ký chung tháng 11 (Trang 1)

...	...	...	...	...	...	...	...
13/11/2025	PC1	2971	13/11/2025	Chi tiền thay 2 hộp mực máy photocopy - Tạ Thị Văn Anh		1.500.000	1.500.000
				Chi phí đồ dùng văn phòng	✓	6423	1.388.889
				Tiền mặt Việt Nam	✓	111101	1.388.889
				Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ: HĐ SXKD	✓	133111	111.111
				Tiền mặt Việt Nam	✓	111101	111.111
13/11/2025	PC1	2972	13/11/2025	Chi tiền sửa chữa xe 76A-08267 - Hà Vũ Duy Thanh		994.000	994.000
				Chi phí vật liệu quản lý	✓	6422	994.000
				Tiền mặt Việt Nam	✓	111101	994.000
...	...	...	...	...	...	...	...
21/11/2025	BC1	186	21/11/2025	Thu tiền thương tàu Universal Gloria V127 - CÔNG TY TNHH SẢN		178.408.024	178.408.024
				Tiền Việt Nam - OceanBank - Ngân hàng Đại Dương	✓		178.408.024
				Thu nhập khác: được thưởng, bồi thường	✓	7111	178.408.024
...	...	...	...	...	...	...	...
25/11/2025	BC1	189	25/11/2025	Thu lãi tiền gửi - Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam -		6.621	6.621
				Tiền Việt Nam - BIDV - 5731 0003 090909	✓		6.621
				Lãi tiền cho vay, tiền gửi	✓	5151	6.621
...	...	...	...	...	...	...	...
27/11/2025	PK1	409	27/11/2025	Lãi chênh lệch tỷ giá - Công ty TNHH SX TM Vạn Lý		10.898	10.898
				Phải thu ngắn hạn khách hàng: HĐ SXKD (USD)	✓	131112	10.898
				Chênh lệch lãi tỷ giá phát sinh trong kỳ	✓	5152	10.898
...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PK1	419	30/11/2025	Phải trả tiền lương xuất hàng Tháng 11/2025 cho CBCNV		1.341.033.241	1.341.033.241
				Chi phí nhân viên quản lý	✓	6421	171.017.762
				Phải trả công nhân viên	✓	3341	171.017.762
30/11/2025	PK1	422	30/11/2025	Trích khấu hao Tài sản cố định tháng 11/2025		903.833.106	903.833.106
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424	66.641.479
				Hao mòn nhà cửa, vật kiến trúc	✓	21411	66.641.479
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424	4.359.778
				Hao mòn máy móc, thiết bị	✓	21412	4.359.778
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424	21.133.240
				Hao mòn phương tiện vận tải	✓	21413	21.133.240
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424	892.644
				Hao mòn dụng cụ, thiết bị quản lý	✓	21414	892.644
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424	283.500
				Hao mòn cây trồng, vật nuôi làm việc cho SP	✓	21415	283.500
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424	17.576.179
				Hao mòn TSCĐ khác	✓	21418	17.576.179
...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632		79.712.641.613	79.712.641.613
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	79.712.641.613
				Giá vốn hàng bán: hàng hoá	✓	63211	79.712.641.613
...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635		1.158.802.737	1.158.802.737
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	4.125
				Chênh lệch lỗ tỷ giá phát sinh trong kỳ	✓	6351	4.125
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	271.001.836
				Chênh lệch lỗ tỷ giá phát sinh trong kỳ	✓	6351	271.001.836
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	177.613.320
				Chi phí lãi vay	✓	6352	177.613.320
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	710.183.456
				Chi phí lãi vay	✓	6352	710.183.456
...	...	...	...	...	...	...	...

Bảng 2.30: Trích sổ nhật ký chung tháng 11 (Trang 2)

...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641		3.453.631.265	3.453.631.265
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	14.203.962
				Chi phí nhân viên	✓	6411	14.203.962
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	3.436.851.040
				Chi phí dịch vụ mua ngoài	✓	6417	3.436.851.040
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	2.576.263
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6418	2.576.263
...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		1.050.503.238	1.050.503.238
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	541.543.792
				Chi phí nhân viên quản lý	✓	6421	541.543.792
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	27.336.235
				Chi phí vật liệu quản lý	✓	6422	27.336.235
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	5.137.180
				Chi phí đồ dùng văn phòng	✓	6423	5.137.180
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	110.886.820
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424	110.886.820
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	5.722.044
				Thuế, phí và lệ phí	✓	6425	5.722.044
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	53.071
				Thuế, phí và lệ phí	✓	6425	53.071
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	16.253.493
				Thuế, phí và lệ phí	✓	6425	16.253.493
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	281.754.160
				Chi phí dịch vụ mua ngoài	✓	6427	281.754.160
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	61.816.443
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428	61.816.443
...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911		87.346.982.181	87.346.982.181
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	(506.419.314)
				Doanh thu bán hàng hóa, bên ngoài	✓	51111	(506.419.314)
				Doanh thu bán hàng hóa, bên ngoài	✓	51111	87.853.401.495
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	87.853.401.495
...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		269.413.893	269.413.893
				Lãi tiền cho vay, tiền gửi	✓	5151	29.326.188
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	29.326.188
				Lãi tiền cho vay, tiền gửi	✓	5151	6.989
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	6.989
				Chênh lệch lãi tỷ giá phát sinh trong kỳ	✓	5152	10.898
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	10.898
				Chênh lệch lãi tỷ giá phát sinh trong kỳ	✓	5152	240.069.818
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	240.069.818
...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập bất thường vào KQKD - 711, 911		178.408.024	178.408.024
				Thu nhập khác: được thưởng, bồi thường	✓	7111	178.408.024
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	178.408.024
...	...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212		12.347.556.585	12.347.556.585
				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	✓	4212	4.964.119.588
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	4.964.119.588
				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	✓	4212	46.082
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	46.082
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911	7.383.390.915
				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	✓	4212	7.383.390.915
				Tổng cộng		8.280.626.740.627	8.280.626.740.627

Bảng 2.31: Trích sổ nhật ký chung tháng 11 (Trang 3)

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẠT
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang sổ	Stt đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632		63211	79.712.641.613	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635		6351	4.125	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635		6351	271.001.836	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635		6352	177.613.320	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635		6352	710.183.456	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641		6411	14.203.962	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641		6417	3.436.851.040	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD - 911, 641		6418	2.576.263	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		6421	541.543.792	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		6422	27.336.235	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		6423	5.137.180	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		6424	110.886.820	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		6425	5.722.044	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		6425	53.071	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		6425	16.253.493	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		6427	281.754.160	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642		6428	61.816.443	
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911		51111		(506.419.314)
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911		51111		87.853.401.495
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		5151		29.326.188
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		5151		6.989
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		5152		10.898
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		5152		240.069.818
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập bất thường vào KQKD - 711, 911		7111		178.408.024
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212		4212		4.964.119.588
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212		4212		46.082
30/11/2025	PK3	202511	30/11/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212		4212	7.383.390.915	

Tổng phát sinh nợ: 92.758.969.768

Tổng phát sinh có: 92.758.969.768

Ngày mở sổ:

Số dư cuối kỳ: 0

Bảng 2.32: Trích sổ cái TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh”

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất.

3.1.1. Ưu điểm.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

- Công tác tổ chức kế toán tại Công ty rất hợp lý và linh hoạt. Đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn có khả năng đáp ứng được nhu cầu thông tin ngày càng cao của các đối tượng sử dụng, tất cả các nhân viên đều làm việc dưới tinh thần trách nhiệm cao, năng động, nhiệt tình.
- Mỗi nhân viên trong phòng kế toán tại Công ty được phân công một mảng công việc nhất định. Chính sự phân công đó đã tạo ra sự chuyên môn hoá trong công tác kế toán, tránh chồng chéo công việc, từ đó nâng cao hiệu quả của công tác kế toán, giúp cho mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được giải quyết nhanh chóng, rõ ràng theo sự phân công công việc.
- Bộ máy kế toán của Công ty còn được tổ chức theo hình thức tập trung rất phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho kế toán trưởng kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ tập trung thống nhất, đảm bảo sự lãnh đạo của Công ty đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh và công tác kế toán vì toàn bộ số liệu phát sinh ở các bộ phận đều tập trung tại phòng kế toán.

❖ Về sổ sách chứng từ

- Công ty sử dụng các chứng từ bắt buộc đúng theo mẫu quy định của Bộ Tài Chính các nghiệp vụ phát sinh đều có chứng từ chứng minh phù hợp cả về số lượng và cách ghi chép. Các chứng từ đều được đánh số thứ tự theo thời gian và được kiểm tra thường xuyên.
- Hệ thống sổ sách, chứng từ được lập và luân chuyển một cách khoa học, ngăn nắp tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm, lưu trữ, bảo quản và việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kịp thời đầy đủ và chính xác.

❖ Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo thông tư 200/2014/TT-BTC là hoàn toàn phù hợp với quy mô và đặc điểm doanh nghiệp. Hình thức kế toán tại Công ty đang áp dụng là hình thức Nhật ký chung, được tổ chức một cách khoa học hợp lý. Đây là hình thức kế toán đơn giản, mẫu sổ dễ hiểu,

dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán, phù hợp tình hình hoạt động của Công ty.

❖ Về phần mềm kế toán

Công ty hiện đang sử dụng phần mềm kế toán Sivip cho quy trình kế toán, mang lại rất nhiều lợi ích.

- Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của hoạt động kinh doanh trong Công ty đều được xử lý trên phần mềm kế toán.

- Việc áp dụng phần mềm kế toán giúp việc hạch toán được giảm nhẹ, số liệu kế toán được xử lý một cách nhanh chóng và chính xác, phục vụ tốt và kịp thời cho công tác quản lý.

- Với trang thiết bị máy tính đầy đủ nối mạng nội bộ được đảm bảo nên đảm bảo kế toán hạch toán đầy đủ kịp thời. Mỗi máy tính đều có mật khẩu riêng, bảo đảm bảo mật về số liệu kế toán.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công ty còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục

❖ Về sổ sách chứng từ

Công ty không sử dụng các Nhật ký đặc biệt như: Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền,...nên tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được hạch toán vào nhật ký chung. Do đó dẫn đến tình trạng số liệu trên Sổ nhật ký chung dày đặc khó theo dõi và khó kiểm soát được tình hình kinh doanh tại Công ty.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Do mỗi kế toán đảm nhiệm một mảng công việc riêng của mình, nên khi việc họ nghĩ phép thì các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến sẽ không được ghi nhận kịp thời, có thể làm ảnh hưởng đến các mảng công việc khác của bộ phận kế toán.

❖ Về phần mềm kế toán

Phần mềm chỉ tính xuất kho theo phương pháp đích danh, nhập trước xuất trước và theo phương pháp trung bình cho từng kỳ (tháng) chứ không tính giá trung bình cho quý 6 tháng hay 1 năm.

❖ Về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong nghiệp vụ minh họa trang 36, quá trình hạch toán và kết chuyển doanh thu từ TK 511 sang TK 911, doanh nghiệp có phát sinh trường hợp số liệu kết chuyển bị âm liên quan đến khoản thuế xuất khẩu. Mặc dù khoản thuế xuất khẩu đã được ghi nhận giảm doanh thu theo quy định, việc tiếp tục thể hiện một bút toán kết chuyển âm riêng trên sổ kế toán có thể gây khó khăn cho việc theo dõi doanh thu thuần và làm giảm tính minh bạch của thông tin kế toán. Đồng thời, cách trình bày

này có thể khiến người sử dụng thông tin kế toán hiểu chưa đầy đủ về bản chất của khoản thuế xuất khẩu trong quá trình xác định kết quả kinh doanh.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất.

Trong quá trình thực tập tại công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất qua tìm hiểu và nghiên cứu thực tiễn công tác kế toán tại công ty, em xin đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

❖ Hoàn thiện về sổ sách chứng từ:

Bộ phận kế toán ở công ty nên sử dụng thêm các loại sổ nhật ký đặc biệt như: Nhật ký thu tiền, nhật ký bán hàng, nhật ký chi tiền,... để dễ theo dõi và kiểm soát được tình hình kinh doanh ở Công ty hơn.

Bộ phận kế toán ở công ty nên sử dụng Nhật ký đặc biệt như: Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền để giảm bớt số lượng nghiệp vụ ghi vào sổ Nhật ký chung. Đồng thời Nhật ký bán hàng còn giúp ta dễ dàng quan sát ngay doanh thu bán hàng của Công Ty

❖ Hoàn thiện về tổ chức bộ máy kế toán

Công ty nên khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên kế toán tự học hỏi thêm những người đi trước, tổ chức những buổi nói chuyện, học thêm kinh nghiệm ngoài giờ làm việc giữa các nhân viên kế toán và giữa kế toán trưởng, có thể mời một số chuyên gia kế toán về lĩnh vực này để giảng dạy nếu có đủ điều kiện. Như vậy, có thể tăng được kinh nghiệm thực tế cho nhân viên, đồng thời tăng khả năng phối hợp thực hiện công việc, xử lý số liệu nhanh và hạn chế mắc sai sót.

Bên cạnh phân công công việc rõ ràng, hợp lý cho từng nhân viên kế toán thì kế toán trưởng nên phân công kiêm nhiệm tạm thời công tác kế toán cho từng nhân viên khi có người vắng mặt vì lý do đau ốm, công tác,...Điều này giúp công tác kế toán tại Công ty tránh được việc ứ đọng chứng từ, sổ sách, cung cấp thông tin kịp thời.

❖ Hoàn thiện về phần mềm kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán đang phổ biến trên thị trường có thể tính giá xuất kho theo nhiều phương,

Ví dụ: Phần mềm kế toán Misa, Fast,...

❖ Hoàn thiện về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty cần rà soát lại quy trình hạch toán và kết chuyển doanh thu trên phần mềm kế toán nhằm đảm bảo doanh thu thuần được xác định và kết chuyển sang TK

911 theo đúng bản chất kinh tế của nghiệp vụ phát sinh. Đối với các khoản thuế xuất khẩu, sau khi đã ghi giảm doanh thu theo quy định, doanh nghiệp nên thực hiện kết chuyển doanh thu thuần một cách thống nhất, hạn chế việc phát sinh các bút toán kết chuyển âm riêng biệt trên sổ kế toán. Đồng thời, cần bổ sung thuyết minh và hướng dẫn nghiệp vụ đối với các khoản điều chỉnh doanh thu để nâng cao tính rõ ràng, minh bạch và khả năng kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán.

Bút toán tại Công ty	Đề xuất
1. Nợ TK 511: (506.419.314) VND Có TK 911: (506.419.314) VND	Nợ TK 511: 87.346.982.181 VND Có TK 911: 87.346.982.181 VND
2. Nợ TK 511: 87.853.401.495 VND Có TK 911: 87.853.401.495 VND	

KẾT LUẬN

Thông qua quá trình tìm hiểu và thực tập, có thể nhận thấy rằng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng, là yếu tố để đánh giá hiệu quả của hoạt động kinh doanh bằng chính những con số mang tính định lượng chắc chắn, trung thực, khách quan nhất. Điều này tác động đến mọi quyết định kinh doanh của mọi công ty.

Qua thời gian khảo sát công tác kế toán tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất, tôi đã có những hiểu biết nhất định về tổ chức bộ máy và công tác hạch toán kế toán. Việc tổ chức hợp lý công tác kế toán đóng vai trò rất quan trọng, giúp quản lý và sử dụng có hiệu quả hơn tài sản và nguồn vốn của công ty, đảm bảo chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra đều đặn, không bị ứ đọng vốn, quá trình tiêu thụ hàng hóa đạt lợi nhuận cao nhất.

Nghiên cứu đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất”, tôi đã nhận thấy những ưu điểm cũng như những hạn chế tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty để đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong quá trình nghiên cứu, do còn nhiều hạn chế về mặt kiến thức cũng như thời gian thực hiện nên trong luận văn này chỉ đề cập đến những vấn đề cơ bản và nêu ra những ý kiến đóng góp mang tính chủ quan của bản thân. Rất mong nhận được sự đóng góp, bổ sung ý kiến của quý thầy cô để luận văn này được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 05 năm 2026

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Tuyết Nhung

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 99/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính**
- 2. <http://ketoanthienung.net/>**
- 3. <http://thuvienphapluat.vn/>**
- 4. Chuẩn mực kế toán Việt Nam.**
- 5. Tài liệu phòng Kế toán Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất.**

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm
Tôi,, cam đoan rằng tôi đã sử dụng
có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình
chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ Có, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
☐ Không, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:

.....
.....
.....

- Mục đích sử dụng AI (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

.....
.....
.....

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:

.....
.....
.....

- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.

Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khóa luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hợp đồng ủy thác xuất khẩu số 79/BAPDQUTVL/2025

Phụ lục 2: Giấy chứng nhận về khối lượng

Phụ lục 3: Bảng chấm công và bảng tính lương

Phụ lục số 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG ỦY THÁC XUẤT KHẨU

Số: 79/BAPDQUTVL/2025

- Căn cứ Luật thương mại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005.

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của Công ty TNHH SXTM Vạn Lý và Công ty TNHH Lâm Sản Bình An Phú Dung Quất.

Hôm nay, ngày 27 tháng 10 năm 2025, tại Văn phòng Công ty TNHH SXTM Vạn Lý, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT

Địa chỉ: Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mã số thuế: 4300807955

Tài khoản: Tại Ngân hàng TMCP Dầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất.

Số tài khoản USD: 5732790909

Tài khoản: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Quảng Ngãi.

Số tài khoản USD: 2025797979

Người đại diện : Ông **LÊ ĐỨC DŨNG**

Chức vụ: Giám đốc



BÊN B: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VẠN LÝ

Địa chỉ: Cụm CN-TTCN Phổ Phong, xã Nguyễn Nghiêm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mã số thuế: 4300588598

Tài khoản: Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Dung Quất.

Số tài khoản USD: 0571.377.000.007

Người đại diện: Ông **HUỖNH VĂN ĐOÀN**

Chức vụ: Phó Giám đốc

Sau khi bàn bạc cụ thể, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng ủy thác xuất khẩu Dăm gỗ Keo với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung:

Bên A đồng ý ủy thác cho bên B xuất khẩu và Bên B đồng ý nhận ủy thác xuất khẩu cho bên A mặt hàng: Dăm gỗ Keo.

Điều 2. Số lượng, giá cả, quy cách phẩm chất:

2.1 Số lượng: 2.000,00 BDMT ± 10%

(Căn cứ theo chứng thư giám định của Công ty SGS Việt Nam TNHH)

2.2 Giá cả: 150,00 USD/BDMT

Tổng giá trị hợp đồng: 300.000,00 USD ± 10%

(Bằng chữ: Ba trăm ngàn Dollar Mỹ chẵn ± 10%)

2.3 Quy cách phẩm chất:

Theo Hợp đồng ngoại thương bên B ký với khách hàng nước ngoài.

Điều 3. Thời gian và địa điểm giao hàng

3.1 Thời gian giao hàng: Dự kiến từ ngày 28/10/2025 đến ngày 02/11/2025.

(Thời gian cụ thể Bên B sẽ thông báo cho Bên A sau bằng văn bản).



3.2 Địa điểm giao hàng: Cảng Dung Quất, Quảng Ngãi.

Điều 4. Trách nhiệm của mỗi bên:

4.1 Trách nhiệm bên A:

- Đảm bảo số lượng hàng hoá và phương tiện làm hàng khi tàu cập cảng.
- Vận chuyển hàng đến cảng và xếp hàng lên tàu.
- Phối hợp với bên B để hoàn tất các thủ tục xuất hàng theo quy định hiện hành.
- Chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận số lượng, chất lượng hàng hoá giao lên tàu.
- Cử cán bộ theo dõi thường xuyên hàng hoá tại kho và tại cảng.
- Chuyển tiền cho bên B để bên B trả thuế xuất khẩu theo quy định hiện hành.
- Chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc xuất hàng như: Cước vận chuyển hàng, chi phí xếp dỡ - ửi, dầm nén (kể cả phí sử dụng cầu bờ, băng tải xuất), phí giám định hàng hoá, phí kiểm dịch thực vật và tất cả các khoản phí khác có liên quan đến số lượng hàng xuất của bên A.
- Chịu trách nhiệm cung cấp chứng từ chứng minh nguồn gốc lô hàng để bên B xin chứng nhận xuất xứ mẫu B do Cục Xuất Nhập Khẩu cấp.
- Xuất hoá đơn cho bên B.
- Nếu tài khoản của bên A không cùng hệ thống với ngân hàng của bên B, thì bên A phải chịu phí ngân hàng thu khi bên B chuyển trả tiền cho bên A.

4.2 Trách nhiệm bên B:

- Sắp xếp cầu bến, thông báo lịch tàu, kế hoạch làm hàng để bên A chuẩn bị tốt công tác xuất hàng.
- Lập các thủ tục với các cơ quan chức năng liên quan như: Hải quan, cảng, ... để xuất lô hàng theo đúng với yêu cầu của người nhập khẩu trên cơ sở tuân thủ đúng các quy định xuất nhập khẩu của Nhà nước Việt Nam.
- Chuyển tiền nộp thuế xuất khẩu theo quy định hiện hành.
- Cử cán bộ phối hợp với bên A theo dõi tiến trình xuất hàng lên tàu.
- Làm thủ tục thanh toán với Ngân hàng, thanh toán tiền hàng cho bên A đúng như quy định tại Điều 2 của hợp đồng này.

Điều 5. Quy định về nộp thuế xuất khẩu:

- Ngay sau khi ký hợp đồng hoặc chậm nhất trước ngày mở tờ khai 01 ngày, bên A phải chuyển tiền để bên B nộp thuế xuất khẩu theo quy định hiện hành. Tạm tính thuế theo tỷ giá mua chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm hoặc tỷ giá cuối ngày của ngày làm việc liền kề trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày lễ, ngày nghỉ.
- Bên B có trách nhiệm nộp thuế xuất khẩu thay cho bên A đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Ngay sau khi có kết quả giám định số lượng hàng hóa thực xuất. Bên B xác định chính xác số thuế phải nộp và tiến hành khai bổ sung, nộp thuế bổ sung/đề nghị hoàn thuế theo quy định hiện hành.
- Nếu kết quả giám định hàng hóa khác so với nội dung khai dẫn đến thay đổi về số tiền thuế phải nộp thì hai bên thực hiện việc quyết toán thuế xuất khẩu trong Biên bản thanh lý hợp đồng, cụ thể:
 - + Nếu bên A nộp thiếu tiền thuế thì phải nộp bổ sung ngay để bên B nộp bổ sung tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước.
 - + Nếu bên A nộp thừa tiền thuế thì sẽ được bên B chuyển trả lại ngay sau khi được Nhà nước hoàn tiền thuế nộp thừa cho bên B.

Điều 6. Thời gian làm hàng:

Theo hợp đồng Ngoại thương mà bên B đã ký với khách hàng nước ngoài.

Điều 7. Thường phạt thời gian làm hàng:

- Theo hợp đồng ngoại thương mà bên B đã ký với khách hàng nước ngoài.
- Toàn bộ tiền thưởng làm hàng nhanh (nếu có) sẽ được phân chia cho tất cả các đơn vị cùng xuất theo tỷ lệ BDMT thực xuất. Bên B sẽ chuyển tiền thưởng cho bên A ngay sau khi nhận được tiền từ khách hàng nước ngoài.
- Ngược lại, nếu có phát sinh phí phạt đôi nặt do sự chậm trễ (tiền phạt) thì tất cả các đơn vị tham gia xuất phải chịu theo tỷ lệ BDMT thực xuất; khi đó tiền phạt hoặc sẽ được căn trừ vào tiền hàng UTXK hoặc đơn vị UTXK phải chuyển trả tiền cho đơn vị nhận ủy thác để đơn vị nhận ủy thác trả cho khách hàng nước ngoài.

Điều 8. Phương thức thanh toán:

8.1 Toàn bộ giá trị lô hàng thực xuất sau khi trừ đi các khoản:

- Phí uỷ thác: 0,10 USD/BDMT. (Đơn giá trên chưa bao gồm 8% thuế GTGT). Quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày thông quan trên tờ khai hải quan.
- Các khoản khác: Phí hải quan, phí chuyển tiền, chi phí khác (nếu có), ... thực thanh, thực chi sau khi xuất hàng xong.

8.2 Hình thức thanh toán:

- Khi nhận được tiền hàng từ khách hàng nước ngoài, bên B sẽ chuyển bằng ngoại tệ (USD) tại khoản bên A trị giá lô hàng thực xuất sau khi đã trừ các khoản phí.
- Tiền thuế, phí và lệ phí (nếu có), ... bằng VND thì thanh quyết toán bằng VND.

Điều 9. Cẩn trừ vào thanh toán:

Nếu quy cách, phẩm chất hàng hoá của bên A không đạt tiêu chuẩn quy định theo hợp đồng ngoại thương giữa bên B ký với khách hàng nước ngoài, bị khách hàng nước ngoài căn cứ vào số lượng thanh toán, thì bên B sẽ căn cứ vào số tiền phải thanh toán cho bên A.

Điều 10. Điều khoản chung:

- Không bên nào đơn phương huỷ bỏ hợp đồng. Trường hợp bên nào đơn phương huỷ bỏ hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại, mất mát đã gây ra cho bên còn lại.
- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và đúng theo các điều kiện và điều khoản ghi trong hợp đồng. Mọi thay đổi hai bên bàn bạc cụ thể và xác nhận bằng văn bản.
- Trường hợp tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, trước hết hai bên phải thoả thuận để dàn xếp. Nếu chưa dàn xếp được thì tranh chấp sẽ được phân xử tại Tòa án nhân dân Quận Ngã. Quyết định của trọng tài là cuối cùng và ràng buộc hai bên. Chi phí trọng tài và các chi phí khác liên quan do bên thua kiện chịu.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực từ ngày ký đến khi thanh lý hợp đồng này.



Huỳnh Văn Đoàn

Phụ lục số 2

Report N°: 25110500EC

SGS

Page N°: 1/1

* Báo cáo số: 2025337

GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁM ĐỊNH VỀ KHỐI LƯỢNG

Bên ủy thác xuất khẩu: CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Bên nhận ủy thác xuất khẩu: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VẠN LÝ
Cụm CN-TTCN Phổ Phong, Xã Nguyễn Nghiêm, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Tên hàng: Dăm gỗ keo
Phương tiện vận tải: Tàu MV YI HUI LIAN RUN V.2506
Khối lượng: 3.782,72 tấn tươi / 1.365,70 tấn khô
Cảng xếp hàng: Dung Quất, Việt Nam
Cảng dỡ hàng: Xiamen, Trung Quốc
BL số: YHLR2506
Ngày yêu cầu giám định: ngày 01 tháng 11 – 05 tháng 11, năm 2025

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH:

Theo yêu cầu của CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT, chúng tôi – giám định viên SGS – đến tàu nói trên cùng với sĩ quan hàng hóa tiến hành giám định khối lượng hàng hóa được cung cấp bởi khách hàng bằng Phương pháp giám định mớn nước. Trên cơ sở các tài liệu do tàu cung cấp và kết quả giám định, chúng tôi đã tính toán và chứng nhận rằng khối lượng dăm gỗ tươi được xếp lên tàu là: 3.782,72 tấn.

Căn cứ vào kết quả lấy mẫu đại diện tại nhiều vị trí khác nhau của lô hàng dăm gỗ keo nêu trên trong suốt quá trình xếp hàng, kiểm tra độ ẩm tại phòng thí nghiệm, tính toán. Kết quả như sau:

	Khối lượng tấn tươi	Độ ẩm (%)	Khối lượng tấn khô
Dăm gỗ keo	3.782,72 tấn	63,8963%	1.365,70 tấn

Bằng chữ: Một nghìn ba trăm sáu mươi lăm phẩy bảy mươi tấn khô.

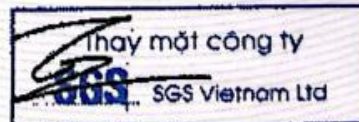
Thời gian giám định: ngày 01 tháng 11 – 05 tháng 11, năm 2025.

Địa điểm giám định: tại tàu và phòng thí nghiệm của SGS, Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2025

Công ty SGS Việt Nam TNHH

Mạch Bình Trương



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai Street,
Xuan Hoa Ward,
Ho Chi Minh City - Vietnam
t: +84 28 3935 1920
f: +84 28 3935 1921

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonline.sgs.com/en/v2/common/certificate/authenticateCertificate.jsp>.

CÔNG TY TNHH LÂM SẢN BÌNH AN PHÚ DUNG QUẤT
BẢNG CHẤM CÔNG

11/20/25

BẢNG CHẤM CÔNG - TỔNG HỢP

[illegible]

BẢNG TÍNH LƯƠNG THÁNG

Tháng: 11/2025

STT	Họ và tên	Chức danh	Công suất bình thường										Công suất làm thêm										Công suất nghỉ	Tổng công suất	Hệ số HCTV	Lương	Lương sản phẩm	Lương phụ cấp	Tổng phụ cấp TN khác	Tổng	BHYT BHYT, BHXH (0,5%)	Phụ Công tác, bảo vệ	Thỏa thuận BHXH			Tỷ lệ công nhân	Thỏa thuận nhân	Ký nhân																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
			Lương CB					Lương CB					Lương CB					Lương CB															Tỷ lệ công nhân	Thỏa thuận nhân	Ký nhân																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
			HC C/C	Cá C/C	Ta C/C	Ta C/C	HC C/C	Cá C/C	Ta C/C	Ta C/C	C-C/C	Cá C/C	Ta C/C	Ta C/C	Phụ L	BHYT	SX	xH	6	TC																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					